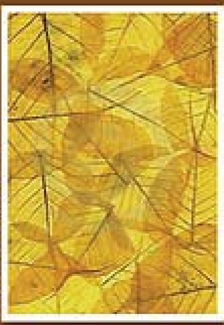
Tập Truyện Ngắn



Quét lá sân Chùa

KHÔNG QUÁN

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

QUÉT LÁ SÂN CHÙA

Tác giả: Không Quán

GPXB số 171-2010/CXB/234/03-01/VHTT

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM
Việt Nam

QUÉT LÁ SÂN CHÙA

Tập truyện ngắn

KHÔNG QUÁN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

TỰA

Thay lời tựa, tác giả xin trích lại chuyện xưa:

Thiền sư Đỉnh Châu[1] đi dạo quanh chùa cùng một sa di. Khi đi ngang sân chùa thì hốt nhiên một cơn gió thổi vèo tới, lá trên cây rụng xuống rào rào. Sư cúi xuống nhặt từng chiếc lá bỏ vào trong túi.

Vị sa di đi theo hầu thấy vậy bèn nói: "Thầy không cần phải nhặt từng chiếc lá như vậy, vì mỗi sáng đều sẽ có người đi quét dọn."

Thiền sư an nhiên trả lời: "Đừng nói như vậy, chẳng lẽ khi quét dọn thì sẽ sạch hết lá rơi sao? Ta chăm lo nhặt từng chiếc thế này, sẽ khiến cho mặt đất được sạch sẽ."

---

[1] Đỉnh Châu (鼎州) nay thuộc địa phận huyện Thường Đức tỉnh Hồ Nam. Đời Đường, Đỉnh Châu được gọi là Lãng Châu. Năm Đại Trung Tường Phù thứ 5 (1012), nhà Tống mới đổi nó thành Đỉnh Châu. Theo các ngữ lục về thiền thì Tổ Đức Sơn được xưng tụng là thiền sư Đỉnh Châu vì Tổ trụ trì tại đó hoằng hóa Thiền tông.

Vị sa di thưa: "Lá rụng nhiều như vậy, thầy nhặt đằng trước thì nó lại rơi đằng sau. Như vậy nhặt cho đến bao giờ mới hết?"

Thiền sư Đỉnh Châu trả lời: "Lá không phải là chỉ rơi trên mặt đất, mà lá còn rụng trong tâm của chúng ta. Nhặt lá rơi trong lòng, hẳn có lúc sẽ sạch."

Chuyện tích Phật giáo xưa còn kể lại câu chuyện của một vị đệ tử của đức Phật Thích Ca tên là Chu Lợi Bàn Đà Già (Chūdapanthaka) rất là đần độn. Khi học được câu trước thì quên câu sau và ngược lại. Phật hỏi có biết làm gì không. Chu Lợi Bàn Đà Già nói biết quét sân. Phật bèn bảo hãy chuyên tâm đi quét sân chùa và trong khi quét thì hãy niệm câu "Phất trần tảo cấu" (quét bụi quét bặm). Chu Lợi Bàn Đà Già tu theo như vậy một thời gian lâu và quán chiếu:

Bụi bặm chẳng phải là "cấu uế"
Tham ái là "cấu uế"

Và Chu Lợi Bàn Đà Già quét sạch sẽ sân chùa đồng thời quét sạch cấu uế trong tâm để rồi sau đó đắc quả A-la-hán.

Lời bàn cho tựa

"*Phất trần tảo cấu*" là hành trì hằng ngày để quét sạch tâm thức. Như vậy thì cần có chính niệm để theo dõi tâm thức trong từng giây phút. Công việc thật là cực và khó khăn vì tâm ý chỉ cần sơ suất một chút là đã đi xa ngàn dặm.

Quét Lá Sân Chùa là tâm nguyện của người tu, chẳng hề lý thuyết chút nào. Nhặt lá rụng chính là nhặt đi những vọng tưởng và phiền não trong tâm. Chỉ cần an hòa tâm vọng thì lập tức thấy cả một bầu trời tịch tĩnh. Đó là "*Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" như trong kinh Kim Cang đã dạy (ở chỗ "vô trụ" mà khởi sinh tâm "diệu dụng" đó).





MỤC LỤC



ĐẦU XUÂN CẢM THƠ

Mùa xuân và thi hứng
trong ánh sáng của đạo

Xuân đã trở về trong bầu không khí.

Mùa xuân mang lại những niềm vui, những kỷ niệm êm đềm. Mùa xuân là lúc chúng ta sống lại với những truyền thống cổ truyền, nhớ đến những tục lệ thật đẹp của dân tộc, và nhất là dịp để chúng ta tưởng nhớ đến đức Từ phụ, ôn lại những giáo pháp đức Bổn sư đã để

lại thế gian, nhắc nhở lại trong tâm chúng ta về bản chất của kiếp người trong cõi Ta-bà, vốn mang đầy những nghịch tính phi lý, để hướng tâm ta về con đường tâm linh ngay trong ngày đầu năm.

Ở trong truyền thống của dân tộc đó, để tạo lại bầu không khí xuân trong tâm, ngày đầu xuân với một phong cách trân trọng, chúng ta thường viết bài khai bút đầu xuân...

Với nỗi lòng yêu quý đến thơ, bài khai bút đầu tiên mỗi năm của tôi thường là một bài thơ. Nhưng năm nay thì tôi lại có cảm hứng để viết về những cảm xúc từ thơ: Đầu Xuân Cảm Thơ.

Thơ. Chỉ một chữ thơ cũng đã gợi trong tôi bao nhiêu kỷ niệm buồn vui trong đời. Cả đời tôi gắn liền với thơ. Thơ từ trong tiếng mẹ ru êm đềm ấm áp, đến những bài thơ hùng tráng của lịch sử dân tộc như bài thơ Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt, chí đến những bài thơ sâu sắc lãng mạn của thời Đường, của thời tiền chiến và hậu chiến...

Với tôi, thơ là cả một nỗi lòng:[1]

[1] Những phần thơ trong bài viết không ghi tên tác giả đều là của Không Quán.

Thơ là những tiếng thở dài...
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài
Theo ngòi bút, tựa mây bay
Tâm hồn, giấy trắng trinh nguyên, phơi bày...

Ngòi bút mềm mại trơn tru, tâm ý cũng trào lên như một dòng suối mát xoa dịu tâm hồn của người viết và người đọc.

Thơ còn là kỷ niệm, những kỷ niệm êm đềm thích thú để lại những lúc hồi tưởng và mỉm cười một mình, giống như một người điên, chỉ sống trong thế giới riêng tư của người thi sĩ với những thời điểm và không gian hoàn toàn tách biệt ra khỏi thế giới bên ngoài, đi vào thế giới của cõi thơ, cõi sương mù, cõi sa mù... nỗi quạnh hiu trong thơ và trong tâm hồn người viết.

Chỉ còn một mình... nhìn vào mình. Niềm cô đơn đối diện với niềm cô đơn!!!

Quạnh hiu

Mù sương khói phủ lòng hiu quạnh
Bên đời em có nhớ tình ta
Trầm hương, thơm những ngày yêu dấu
Một sáng mai thầm gọi sa bà...

Bên dòng nước chảy, bên dòng đời
Tháng ngày phủ xóa nỗi đơn côi

Trầm hương, thơm những ngày yêu dấu
Bụi hồng rơi xuống lấp chia phôi
Mù sương khói sóng tỏa miên man
Ôm nỗi phong trần của thế gian
Quạnh hiu nỗi nhớ ngày yêu dấu
Bên đời nhân thế vẫn mang mang...

Đầu xuân cảm đến thơ. Nhưng thơ là cả một nỗi buồn mang mang của nhân thế. Một nỗi sầu vạn cổ, với tất cả những phi lý và nghịch lý của thế gian để rồi sau cùng hết, lại đưa tâm của con người đi tìm về con đường đạo.

Từ cảm được nỗi buồn của thơ, người thi sĩ mới khởi hành trên con đường tìm về tâm linh vĩnh cửu.

Và khi khởi hành thì đó chính là ánh sáng ló dạng của buổi bình minh với mặt trời mùa xuân...

Cảm xúc về thi văn

Thơ là những tiếng thở dài...
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài.

Một lần tôi đọc trên một tạp chí văn học đăng bài luận về "*Thơ hài cú và tân hài cú*" của thi sĩ Ngu Yên. Bài viết này gây ấn tượng rất mạnh trong đầu tôi, bởi vì dù là một bài văn xuôi, nhưng

khi đọc lên, tôi thấy được hết tất cả những chất thơ bên trong.

Trích (lâu ngày nên trí nhớ già nua và có thể thiếu sót):

> *Bên giòng sông theo nước chảy lặng lờ. Sương mù rơi cảnh chiều đẹp như mơ. Cạnh cầu gỗ thi sĩ chìm trầm lặng, nghe thiên nhiên hòa điệu. Tình cờ: Tiếng con ếch nhảy xuống nước – "bõm". Xuất thần thi sĩ phóng bút thơ.*
>
> *Dòng sông xuôi trong dòng nước chảy. Lòng sông chở muôn lẽ diệu huyền. Tiến hóa đương nhiên ếch về nước. Động lòng người cảm lý ngẫu nhiên. Vài thế kỷ sau chung cảnh cũ, cũng dòng sông chảy cũng sương mờ. Nhưng chiếc cầu sắt thay cầu gỗ. Tiếng ếch chìm vào tiếng động cơ. Qua cầu thiếu nữ khua gót mạnh, vội vã chiếm đời những bước mau. Thi sĩ vẫn hồn thơ hài cú, nghe thấm hương tình thơm chiêm bao...*

Ngưng trích.

Thật tình, khi đọc qua đoạn văn xuôi này, tôi thấy tâm hồn xao xuyến một cách kỳ lạ. Bởi vì thật quả là có một cái chất thơ bàng bạc ở trong những lời văn này. Đọc đi đọc lại nghiền ngẫm. Mãi một lúc sau chợt nhận ra: đó không phải là

văn xuôi mà là thơ, lời văn êm tai, có vần điệu của những câu thơ. Tôi đọc lại thêm lần nữa, từng câu, theo dõi từng dấu chấm, dấu phẩy, rồi rốt lại tôi xếp nguyên bài văn xuôi thành các ngắt câu và xuống hàng để thấy quả thật đó là bài thơ dưới hình thức của một bài văn xuôi...
Thử sắp lại các câu:

……
Bên dòng sông theo nước chảy lặng lờ.
Sương mù rơi cảnh chiều đẹp như mơ.
Cạnh cầu gỗ thi sĩ chìm trầm lặng,
Nghe thiên nhiên hòa điệu. Tình cờ:
Tiếng con ếch nhảy xuống nước - "bõm"
Xuất thần thi sĩ phóng bút thơ.
Dòng sông xuôi trong dòng nước chảy.
Lòng sông chở muôn lẽ diệu huyền.
Tiến hóa đương nhiên ếch về nước.
Động lòng người cảm lý ngẫu nhiên.
Vài thế kỷ sau chung cảnh cũ,
Cũng dòng sông chảy cũng sương mờ.
Nhưng chiếc cầu sắt thay cầu gỗ.
Tiếng ếch chìm vào tiếng động cơ.
Qua cầu thiếu nữ khua gót mạnh,
Vội vã chiếm đời những bước mau.
Thi sĩ vẫn hồn thơ hài cú,
Nghe thấm hương tình thơm chiêm bao...

Ngu Yên

Bài thơ có vần điệu, trữ tình và có nhạc tính. Tôi không khỏi mỉm cười khi nghĩ đến đây: quả là ông thi sĩ đã làm tôi nhầm lẫn tưởng đó là bài văn xuôi. Không phải thế đâu. Ông đã làm bài trường thi cảm tác về hài cú và tân hài cú...

Kể từ khi đọc bài văn xuôi đó đến nay, tôi đâm ra... bâng khuâng hay nghĩ đến thơ và các vần điệu, và như là một sự ám ảnh, mỗi lần tôi đọc một bài văn nào của ai, và nhất là của thi sĩ Ngu Yên thì tôi đâm ra nghi ngờ, xem xét kỹ lưỡng đi lại các chấm câu, dấu phẩy và xuống hàng để xem có phải là thơ hay không.

Tôi đi tìm kiếm chất thơ trong các bài văn, đôi khi đọc đi đọc lại mãi một đoạn văn xuôi và tâm thức ngơ ngẩn...

Thơ hay là văn?



Thiền trong thi văn

Thơ là những tiếng thở dài...
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài
Tiếng con ếch nhảy xuống nước - "bõm"

Câu này liên hệ đến nhà thi sĩ hài cú nổi tiếng ở Nhật Bản vào thời các sứ quân chia cắt nước Nhật và các kiếm sĩ (samourai). Thiền sư Ba Tiêu nguyên chữ là Matsuo Basho (Tùng Vĩ Ba Tiêu,

1644-1694, nhưng tên thật là Tông Phòng, hiệu là Haseo), vốn là một kiếm sĩ đầu quân dưới trướng của một vị sứ quân thời đó tên là Mạc Phủ Đức Xuyên. Mặc dù rất được trọng vọng, ông chán ngán chuyện công danh và từ chức, đi lang thang và sống nghèo nàn với quần áo rách nát. Ông đi hành cước từ Bắc chí Nam để tìm về đạo và tìm ý thơ, sáng tác thi kệ và thành lập trường phái hài cú của riêng mình.

Biệt hiệu Ba Tiêu của ông vốn khởi sinh ra từ câu chuyện đời ông như sau:

> *Trên đường đi hành cước, một đêm ông lưu lại ngủ trong một căn nhà lá nhỏ.*
> *Trong đêm khuya cô đơn, tiếng mưa rơi rả rích, ông ngồi một mình đối diện với niềm cô đơn, tịch mịch. Chung quanh chỉ là đồng không mông quạnh. Nhà thơ cảm nhận niềm im lặng tuyệt vời ở chung quanh. Ông nghe tiếng mưa rơi trên tàu lá chuối ngoài sân.* ***Tiếng kêu lộp độp âm vang trong màn đêm khuya cô tịch, đột nhiên ông cảm nhận sự viên dung của mọi sự vật, của vạn pháp đang hòa nhập vào nhau như một màn lưới trùng trùng điệp điệp.*** *Trước sự cảm xúc đó, ông nhập hồn vào cây chuối tiêu đang tắm mình, hòa điệu trong cơn mưa,*

từ đó lấy biệt hiệu của mình là chuối tiêu, "Ba Tiêu, Basho", và lập một am tu tên là Ba Tiêu Am ở vùng Thâm Xuyên, Giang Hộ để ẩn cư.

Chúng ta biết, nhà thơ **Bạch Cư Dị** (白居易, 772-846) thời Đường cũng trong một khung cảnh tương tợ như thế, đã làm bài thơ Dạ Vũ:

夜雨
早蛩啼複歇
殘燈滅又明
隔窗知夜雨
芭蕉先有聲



Dạ vũ
Tảo cung đề phục yết
Tàn đăng diệt hựu minh
Cách song tri dạ vũ
Ba tiêu tiên hữu thanh.

Bạch Cư Dị

Dịch:

Mưa đêm
Tàn đêm tiếng dế lại ngừng
Bấc khô đèn lụi lại bừng sáng lên
Ngoài song mưa nhỏ tiếng đêm
Chuối tiêu phát tiếng đầu tiên vọng vào.

Thi sĩ Ba Tiêu sau cùng đã học thiền với hòa thượng Phật Đảnh. Từ đó mà khởi sinh ra câu chuyện thiền thi vị và bất hủ liên hệ đến câu thơ đã nói ở trên như sau:

Bõm.

Hòa thượng Phật Đảnh nghe nói đệ tử là Ba Tiêu (cũng là thi sĩ Ba Tiêu) đã khai ngộ bèn đến thăm và thử vị đệ tử này. Vừa tới nơi liền hỏi:

- Gần đây có chuyện gì hay chăng?

- Mưa xuống rêu xanh tươi.

Hòa thượng Phật Đảnh hỏi tới:

- Khi rêu chưa xanh, Phật pháp thế nào?

Ba Tiêu trả lời bằng một bài hài cú:

Ao cũ lặng yên
Ếch nhẩy vào
Bõm!

Tiếng thở dài trong thi văn

Thơ là những tiếng thở dài...
Nỗi niềm tâm sự trút ra bên ngoài

Là thơ hay là văn?

Khi đọc bài văn xuôi Tân Hài Cú xong, tôi quên hết tất cả những sự giải thích, phân tích sự liên hệ về thơ hài cú và tân hài cú của thi sĩ Ngu Yên. Trong tâm của tôi chỉ còn âm hưởng mạnh mẽ

của những cảm tính âm nhạc và vần điệu của những câu thơ. Những âm điệu thật là trữ tình và dễ thương thích thú.

Một lần có một nhà thơ đã hỏi tôi:

> *"Theo em thì tiếng nói của loài người phát xuất từ đâu?"*

Và tôi đã trả lời không ngần ngại:

> "*Xuất phát từ những sự xúc cảm thâm sâu từ trái tim của con người.*"

Và để thuyết minh cho điều đó, tôi đã đưa ra một thí dụ là khi con người quá đau khổ trước một biến cố nào của cuộc đời, như khi người thân yêu vĩnh viễn ra đi khỏi cõi đời này. Hoặc giả như là khi đứng trước thảm cảnh sóng biển cướp đi mạng sống của người thương yêu, con người bất lực trước hoàn cảnh đó còn biết làm gì hơn là thốt lên một tiếng kêu gào của sự đau thương, như những người thời thượng cổ chưa biết nói, chỉ lặng câm mà phát ra những âm thanh kêu la... diễn tả lòng thương đau vô hạn.

Cũng có khi đau đớn phẫn hận quá thì chỉ thốt lên một tiếng thở dài não nuột thấu đến nhân tâm và ngay cả đến các loài hữu tình khác.

Thơ là những tiếng thở dài...

Nói về tiếng thở dài trong lịch sử nhân loại, có lẽ chưa có tiếng thở dài nào mà lại não nuột ai oán hơn tiếng thở dài của Thái tử Đan người nước Yên khi bị vua Tần cầm tù.

Chuyện kể như sau:

Vào thời Đông Chu Liệt Quốc, Thái tử Đan nước Yên bị vua cha đưa sang làm con tin ở Tần để giữ cho nước Yên tránh không bị Tần Thủy Hoàng mang quân đánh chiếm. Vua Tần bèn cầm tù giam lỏng thái tử Đan tại quán xá không cho về lại nước Yên.

Lúc đó vì thấy Tần cử đại binh mã đánh nước Triệu, Thái tử Đan biết tai họa sẽ lây đến nước Yên, bèn ngầm sai người đưa thư cho vua Yên bảo nên phòng bị việc chiến tranh; lại bảo vua Yên nói dối có bệnh, sai sứ giả sang đón thái tử về nước. Vua Yên làm theo kế. Sứ giả đến Tần, vua Tần nói:

"Vua Yên chưa chết, thì thái tử chưa về được. Muốn cho thái tử về, trừ phi bao giờ đầu quạ bạc trắng, ngựa mọc sừng mới được!"

Thái tử Đan phẫn uất đầy lòng, bỏ ra ngoài quán xá ngửa mặt lên trời thở dài và kêu to lên một tiếng. ***Hơi thở phát thành một cầu vồng mang luồng oán khí xông thẳng lên***

> ***mấy tầng mây. Lúc ấy, có đàn quạ bay ngang trời, hơi thở dài và luồng oán khí bay lên đàn quạ làm cho lông đầu của chúng bỗng trở thành bạc trắng.*** *Thế mà vua Tần vẫn không tha cho về...*

Trong thi văn cũng còn nhiều những tiếng thở dài khác chuyên chở nỗi lòng của nhân thế.

Như tình trường thế nhân,
Bên nhau, tình xa vời vợi,
Xa nhau, nhớ thương vô vàn...

Như tất cả những nghịch lý của cõi trần ai, những phi lý của cõi thế gian.

Thế gian là chốn bụi hồng, nó luôn rơi những bụi trần bay lãng đãng và nhẹ nhàng. Nhưng mấy ai để ý rằng hồng trần bay nhẹ đó lại có một sức mạnh vô cùng để có thể phủ lấp tất cả những gì của thế gian, để rồi mọi thứ, mọi sự vật đều sẽ chìm theo cơn bụi của tháng ngày gió xóa.

Chỉ còn cái tâm...

Nhưng tâm ấy... có thể tự nhìn thấy được tâm chăng?
(Bởi vì, như con mắt có thể nhìn được mọi sự ngoài nó, mà chẳng thể nhìn thấy được chính nó).

Trầm Hương

Gần nhau thì thấy tình trường
Xa nhau lại thấy tình thương dạt dào.

Khuyết danh

Người đi,
Nỗi nhớ trầm hương
Nhớ trong giây phút
Mà thương phận mình
Người về,
Chao đảo ân tình
Đèn khuya sương sớm,
Câu kinh miệt mài

Trường giang,
Một dải sông dài
Không dài,
Hơn tiếng thở dài từ lâu
Một hơi,
Năm sắc hóa cầu,
Hai hơi,
Ô thước bạc đầu kêu nhau

Người đi,
Ta nhớ giấc đầu
Người về,
Ta lại âu sầu như mưa.

Dòng đời là tiếng thở dài, xuyên suốt kiếp từ quá khứ sang hiện tại rồi chạy vào tương lai, không dừng lại, không ngăn, nghỉ. Tiếng thở dài chuyên chở nỗi lòng của kiếp người hòa lẫn trong tiếng thở dài của lòng đất mẹ, của tình yêu vô bờ bến. Như một cái đàn phong cầm vĩ đại với muôn triệu ống thổi gió thiên hình vạn trạng. Tiếng to, tiếng nhỏ, tiếng trầm tiếng bổng, tiếng thở dài ngắn, tiếng thở dài dài. Hòa với nhau để trở thành một bản trường ca vĩnh cửu, hỗn mang mà trật tự, ồn ào mà êm ái, thô bạo mà tình tứ. Muốn nghe được âm điệu ấy, chỉ có cách là ta ngồi yên, tịnh tâm bên dòng trường giang, để lắng nghe nó phát ra âm điệu Om…m…m…m… không ngừng. Âm điệu mầu nhiệm của dòng trường giang của dòng tâm tương tục.

Ôi, kiếp người! Chẳng có gì ra ngoài được cái chữ Tâm[2] kia…

•••

[2] Chữ tâm viết theo Hán tự (心): "*Tam điểm như tinh bố. Loan câu tự nguyệt nha. Phi mao tùng thử khởi. Tác Phật dã do tha.*" Tạm dịch: *Ba chấm như chùm sao. Móc cong như trăng mới. Mang lông do từ đó. Thành Phật cũng đấy ra.*

Phụ bản: Trầm Hương

Nhạc: Trần Viết Tân, Thơ: Không Quán





CÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN VÀ ĐẠO PHẬT

Buổi sáng hôm nay bầu trời Cali quang đãng và xanh ngắt. Hồ nước trước nhà trong veo và cá lội tung tăng... nhả bọt. Thiện đang mơ hồn trong cảnh đẹp thì nghe Từ, vợ chàng gọi rối rít:

"Anh ơi đi nhanh chở con đi học, trễ giờ của con rồi."

Thiện thủng thỉnh bước vào nhà sửa soạn thay quần áo. Chàng chưa muốn rời khỏi nhà vì tâm hồn còn đang thả mộng ở bên hồ cá và bầu trời đẹp xanh lơ thơ mộng.

Từ lại kêu:

"Kìa anh, em và con đang chờ trong xe. Sau đó mình đi lên chùa Dược Sư cầu nguyện nhé và ghé qua tiệm Goodwill[3] để coi giùm em cái máy khâu. Hôm qua em ghé Goodwill thấy có cái máy coi bộ còn tốt, em cần mua để khâu vá chút đỉnh cho con."

Thiện thay quần áo và quay trở ra xe, nhìn vợ và con sẵn sàng. Chàng nói:

"Được em, mình lên chùa cầu nguyện đi, năm cùng tháng tận rồi. Cầu nguyện và cúng dường để gia đình mình có được chút phước đức cho các con, sắp sang năm mới rồi đó em."

Từ, vợ chàng mỉm cười, nụ cười thật xinh xắn. Từ thủa xa xưa, chàng đã thương nụ cười xinh ấy của Từ, vừa đẹp và vừa có nét từ bi. Chàng quay

---

[3] Goodwill là một tiệm bán đồ rất rẻ, phần lớn là đồ cũ, nhưng cũng có cả đồ mới trong vùng Cali.

sang bên và hôn Từ. Vợ chàng sung sướng hôn lại và lại nở nụ cười rạng rỡ.

Hai người đã quen nhau trong khung cảnh của chùa và trong sự hộ trì che chở của ánh đạo vàng. Rồi cùng nhau chia sẻ đời sống gia đình, tuy khó khăn và bon chen của đất Mỹ, nhưng lúc nào cũng cùng nhau quay về đạo pháp. Hai đứa con trai vẫn thường cùng cha mẹ tụng chú Đại bi vào buổi tối trong bầu không khí thật là đầm ấm của gia đình.

Cuộc đời dĩ nhiên chẳng khi nào vẹn toàn. Bản chất bất toàn và bất hạnh lúc nào cũng chực chen vào trong mọi giây phút của đời sống. Và dường như trong cõi thế gian vốn bất toàn và bất hạnh đó, mỗi người đều phải im lặng chịu đựng nỗi bất toàn, bất hạnh... mà chẳng thể nào nói ra. Tâm thức chao đảo trước nỗi khổ đau của cuộc đời. Dù lớn hay nhỏ, những nỗi khổ đau vẫn gậm nhấm tâm hồn và nếu không biết cách đối phó, tâm thức sẽ băng hoại từ từ và dẫn dắt đến một sự nổi loạn ở bên trong với niềm cô đơn bao la và đáng sợ.

Đôi khi, chỉ cần nhìn một lá thu rơi rụng... hay một đóa hoa tàn úa, Thiện cảm thấy nỗi sầu muộn đang từ từ dâng tràn trên tâm thức. Dĩ

nhiên là chàng có đôi lần tâm sự với Từ, nhưng vợ chàng có một tâm thức khác. Từ có một tâm hồn thánh thiện tự bản chất của nàng, có một tâm thức giản dị và dễ hiểu hơn Thiện, nhìn sự việc qua các hiện tướng và hiểu sự vật qua các hiện tướng đó.

Nhưng dù thế nào đi chăng nữa thì hai vợ chồng sống hạnh phúc và bình lặng, cùng nhau nuôi con và thực hành Phật pháp và cùng nhau mang lại niềm an vui, hạnh phúc cho gia đình. Tình yêu giữa hai người thật là trầm lặng nhưng cũng rất là sâu đậm, vượt lên ngoài tất cả những lý luận phiến diện của tâm thức.

Sau khi bỏ con tại trường học và lái thêm một chút thì đã đến cổng chùa Dược sư, hôm nay chùa hơi vắng. Khi đến nơi thì hai vợ chồng mới biết là có một vị cao tăng đến từ Ấn Độ ghé qua chùa từ hơn tuần nay để hoằng pháp và quyên góp tịnh tài để trùng tu một chánh điện của tu viện nơi ngài trụ trì.

Thiện nói với Từ, vào đi em kẻo trễ, nhân dịp này mình cúng dường cho cuối năm luôn đi em. Từ mỉm cười gật đầu. Thiện lại nhìn nụ cười và thầm nói trong đầu:

"Em ơi, anh thương đôi môi xinh đẹp này của em quá." Nhưng vợ chàng không biết gì cả và nắm tay chàng đi vào chánh điện tìm chỗ ngồi.

Thiện nhìn lên chánh điện, vị tăng sĩ đã ngồi trên tòa và đang chú nguyện cho vài vị Phật tử lên xin chú nguyện cho tượng Phật thỉnh tại chùa để mang về nhà thờ phụng. Khuôn mặt của Sư thật là từ bi, nhưng thật là nghiêm trang, mang dáng dấp của một vị đại sư, tái sinh trong một hóa thân với những đại nguyện cứu độ mọi chúng sinh hữu tình. Thiện liên tưởng đến những bài kệ tụng, nói đến cõi tịnh độ, *"trang nghiêm cõi Phật".*

> *Trang nghiêm tự tâm mình chính là trang nghiêm cõi Phật... Tự tâm tịnh độ...*

Sau buổi cầu nguyện ngắn, vị tăng sĩ khởi sự thuyết pháp. Thiện thật là ngạc nhiên bởi vì Sư nói tiếng Anh rất là thuần thục và lưu loát. Quả thật hôm nay mình may mắn được diện kiến và nghe pháp thẳng bằng tiếng Anh từ một vị đại đạo sư. Thiện để hết tâm thức trong lời giảng...

Vị tăng sĩ thuyết pháp về Duy thức, một môn học khá khó hiểu trong Phật pháp, vì thính chúng có lời thỉnh cầu. Chắc vì thế mà hôm nay hơi

vắng. Đề tài khá khó đối với những Phật tử bình thường. Nhưng Thiện vô cùng hứng khởi bởi vì đây là một đề tài chàng đã bỏ công học hỏi từ nhiều năm nay. Chàng uống cạn từng lời thuyết giảng và lâu lâu quay lại nhìn vợ, Từ cũng chăm chú theo dõi buổi thuyết pháp.

Sau buổi thuyết giảng thì vị Sư người Việt trụ trì chùa Dược Sư lên cảm tạ vị tăng sĩ đến từ Ấn Độ và giới thiệu về vị đó cũng như chương trình trùng tu chánh điện tại Ấn Độ. Lúc đó Thiện mới được biết là vị tăng sĩ này có bằng Anh ngữ từ bên Anh quốc và thường đi du hành theo Đức Đạt Lai Lạt Ma để thông dịch. Thảo nào mà bài thuyết giảng của Sư cực kỳ rõ ràng và thấm sâu trong lòng người đi nghe pháp. Tuy vậy mà chùa Dược Sư cũng vẫn cho người dịch sang tiếng Việt cho một số Phật tử không quen các từ Anh ngữ khó hiểu của đạo.

Sư dạy là mình phải chính niệm theo dõi cái ngã trong đời sống thường ngày, sự chấp ngã điều khiển mình chạy theo tam độc tham sân si, do cái thức thứ bảy là Mạt-na thức... Vì Mạt-na thức, nó núp sau thức thứ tám là Tạng thức, điều khiển mọi hành động thường ngày của mình, thúc đẩy mình tạo biết bao nhiêu nghiệp tích lũy trong Tạng thức để rồi khi chết đi, tái sinh trong thân

người mới, chẳng mang theo được gì, của cải tiền bạc, danh tiếng đều bỏ lại... mà chỉ mang nghiệp tích lũy trong Tạng thức của mình đi theo qua thân người trong kiếp mới mà thôi.

Điều này là điều mà Thiện cố gắng thực tập hằng ngày, luôn luôn cố gắng theo dõi xem tâm thức của mình có bị chấp ngã tức là bị Mạt-na thức sai sử không. Bởi vì có một thời gian, chàng đã theo học về thiền Minh sát rất lâu...

Sau khi cúng dường và được vị Sư hộ trì, ban phép lành xong, Thiện và Từ rời chùa ngay chứ không ở lại thọ trai, bởi vì phải đi xem cái máy may và đi đón con tại trường học cho kịp giờ.

Khi đến Goodwill, Thiện đi vào xem máy may ngay, xuất thân là một kỹ sư, chàng có khả năng sửa các máy móc bị hư. Nhưng khi nhìn cái máy cũ kỹ, mà lại còn thiếu khá nhiều bộ phận, chàng lắc đầu nói với Từ là không thể mua dùng vì các bộ phận thiếu có thể sẽ không còn mua được nữa và dù có bán thì giá bán cũng sẽ rất đắt. Từ vui vẻ nói là vậy để thủng thẳng mình đi kiếm cái khác sau.

Vì quyết định không mua máy may nhanh chóng, không cần phải thử máy, cho nên hai vợ chồng còn thì giờ và đi loanh quanh xem. Trời Cali đang

mùa thu và sắp vào mùa đông. Khí trời có những hôm trở nên lạnh buốt. Hai người theo bản năng vô tình đi vào khu bán quần áo. Từ đi xem quần áo cho mùa lạnh và gọi chàng khi thấy hai chiếc áo khoác thật là đẹp và cũng là hàng hiệu mà Goodwill bỏ ra bán rẻ.

Chàng thử hai chiếc áo. Thật là vừa vặn, và đẹp nữa. Mùa đông có áo ấm như thế này mặc bên trong chiếc áo lạnh khoác ngoài thì thật là ấm áp.

Từ nhìn chồng và hài lòng, nàng nói:

"Bán rẻ quá anh."

Thiện cũng thấy thế, chàng cầm hai chiếc áo đi theo Từ loanh quanh để Từ xem áo cho nàng và cho con. Trong lúc đi theo vợ, Thiện im lặng quán sát tâm mình. Hình như chàng vừa mới khởi lên một tâm niệm thích thú hai chiếc áo. Ừ nhỉ đẹp, ấm và thích đấy. Phải giữ lại không người khác mua mất, giá lại quá rẻ so với giá trị thật của chiếc áo gần như còn mới toanh. Thích đấy!

Nhìn ngắm dòng người tranh nhau đi mua đồ rẻ, rồi nhìn vợ chàng cũng thích thú đi xem và lùng các món đồ rẻ, chàng tự nhiên cảm thấy hơi mệt. Không phải cơn mệt của thân thể vật

lý. Cơn mệt này đến từ một sự nhàm chán cuộc sống bon chen. Có cái gì mà mình thiếu đâu nhỉ? Ở nhà Thiện còn một đống quần áo chưa bao giờ mặc hết. Cả vợ con chàng cũng vậy. Căn nhà từ nhiều năm nay đã khá đầy ắp đồ đạc chẳng bao giờ dùng đến. Rồi sau vài năm hay hơn, vợ chàng lại đi tom góp các đồ chưa kịp dùng, nhưng đã lỗi thời ấy mang cho các cơ quan từ thiện, như là Goodwill mà chàng và vợ chàng đang ham thích đi lùng mua hôm nay.

Chàng nhớ lại những hành trì chính niệm. Hồi còn theo học Minh sát, chàng nhớ đến vị thầy nhắc nhở các đệ tử qua câu kệ tụng:

"Bất phạ niệm khởi
Chỉ phạ giác trì..."

Đừng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm. Chàng đã biết niệm khởi trong tâm chưa. Hình như cơn ham mê thích thú làm chàng quên đi và chưa để ý đến niệm tham ái đang làm chàng vui thích hai món đồ. Ít nhất, sau cùng, mình cũng thấy bộ mặt của ngã, của Mạt na đang thò lò đằng sau tâm thức và giựt sợi dây của con múa rối.

Thiện thầm nghĩ: "Đừng mong nhé, Mạt-na kia, tên ăn trộm tâm chính niệm của ta ơi. Hôm nay,

thêm một lần nữa ta đã nhìn thấy mi. Ta xin chào mi, nhưng xin hãy rời khỏi nơi tâm ta, vì khi ngộ rồi thì ánh sáng sẽ chiếu soi, và màn đêm của vô minh tăm tối phải bị xua tan ngay tức khắc."

Trở lại gian hàng treo áo lạnh của đàn ông, Thiện mắc hai áo trên giàn treo và thầm tiếp tục nói trong tâm: "*Giã từ hai món đồ xinh đẹp. Tiền này mang cúng dường hay tặng các cơ quan từ thiện, lại còn giúp cho mình vượt thoát tâm dính mắc không ngừng nghỉ chạy theo ngoại vật. Ít nhất là thoát khỏi tâm tham ái thô, dù cho mình vẫn còn yêu vợ và con, nó cũng là một chặng đường tiến dần đến sự xả bỏ cái tâm tham ái thô này.*"

Tiếng Từ đằng sau lưng làm chàng giật mình quay lại:

> "*Ơ sao anh lại bỏ áo lạnh đẹp vào giàn treo.*"

Thiện nhìn vợ và nói:

> "*Thôi, nhà còn nhiều áo quần lắm em. Anh nghĩ dùng chưa hết, mình đâu cần thêm làm gì.*"

Không hiểu là khuôn mặt của Thiện khi trả lời Từ như vậy có diễn tả sự tiếc nuối nào không. Nhưng Từ nhìn chàng một lúc rồi nói:

> "*Anh xài tiền kỹ lưỡng quá. Có lẽ anh giống ông Hùng.*"

Trong thời gian còn trẻ, lúc còn đi học trường đại học chung với các bạn bè của Thiện, Hùng nổi tiếng là một người hà tiện. Anh bạn này vốn xài tiền rất kỹ và không bao giờ chịu giúp ai tiền bạc. Vì sau này, Từ không thích anh bạn đó, cho nên Thiện cũng không còn liên lạc nhiều.

Thiện im lặng ẩn nhẫn. Cả hai ra xe, Thiện lái xe trên đường về đi đón con. Nhưng tâm tư Thiện cảm thấy có một không khí xa cách đang bay lảng vảng trong bầu không gian ở giữa hai vợ chồng.

....

Bẵng đi một vài ngày... Câu chuyện hình như đã được hai vợ chồng bỏ vào quá khứ, lui vào dĩ vãng.

Sáng hôm ấy nhằm ngày thứ bảy, cuối tuần. Sáng hai vợ chồng ngủ dậy trễ. Các con cũng còn ngủ. Chín giờ sáng rồi, Thiện dậy đi tắm rửa, vệ sinh sáng xong thì ra làm ăn sáng cho vợ chồng và hai con. Đang làm xong thì Từ cũng dậy và làm vệ sinh rồi bước ra phòng bếp ngồi ăn sáng với chồng.

Thiện hỏi Từ: "*Các con còn ngủ hả em?*"

Từ nũng nịu ngả đầu vào vai chồng: "*Dạ, lâu nay*

mình mới có được một buổi ăn sáng riêng tư, cho hai vợ chồng thôi nhé."

Thiện mỉm cười hôn đôi môi vợ. Chàng nói: "*Em có muốn nghe anh kể chuyện ngụ ngôn cổ tích không?*"

Từ gật đầu sung sướng:

"*Có chứ anh, em ưa thích giọng nói trầm ấm của anh thủ thỉ bên tai em kể chuyện cổ tích hay là nói về đạo cho em nghe. Ngày xưa lúc chưa có con, chưa bận rộn, anh hay kể cho em nghe. Em nhớ giọng nói của anh lắm, nghe như là mình đã nghe quen thuộc từ các kiếp xa xôi nào vậy.*"

Thiện lại cười nhẹ và hỏi: "*Em có nhớ chuyện ngụ ngôn Cáo mượn oai hùm không?*"

Từ nhỏ nhẹ nói:

"*Dạ, em không nhớ. Nhưng dù em nhớ, em vẫn thích nghe anh kể mà.*"

Ngày xưa khi các loài vật còn biết nói chung một thứ tiếng thì có một hôm cáo ta đang đi dạo trong rừng và gặp hùm, là loài tự xưng chúa tể sơn lâm.

Hùm đang đói bụng định vồ lấy cáo ta. Chẳng ngờ, cáo đã không sợ mà lại còn

đứng lên dõng dạc nói. Nhà ngươi định làm điều ngu xuẩn gì đây? Không biết ta là chúa tể sơn lâm sao?

Hùm đang định chụp cáo nghe vậy thì giật mình chột dạ. Tại sao nó lại không sợ mình. Hay là ta đã làm sai cái gì chăng. Bèn ngừng lại hỏi cáo. Ta mới là chúa sơn lâm, mọi loài đều phải khiếp phục. Cáo ta vẫn dõng dạc. Ngươi lầm rồi. Ta mới là chúa tể trong khu rừng này.

Hùm ngờ ngợ, nhưng thấy là chẳng cần vội vã vì muốn xem rằng mình có cái gì chưa biết rõ chăng. Bèn hỏi tiếp. Vậy chứ nhà ngươi có bằng cớ gì là chúa tể khu rừng này chăng.

Cáo cười ha hả và trả lời. Được, để nhà ngươi mở to mắt ra mà tự nhìn. Hãy đi theo sau lưng ta. Ta sẽ đi dạo quanh rừng, nhà ngươi đi xa xa theo sau mà xem.

Hùm theo lời đi theo cáo. Cáo ta khệnh khạng oai vệ đi dạo trong rừng. Từng bước cáo đi đến đâu thì các loài thú vật đều sợ hãi qùy mọp hoặc lẩn trốn ngay từ đàng xa.

Sau vài vòng chứng tỏ mình là chúa tể khu rừng, cáo ta chờ hùm đến và nói. Hôm nay ta không có đói bụng và mở lượng từ bi tha cho ngươi, hãy đi mau cho khuất mắt ta.

Hùm bèn sợ hãi cúp đuôi len lén bỏ đi, tự cho rằng may mắn vừa thoát một tai nạn, một tai kiếp ngày hôm nay. Trong khi đó, cáo đứng, vểnh râu, vuốt râu và cười sằng sặc.

Giọng kể trầm trầm và nhỏ nhẹ của Thiện làm Từ thích thú. Nàng sà vào lòng Thiện ngồi lim dim.

Thiện nói: "*Thế em còn nhớ bài giảng Duy thức mấy hôm trước mình đi nghe thuyết pháp ở chùa Dược sư không?*"

Từ nhíu mày suy nghĩ. "*Có chứ, mà sao anh lại hỏi chuyện hôm nghe pháp.*"

Thiện cười đáp: "*Duy thức học và chuyện ngụ ngôn anh kể có liên hệ đến nhau và liên hệ đến thực hành Duy thức ngay trong đời sống thường ngày đấy em.*"

Từ càng cảm thấy mờ mịt không hiểu, bèn hỏi:

"Em chẳng thấy liên hệ gì ra sao cả."

“Thế em nhớ là thầy giảng Duy thức ra sao, và Duy thức nói về cái gì không?”

“Thì em nhớ là thầy nói về mắt tai mũi lưỡi v.v...”

“Phải rồi, đó là những thức thô sơ gọi là tiền ngũ thức. Nhưng các thức vi tế thì sao.”

“Em không nhớ, danh từ Hán Việt khó hiểu quá.”

“Thức thứ sáu là ý thức. Em có nhớ thức thứ bảy và thứ tám không?”

“Em nhớ ra là Mạt-na thức và Tạng thức.”

“Phải rồi em. Vậy em có nhớ thầy giảng là Mạt-na thức bám rễ theo Tạng thức để điều khiển mình qua chấp ngã và tạo nghiệp qua tam độc tham sân si không?”

“Có, em nhớ.”

“Tuy vậy Mạt-na thức sẽ tan rã khi lìa đời và chỉ có Tạng thức chứa tất cả các nghiệp và chủng tử nghiệp đi đầu thai theo mình sang thân người của kiếp tái sinh mới thôi. Khi lìa đời mình phải buông bỏ lại thế gian tất cả của cải, tiếng tăm v.v...”

“Nhưng em vẫn chưa hiểu Duy thức liên hệ gì đến câu chuyện ngụ ngôn anh vừa kể.”

“Có chứ em, Mạt-na thức núp dưới Tạng thức, bám rễ Tạng thức điều khiển sai sử mình hành động theo tham ái, chạy theo tam độc mà tạo nghiệp. Mình phải nhận diện ra nó trong các hành động của đời sống thường ngày, chỉ điểm, lôi ra tên ăn trộm của mặt trời tỉnh thức chính niệm, nó ăn cắp sự chính niệm của mình làm cho mình không biết là mình đang tạo nghiệp, lao đao trong luân hồi sinh tử. Nó chính là con cáo mượn oai hùm. Mình đừng sợ nó, đừng theo nó và nhìn thẳng vào mặt nó, làm cho nó phải cúp đuôi mà bỏ đi”.

“Hay quá, em thấy ra rồi. Mà sao anh không kể cho em nghe sớm hơn.”

“Thực ra, anh nghĩ là em biết và hiểu tất cả. Nhưng có lẽ là em không để ý tâm của em để áp dụng bài dạy Duy thức một cách thực tế vào trong đời sống thường ngày mà thôi”.

“Sao anh biết em không áp dụng?”

“Em còn nhớ hôm đi Goodwill không?”

“Em nhớ, mới có vài ngày qua thôi mà.”

“Phải rồi em, hôm đó em còn nhớ là anh thích hai cái áo, rồi lại không mua mà trả lại trên giàn treo không?”

"Có anh, rồi sao nữa?"

"Thì hôm đó anh vạch mặt con cáo Mạt-na trong tâm anh, nên bỏ lại hai cái áo lạnh."

"A, em nhớ rồi, vậy mà em nói anh hà tiện giống ông Hùng."

"Hì hì, đúng rồi em."

"Vậy anh có buồn không?"

"Lúc đầu anh hơi buồn vì anh bị hiểu lầm, nhưng sau đó vài ngày, anh nhìn em cười thì anh quên hết."

"Nhớ nhé anh, sorry anh nhé."

Thiện nhìn vợ và nói:

"*Love means never having to say you are sorry.*"[4]

Từ mỉm cười vít đầu chồng xuống và hôn lên môi chàng.

Còn Thiện thì sung sướng mở đầu cuối tuần trong nụ hôn yêu thương nồng nàn đầu ngày.

●●●

---

[4] "Sorry" nghĩa là xin lỗi. "Love means never having to say you are sorry" tạm dịch: Tình yêu là không bao giờ còn cần phải nói xin lỗi.



TƯỢNG PHẬT VÀ GIÁC NGỘ

Ngày xưa, có một người rất sùng kính đạo Phật và quy y Phật. Người này chăm lo cầu nguyện tôn kính và ngưỡng mộ đức Phật vô cùng. Lòng tinh thành thấu đến đức Phật và một hôm trong khi nguyện cầu tinh tấn hành trì, người đó nhập vào một giấc mơ, khi đó có được linh kiến thấy đức Phật hiện ra trên toà sen và bảo:

"Này con, lòng tu hành cầu nguyện tinh tấn thành tâm của con đã thấu đến chư Phật.

Con xứng đáng được gọi là một Phật tử đúng nghĩa của nó, nghĩa là đệ tử của chư Phật mà ta là đại diện thị hiện đến hôm nay chứng minh. Tuy nhiên, con đường tu tập của con vẫn còn dài. Hôm nay, để hộ trì cho con, chư Phật thỉnh ta đến đây dại diện cho Pháp thân chư vị để khuyến giáo và hộ trì cho con kiên tâm tu hành cho đến khi đạt thành chánh quả. Con đừng phụ lòng chư Tam Bảo. Phật chỉ là sự Giác ngộ giáo lý của chư vị, phá chấp và như thế thì hành trì thiền định để vượt thoát ra khỏi mọi chấp trước, bởi vì Phật tánh đã có sẵn trong con và bàng bạc khắp mọi nơi chốn. Khi ngộ ra thì sẽ không còn chấp vào hình danh sắc tướng bởi vì thấy ra Pháp thân Phật vốn có sẵn trong con và thường trụ trong mọi sự vật, trong nhất thiết chư pháp của thế gian. Đó cũng là ý chỉ của giáo lý tối thượng về Tánh Không.

Hôm nay, ta đại diện cho Pháp thân chư vị thị hiện đến để giúp con tiến tu trên con đường đạo của Không môn. Đây là bảo vật ta trao cho con, một bức tượng Phật bằng đồng tô son thiếp vàng. Màu sắc vàng kim sáng chói tỏa ra từ thân tượng và khuôn mặt của tượng. Bởi vì là biểu tượng cho chư Phật, cho giáo lý

tối thượng sáng chói như mặt trời chiếu rạng trên thế gian, soi đường Giác ngộ cho chúng sinh.

Nay, con hãy thiền định trên giáo lý chư Phật qua bức tượng quý báu thiêng liêng tự tay ta trao cho con. Hãy cầu nguyện và thiền định quán chiếu Pháp thân Phật qua bức tượng này để giúp con mau đạt thành chánh quả. Khi nào con có vấn đề trên đường đạo, con chỉ cần cầu nguyện đến ta trước bức tượng linh thiêng này thì ta sẽ linh hiển để giúp con. Nhưng hãy luôn luôn ghi nhớ rằng Pháp thân chư Phật không nằm riêng nơi nào, không trụ một nơi riêng nào và không ở trong hình danh sắc tướng. Đó là vô trụ Pháp thân và Vô trụ Niết bàn. Hãy nhớ là "Theo ngón tay chỉ mặt trăng, thì nhìn thấy trăng, nhưng nếu chỉ chấp vào ngón tay thì sẽ không thấy được mặt trăng."

Người ấy vâng vâng dạ dạ và tỉnh giấc mơ, thì kỳ lạ thay, bên mình đã có tượng Phật vàng sáng chói.

Người này mừng rỡ lắm, lễ lạy tạ ơn Phật và sửa soạn mang tượng Phật để lên trên bàn thờ sùng kính mỗi ngày cầu nguyện thiền định trước bàn thờ tượng Phật.

Mỗi ngày người ấy đều cúng dường hương hoa, thay nước cúng dường bàn thờ Phật và lau chùi bàn thờ sạch sẽ, sau đó là hành trì cầu nguyện thiền định.

Tháng ngày trôi qua. Thế gian là chốn bụi. Hồng trần tức là bụi hồng phủ khắp nơi nơi. Một hôm người ấy thấy bụi phủ lên tượng Phật một lớp mỏng. Người ấy nghĩ thầm, tượng Phật quý giá vô ngần, chính là Pháp thân Giác ngộ mà ta phải đạt đến, nay chớ để bụi phủ mất tượng Phật quý giá này.

Nói xong, bèn làm ngay, người ấy đi lấy khăn sạch và nước sạch lau chùi thân của tượng Phật sáng bóng. Đứng lui lại, chiêm ngưỡng tượng Phật sạch bụi, thân Phật lại sáng chói lên, người ấy hài lòng và nói thầm một mình, đây là Pháp thân chói rạng của chư Phật và nhìn lên khuôn mặt từ ái của tượng Phật chiêm ngưỡng không rời.

Khi người ấy nhìn kỹ thì thấy khuôn mặt tượng Phật có phủ bụi. Bèn lấy khăn ra lau. Bất đồ nhìn lại thì thấy là mình đã chùi lem luốc khuôn mặt Phật. Bởi vì khuôn mặt tượng Phật là thếp vàng, nghĩa là người thợ đúc tượng lấy mạt vàng thếp lên mặt tượng Phật. Cho nên khi chùi thì mạt vàng thếp trên mặt Phật đã bị chùi đi một lớp mỏng lộ ra phần của đồng đúc phía sau làm cho khuôn mặt Phật trông thấy như bị lem luốc.

Người ấy cả sợ, không biết làm thế nào mà chữa. Bởi vì lớp vàng đã bị chùi đi một vệt. Lo buồn quá, người ấy bèn ngày đêm cầu khấn đức Phật xin cứu giúp.

Chẳng bao lâu, đức Phật hiện ra và hỏi, con cầu xin giúp đỡ điều chi. Người ấy bạch Phật sự tình và xin Phật giúp cho để sửa lại khuôn mặt Phật được thếp vàng hoàn lại y như cũ. Đức Phật nói là, tượng Phật vốn tượng trưng cho Pháp thân trong mỗi chúng sinh, cần làm hiển lộ chứ không cần phải lo lắng mà sửa lại.

Người ấy vì lâu ngày cầu nguyện thiền định chiêm ngưỡng tượng Phật Pháp thân này cho nên quý báu tượng vô cùng. Nằng nặc xin đức Phật giúp hoàn lại y như cũ. Đức Phật không làm sao được bèn mang tượng đi theo và hẹn trở lại sau đó.

Một thời gian sau, người ấy thương nhớ tượng Phật của mình bèn thắp nhang cầu khẩn đức Phật. Trong một lần nằm mơ, linh kiến, người ấy thấy đức Phật hiện ra bảo rằng, tượng Phật vì đã hết duyên với thế gian nên đã bị mất rồi, nay con đừng thắc mắc chi nữa mà lo tinh tấn tu hành để mau thành đạo.

Người ấy tỉnh dậy, lo buồn và thầm nghĩ. Tượng Phật là Pháp thân. Nay, đã bị mất, tức là đã bỏ ta

đi. Vậy ta không còn hy vọng gì để đạt Giác ngộ Pháp thân chư Phật.

Từ đó, người đó buồn bã tiếc thương tượng Phật và cho rằng đức Phật và tượng Pháp thân đã thờ ơ bỏ rơi mình. Tâm trở thành giãi đãi không còn hăng hái, biếng nhác không tu hành, không cầu nguyện như xưa.

Đức Phật lại thị hiện trong giấc mơ, bảo rằng. Trước kia, ta đưa tượng Phật đến cho con và nhắn nhủ kỹ lưỡng là tượng Phật biểu trưng cho Pháp thân chư Phật chứ không phải là Pháp thân chư Phật. Bởi vì Pháp thân nằm ngay trong mỗi chúng sinh, cho nên phải hiểu là cần nương vào tượng để tu tập hiển lộ chính Pháp thân tiềm tàng ở trong mình và trong toàn mọi sự vật (nhất thiết chư pháp), chứ không nằm trong hình danh sắc tướng cũng không nằm trong đồ vật. Nay con đã ái mộ tượng Phật hơn cả Pháp thân trong mình và dính mắc vào đồ vật hơn là Pháp thân thường trụ. Hãy mau mau tỉnh ngộ mà quay về chánh pháp, xả bỏ mọi chấp trước trong hình danh sắc tướng thì mới mong đi trên con đường tu hành thoát khổ.

Người này tỉnh giấc, bụng tự bảo mình là “Thôi thôi, đức Phật đã thờ ơ không lo giữ lại tượng

Phật Pháp thân cho ta, nay Ngài muốn nói sao cũng được."

Và tiếp tục ngày ngày lo buồn đi kiếm lại tượng Phật bằng vàng ròng cho đến khi tàn hơi thở cuối cùng mà vẫn lo chạy theo tâm chấp ái vào tượng Phật quý giá bằng vàng ròng của mình.

Mãi cho đến khi nghe chư tăng tụng kinh siêu độ,[5] và chư tăng thiêu hình của mình trong buổi lễ cầu siêu thì người đó hoàn toàn buông xả thân ngũ uẩn và được siêu thoát.

Lời bàn thêm của tác giả:

Chúng sinh, ôi, nghe học được gì thì chấp dính mắc vào trong đó. Nhìn ngón tay mà tưởng cho là mặt trăng.

Ngày xưa cũng có câu truyện của một vị thiền sư đi hành cước lang thang khắp nơi chùa chiền, tên là Đan Hà như sau:

Sau khi học và đắc đạo, thiền sư Đan Hà từ biệt thầy mình là sư Mã Tổ, tiếp tục du phương. Đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời lạnh, Sư bèn lấy tượng Phật gỗ đốt để sưởi, viện chủ trông thấy quở:

[5] Tạng ngữ là Bardo Thodol.

"Sao đốt tượng Phật của tôi?"

Sư lấy gậy bới tro nói:

"Tôi đốt tìm Xá-lợi".

Viện chủ bảo:

"Phật gỗ làm gì có Xá-lợi?"

Sư nói:

"Đã không có Xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa đốt."

Viện chủ nghe câu này tất cả kiến chấp đều tan vỡ.

Cho nên có bài kệ sau:

"Đan Hà thiêu mộc Phật
Viện chủ lạc mi mao"

Nghĩa là: "Đan Hà đốt tượng Phật gỗ. Viện chủ rụng lông mi".

•••



VU LAN PHỤ MẪU

Mùa lễ Vu lan đã sắp đến. Nếu như mọi năm thì tôi chỉ biết lên chùa tụng kinh và thắp hương cho cha tôi vì ông đã mất từ gần mười năm nay. Tụng kinh, thắp hương cho cha và hồi hướng đến cha mẹ, mẹ tôi tuy đã già lắm, nhưng vẫn còn tại thế.

Thường tình, những bài viết về Vu lan luôn nói đến những kỷ niệm êm đềm của tình thương bao la của cha mẹ đối với con cái, được tả là những gì đẹp nhất. Như "xôi nếp một, như đường mía lau..."

Hỡi ôi, cuộc đời với tôi dường như không hẳn là những diễm phúc như vậy. Cuộc đời mang lại cho tôi nhiều đau khổ từ khi còn tấm bé. Khi đọc những bài viết về Vu lan tả lại "xôi nếp một, đường mía lau" như vậy, tôi rất là sung sướng và hoan hỷ, trên đời có những người may mắn hơn tôi và hưởng những hạnh phúc, tôi thầm chúc phúc cho họ.

Cá nhân tôi, Vu lan, tưởng nhớ đến phụ mẫu, không phải chỉ là những kỷ niệm đẹp. Nhưng là tưởng nhớ đến những kỷ niệm với cha mẹ, thực sự xảy ra trong đời tôi, có thế nào viết thế vậy. Cuộc đời, đức Phật đã chẳng dạy tự bản chất là khổ đế hay sao. Nhưng trong những kỷ niệm có thực ấy, khi tôi nhớ lại đến cha mẹ, dù khổ đau hay hạnh phúc, vẫn chứa đựng một sự thật lồng lộng: đó là lòng thương yêu cha mẹ chẳng thể nào bị phai mờ hay quên lãng vì những sự khổ đau ấy. Như hoa sen mọc trong bùn... vẫn vươn lên một nụ hoa của lòng thương yêu cha mẹ vô điều kiện... Cho dù khổ đau tràn ngập tâm tư, tràn ngập kỷ niệm... tôi vẫn thầm nói:

"Cha Mẹ ơi, con thương Cha Mẹ vô vàn..."

Có người bạn đạo, sau khi đọc bài viết của tôi đã có một góp ý:

"Anh hãy viết thêm một kỷ niệm vui nào đó với mẹ anh."

Tôi chỉ cười. Không phải tôi không có những kỷ niệm tương đối vui vẻ với cha mẹ tôi. Nhưng hình như những kỷ niệm ấy không "thấm" vào tâm tư, vào lòng tôi để làm cho tôi thương cha mẹ hơn, cho nên tôi không viết ra. Bởi vì nếu viết hết tất cả những kỷ niệm "không thấm" và "thấm" thì có lẽ không có đủ trang để viết...

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: "Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời"... Tôi thực sự nghĩ rằng nhớ đến cha mẹ, nhớ đến công ơn của chư vị song thân, không cần thiết phải nói đến những kỷ niệm đẹp như tranh. ***Thực tế của cuộc đời, nó như như, vô phân biệt, đẹp hay xấu, buồn hay vui... cũng thế thôi.*** *Hay hơn là nhớ lại những kỷ niệm có thực, trải qua những gian khổ bên nhau, nhưng lại vô cùng tác động trên tâm thức và lòng thương yêu, "khổ đau nhớ đời", và khấn nguyện với cha mẹ: "Khổ đau là những bài học thương yêu thấm thía nhất trong đời con."*

Có lẽ bản chất của tôi là một "Con Người Phản Kháng, L'Homme Révolté, The Rebel". Tất cả những gì có tính cách ước lệ, quy ước, tâm hồn tôi

đều có khuynh hướng chống đối, và đi ngược lại, tìm cách thoát ly ra khỏi những khuôn mẫu, phép tắc nhàm chán, tìm cách giải thoát ra khỏi những trói buộc triền phược. Tôi muốn hoan hô sự tự do giải thoát khỏi mọi lề thói thủ cựu và hoan hô cuộc đời với những khổ đau tràn trề của nó, nhưng lại đầy dẫy sự sống và tình thương yêu.

Tuy nhiên cuộc đời và thế gian có những quy ước của riêng nó, và những kẻ nào muốn phá cái ràng buộc của nó đều sẽ bị nó trả đũa lại, để rồi những người phản kháng như tôi thì chắc đành phải chịu cái nghiệp sống trong những khổ đau cùng cực trong sự trả thù của cuộc đời và thế gian, rồi từ đó mới vươn lên được...

Mỗi ngày Vu lan, tôi thường khởi tâm ân hận vì nghĩ mình là một đứa con bất hiếu... Bởi vì dường như là ngay từ khi còn bé, tôi đã có khuynh hướng thích rời xa gia đình để sống trong một đời sống cộng đồng có tính cách lý tưởng, và thích tìm tòi học hỏi các triết thuyết hơn là ngồi cạnh cha mẹ thủ thỉ và làm vui lòng song thân.

Lại nữa, dường như định mệnh đã an bày. Tôi ngay từ nhỏ sống gần cha nhiều hơn là gần mẹ. Gia đình tôi có bảy anh em ruột thịt thì tôi sinh

đúng vào ở giữa, là đứa con thứ tư. Hai chị lớn đầu lòng, và ngay trên tôi là ông anh ruột, đứa con trai đầu lòng của gia đình, sinh ngay vào lúc cha tôi lên đường kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, anh trai đầu lòng được cưng chiều và đặt tên là "Quốc Việt" để đánh dấu lòng yêu nước đang bừng bừng trong khí thế của toàn quốc...

Rồi khi tôi sinh ra, trong sự chiến đấu gian khổ, nên không được cha mẹ chú ý gì cho lắm. Ngay thời gian tôi sinh ra đời là lúc gia đình tôi sống thật cơ cực...

Khi tôi mới lên bốn hay năm tuổi gì đó thì gia đình tôi mua được một căn nhà nhỏ trong một khu phố đông dân và nghèo. Tôi còn nhớ căn nhà nhỏ đó rất rõ mặc dù lúc đó còn rất bé. Căn nhà chật chội và có một căn gác xép, nơi đó cha tôi thường ngủ riêng. Mẹ tôi thì ngủ với em mới sinh ra còn đang bú ẵm. Còn các anh chị em tôi thì ngủ túm tụm chung nhau trên một cái giường gỗ cạnh giường của mẹ tôi và các em nhỏ nhất thì luôn luôn được nằm gần mẹ và ôm mẹ ngủ.

Lúc đó, chẳng hiểu vì sao - có lẽ vì cha tôi cảm thấy cô đơn - nên ông nói với mẹ để đưa tôi lên ngủ trên gác xép với ông cho cho đỡ quạnh

hiu. Tại sao lại chọn tôi. Cha tôi giải thích, thứ nhất là vì tôi không có tật ngáy đêm, thứ hai là vì tôi ngủ yên không sùng sục cả đêm quẫy tay chân hay quay lộn đầu, hay gác tay gác chân lên người ông giống như đứa em trai của tôi, làm ông thức giấc nửa đêm mất ngủ và thứ ba là vì tôi ở giữa, không quá nhỏ, cũng không quá lớn, vừa vặn tuổi của đứa con nít dễ thương để ông có thể ôm tôi ngủ yên.

Tôi thì tuy ngủ cách mẹ hai đứa em nhỏ, nhưng cũng thích lắm bởi vì dẫu sao vẫn còn được gần mẹ chút đỉnh. Ngày tôi phải mang chăn gối lên ngủ với cha, tôi buồn rầu và ra ngồi một xó để khóc thầm, không để cho ai biết cả.

Rồi thì mọi chuyện cũng qua đi, từng đêm tôi ngủ với cha tôi trên gác xép và cứ ôm ông ngủ mãi như thế nên cũng thành quen đi, không còn thắc mắc muốn xuống nhà ngủ với mẹ nữa.

Do tính bẩm sinh, tôi là người có khuynh hướng thích tìm về triết học và tâm linh, lại không được gần gũi mẹ thủ thỉ to nhỏ, cộng thêm với sự hun đúc tính đàn ông của cha khi gần gũi ông nhiều hơn là mẹ cho nên càng lớn tôi càng xa cách mẹ và dĩ nhiên là mẹ tôi cũng vì thế mà không hiểu và thương tôi như các em khác của tôi. Mẹ tôi

sinh trong gia đình nghèo khó, không được chăm sóc dạy dỗ nhiều, cho nên những cách hành xử của bà cũng không được đồng đều. Mặc dù vậy, tôi vẫn thương bà. Nhưng tôi vẫn thầm trong bụng không đồng ý với cách xử thế của mẹ tôi, không những chỉ với riêng cá nhân tôi mà còn với các anh chị em khác.

Càng lớn lên, tôi càng sống cô đơn trong mái ấm gia đình bởi vì ngoài sự lãnh đạm của mẹ, những sự suy tư về tâm linh lôi cuốn tôi đi ra ngoài phạm vi của tình cảm gia đình. Và càng lớn lên thì các khuynh hướng tâm linh càng phát triển nên mẹ tôi lại càng không thể hiểu tôi. Bà thấy những điều tôi nói hoặc học hỏi quá xa vời với tâm thức thực tế của bà khi phải chạy áp-phe lo từng đồng tiền bát gạo nuôi gia đình.

(Trong khi viết bài tùy bút này, tâm thức tôi cứ luôn khởi lên từng chặp như những tia sáng loé lên – "flashback" - những ý niệm sau: nhân ngày Vu lan, tôi thành thực khởi tâm sám hối, vì đã không thể làm một người con hiếu thảo, không có những cố gắng hết lòng để gần gũi mẹ tôi như đứa em trai kế, luôn luôn gần gũi bà và được mẹ tôi rất thương yêu...)

Cha tôi thì lại là một người cha cực kỳ nghiêm khắc. Ông có đi học và đậu bằng trung học vào

thời Pháp thuộc, rất thông thạo Pháp ngữ. Ngay khi anh chị em tôi bắt đầu cắp sách đến trường, khoảng bảy hay tám tuổi, ông đã rèn cặp chúng tôi ngoài giờ đi học ở trường và bắt chúng tôi nhập vào trong chương trình do chính ông tự tay dạy học vào mỗi buổi tối, từ bảy giờ đến khoảng gần mười giờ đêm.

Do đó, tuổi thơ của tôi thực sự không có nhiều, ngoại trừ những buổi tối khi trong nhà có khách đến thăm và cha tôi phải ra tiếp, thường là các bác hay cô dì, thì lúc đó tôi mới được phép chạy chơi trong nhà hay lén ra ngoài ngõ xem trẻ con chơi đánh đinh đánh đáo và tạt lon. Vì không thường chơi các thú vui ấy nên hồi nhỏ tôi chơi rất tệ, và các trẻ con trong xóm không cho tôi chơi chung. Tôi chỉ biết đứng thèm thuồng nhìn chúng chơi một cách thật là điệu nghệ và thành thục.

Cha tôi rất có lòng lo dạy dỗ chúng tôi. Ông tự tay đóng cho anh chị em tôi mỗi người một cái bàn học và có ngăn để cất sách vở. Ông còn bắt dây điện thắp đèn sáng cho chúng tôi đọc sách để tránh bị hư mắt.

Tôi nhớ là anh chị em chúng tôi ngồi học bên cái hàng hiên ở bên hông nhà cạnh cái ngõ hẻm.

Cũng chỉ vì chuyện đèn điện này mà xảy ra xích mích trong xóm bởi vì khoảng thời gian ấy, đèn điện đường rất hiếm. Trẻ con nghèo không được học hành trong xóm khi thấy ánh đèn từ hiên bên hông nhà hắt ra soi sáng ban đêm, bèn tụ họp lại và đánh đinh đánh đáo ồn ào, cha tôi không thể nào dạy học chúng tôi phần vì ồn, phần vì chúng tôi, dù sao vẫn là những đứa con nít ham chơi và lo ra, không chú ý đến bài học, liếc nhìn các trẻ chơi đùa trong xóm...

Cha tôi tức giận, bèn dựng một tường bằng lưới sắt có lỗ mắt cáo dọc theo hàng hiên bên hông nhà và mua vải về móc vào trong các mắt cáo của lưới, che đi để các trẻ con trong xóm không còn ánh đèn mà tụ họp đánh đinh đánh đáo ầm ỹ. Kết quả là chúng nó phải dọn ra ngoài xa tít đầu ngõ, nơi có ánh đèn điện của đường lộ lớn bên ngoài và cha tôi hài lòng, lo nghiêm khắc dạy dỗ chúng tôi. Ông thường nói:

"Dưỡng bất giáo, phụ chi quá, giáo bất nghiêm sư chi đọa."[6]

Vì vậy mà các trẻ con và người lớn trong xóm càng xa cách gia đình tôi và chúng bạn trong xóm thường mắng tôi là ba mày dữ dằn, khó

[6] Sinh con ra mà không giáo dục con (gửi con đi học để được dạy dỗ) là lỗi của cha. Dạy dỗ không nghiêm để sinh hư hỏng thì thầy (sư) phải đọa.

tánh không cho chúng tao ké ánh đèn chơi đùa trong đêm.

Khi lớn lên, tôi mới thầm biết ơn cha đã dạy dỗ để trở thành một người có học và biết chăm chỉ học hành. Tính chăm chỉ học hành sau này đã thâm nhập trong con người của tôi để đến khi tôi say mê đạo Phật thì giúp tôi hăng say học hỏi không ngừng nghỉ, luôn luôn khởi tâm nghi ngờ mình chưa học thấu đáo để càng ngày càng tự tìm học và đào sâu vào Phật pháp.

Rồi định mệnh lại an bày, cho tôi được đi du học sau những ngày tháng miệt mài và tính chăm chỉ học hành do cha huấn luyện. Từ đó tôi thực sự rời xa gia đình, sống đời sống tha hương, tự lo lấy thân vì gia đình tôi không đủ giàu có để nuôi tôi ăn học tại ngoại quốc, nơi mà đời sống rất đắt đỏ so với khả năng của gia đình trong nước. Tôi lại vùi đầu, vừa đi học đại học vừa đi làm đêm, đầu tắt mặt tối lo cho tương lai của mình...

(Viết đến đây, tâm thức tôi lại khởi lên: càng lăn lộn khổ đau, tôi càng tìm về đạo... Vậy mà mỗi mùa Vu lan, tôi cũng chẳng biết làm gì hơn là trì tụng và lễ lạy để hồi hướng báo hiếu cho cha mẹ.)

Cha tôi đã ra đi gần mười năm nay. Nhớ lại những năm đầu tiên khi cha mất, tôi không khóc gì cả, nhưng đâm ra ngơ ngẩn một thời gian dài và mỗi lần đi ra ngoài đường nhìn thấy ông cụ già gầy gò nào hao hao giống cha mình, tôi lại giật mình thon thót và nghĩ là ô kìa, cha mình còn sống đang đứng kia...

Nhưng tôi thầm nghĩ, nếu giờ này cha tôi có sống lại và gặp lại tôi thì cũng sẽ không nhận ra tôi bởi vì tôi đã cạo đầu và do sự kiên trì trì chú bằng luân xa đan điền, tướng mạo của tôi đã thay đổi toàn diện với cặp lông mày mọc quá dài nằm thậm thượt qua cả mi mắt...

Cuộc đời tràn ngập dấu hiệu của vô thường, những người bạn đạo trong thiền tông ngày xưa thân thiết nhất khi gặp lại cũng không còn nhận biết ra tôi vì hình dáng tôi đã thay đổi quá nhiều. Họ thường ngó lơ đi thẳng khi gặp giáp mặt tôi, trong khi tôi vẫn nhận ra họ. Tôi thản nhiên sống âm thầm ngoài dòng đời trôi lăn. Thực ra tôi vốn bản chất chỉ là một thi sĩ và ít hơn một chút là viết văn... Tôi làm thơ nhiều hơn và thích viết cho những hiện thực của cuộc đời, thích viết về đời sống thực và viết về những giấc mơ kỳ dị lặp đi lặp lại trong tâm thức.

(Tâm thức tôi lại khởi lên... mọi năm vào mùa Vu lan, tôi chẳng biết làm gì hơn là trì tụng và lễ lạy để hồi hướng báo hiếu cho cha mẹ... Nhưng năm nay như một ngoại lệ tôi viết đôi dòng tưởng nhớ đến song thân và sám hối đã không làm cho hai vị được vui lòng.)

Mà dường như tâm thức của đời sống chỉ cực kỳ sáng chói khi sống trong niềm cô đơn và khổ đau.

Nhưng mà, từ khi học được về đạo Phật, thì tôi không ngừng say mê trong những bài giảng và niềm an vui khi tĩnh tâm...

Từ đó tôi say mê dịch Phật pháp, say mê như là tâm của em bé thơ đọc truyện cổ tích... mà chính do... đức Phật ngồi kể chuyện cho tôi nghe.

Nếu không, chắc có lẽ tôi sẽ chết trong niềm cô đơn và khổ đau của cuộc đời qua tâm trạng của những bài thơ sầu miên viễn... Phật pháp đã cứu tôi ra khỏi nỗi sầu vạn cổ, sầu miên viễn và nỗi nhớ không rời trong niềm cô đơn tuyệt vọng... của kiếp người:

Cô đơn tuyệt vọng cái gì?

Có ai hiểu được "nỗi nhớ không rời" kể từ khi sinh ra đời...

Hôm nay, mùa Vu lan, để sám hối lòng bất hiếu, tôi xin ghi lại một câu chuyện, xin nhớ lại một câu chuyện thời thơ ấu, thời còn ở trong gia đình với cha mẹ... để đánh dấu lòng thương cha mẹ, cho dù cuộc đời có phong ba bão táp đến đâu chăng nữa, cho dù chướng duyên tràn đầy trên cuộc đời làm cho tôi cách xa cha mẹ, cách xa gia đình, thì những kỷ niệm có thật đầu đời vẫn nói lên được lòng thương cha mẹ nằm sâu trong tâm khảm của tôi...

Thời gian xảy ra câu chuyện là khoảng cuối thập niên 1950 chuyển sang đầu thập niên 1960, đó là những năm tôi lên khoảng chừng bảy, tám tuổi...

Còn bối cảnh? Đó là nhà ga, trạm xe lửa, của chuyến tàu khuya đi về thành phố Phan Rang. Năm trước, mẹ tôi đã bị thuyên chuyển về Phan Rang công tác. Bà về đó làm việc một mình chỉ mang theo cô em út của tôi, mới sinh vài tháng còn ẵm ngửa trên tay. Còn gia đình tôi, cha tôi và các anh chị em của tôi ở lại Sài Gòn vì cha tôi đi làm trong bộ Công Chánh, chẳng thể rời xa Sài Gòn...

Mùa hè năm đó, mẹ tôi ẵm em tôi về thăm gia đình vài ngày và sau đó ra đi về lại Phan Rang, tôi cùng cha tôi ra tiễn đưa bà tại nhà ga xe lửa Sài Gòn.

Lúc ra nhà ga, trời mờ mờ sáng khoảng 5 hay 6 giờ chi đó, tôi lần đầu tiên hiểu thế nào là niềm cô đơn của chuyến tàu khuya, trong làn sương sớm lạnh lẽo.

Ba tôi lăng xăng lo đi cân và gửi hành lý cho mẹ tôi. Xong việc thì ông và mẹ tôi đứng tần ngần im lặng bên nhau trong nỗi buồn của sự phân ly.

Để có việc làm qua thì giờ, mẹ tôi đẩy tôi lên cái cân hành lý thời cổ sơ, nặng chắc cả mấy trăm ký với một cái bàn cân to lớn có thể để một lúc ba bốn cái va li lớn lên trên cùng một lượt... Ý của mẹ tôi là muốn xem tôi nặng bao nhiêu ký, vì thời bấy giờ trong nhà làm gì có bàn cân để mà cân...

Tôi lúc đó tâm trạng đang hoang mang buồn rầu trong niềm cô đơn của sự phân ly, nhìn chuyến tàu khuya, đầu tàu to đen sừng sững như sắp sửa nuốt chửng mẹ và em gái tôi ra đi biền biệt... làm cho lòng tôi lo ngại và sợ hãi, như thể là mẹ tôi sẽ ra đi mãi mãi... không bao giờ quay trở lại.

Trong trí óc non nớt của đứa trẻ, nhìn cha mẹ trong cảnh phân ly, tôi cảm nhận hơn bao giờ nỗi buồn của sự chia lìa người thân thương, mà sau này Phật pháp đã dạy cho tôi biết bài học của bát khổ trong cõi người, và một trong bát khổ đó chính là ái biệt ly.

Và cậu bé thơ ngây lần đầu tiên cảm nhận nỗi đau tự nhiên của niềm ái biệt ly, mang cảm giác như là một lần ra đi vào trong sinh tử... choàng theo nỗi sợ hãi vô cớ thâm căn cố đế.

Do đó, khi mẹ tôi đẩy tôi lên bàn cân, tôi chẳng hiểu để làm gì, nhưng vì trong lòng thấy rất cô đơn và sợ hãi, tôi chùn người lại và lấy hết sức bình sinh vuột ra khỏi tay mẹ tôi, như thể là bị đưa lên bàn cân để nó mang tôi lên đoạn đầu đài, hay là bị đưa đi mất hút vào chốn vô cùng tận...

Mẹ tôi không hài lòng vì không cân được cậu con trai bé, lắc đầu không biết làm sao trước đứa bé cứng đầu đó là tôi...

Rồi mẹ tôi lên tàu hỏa ra đi... Để lại tôi bơ vơ với nỗi buồn và niềm ân hận là, ngay trong giờ phút chia ly, đã làm cho mẹ mình không vui khi chùn người lại không chịu lên bàn cân...

Tháng sau đó, tôi nghỉ hè, và cũng phải đi lên chính chuyến tàu khuya ấy, sầm sập hú còi rời xa Sài Gòn về thăm mẹ tôi... tại Phan Rang.

Phan Rang, ôi thành phố buồn đầu đời của chú bé...

Đó cũng là khởi đầu của những kinh nghiệm khổ đau trong cuộc đời tôi...

Là khởi đầu của lòng sám hối ở lứa tuổi thơ ngây, qua niềm ân hận đã làm cho mẹ phải buồn lòng...

Mùa Vu Lan báo hiếu...





KHỔ ĐAU VÀ HẠNH PHÚC

Phần I - Ái biệt ly

Sáng nay, trời thật đẹp. Lãng bước chân ra khỏi nhà. Chung quanh chàng, vạn vật dường như sống dậy và sinh động qua một đêm dài. Mở máy xe, Lãng đi trên con đường xa lộ 405 quen thuộc về phía nam. Cali sáng nay trời tuy rất đẹp, nhưng dòng lưu lượng khổng lồ của đoàn xe làm cho cuộc sống thật là vội vã. Mọi người ai cũng nóng ruột mong cho dòng xe cộ chạy nhanh hơn.

Lãng chặc lưỡi nói thầm, đành vậy, có lẽ sẽ đến sở trễ thôi. Hy vọng đừng trễ hơn buổi họp giải quyết các ưu tư của khách hàng đã hẹn từ lâu cho ngày hôm nay. Nhưng chàng vẫn vui vẻ nhìn ánh triêu dương rực rỡ. Nói thầm trong đầu: Ngọc ơi, buổi sáng đẹp vô cùng, nắng lung linh vàng ấm vô cùng. Giá như có em ở đây, mình nắm tay nhau đi dạo... Anh nhớ mãi những kỷ niệm lần vừa rồi khi chúng mình nắm tay đi dạo trên bờ biển Laguna thật là thơ mộng...

"Em đi rồi, đường xưa có nắng không anh?
Lá hoa còn xanh, hay tàn theo tháng ngày?
Giờ một mình anh lẻ bước trong sương mai..."

Giọng hát ca sĩ Họa Mi qua cái CD của xe làm Lãng càng nhớ Ngọc tha thiết. Nàng giờ này chắc đang ngồi ăn tối trong căn hộ nhỏ của mình ở trung tâm thành phố Paris. Yêu nhau từ năm năm nay, Lãng và Ngọc phải chịu cảnh Ô thước bắc cầu. Cả hai đều có những hệ lụy trong đời sống riêng tư, tuy yêu nhau mà chưa thể gần nhau.

Với Lãng, đời sống có những lúc, có những khi, và có những khía cạnh buồn thảm não. Trong lòng Lãng, nỗi sầu cứ luôn luôn lãng đãng trôi qua theo từng ngày. Cho dù có khi chàng cũng

tìm thấy vài niềm vui nhỏ nhoi và hiếm hoi. Nhưng mà cái buồn nó luôn luôn xuất hiện. Cho dù vào những lúc hạnh phúc nhất của cuộc đời, như khi Lãng nắm tay Ngọc đi dạo trên bờ biển Lagunna xanh biếc. Và ngồi dịu dàng dựa bên vai Ngọc ngắm ánh mặt trời lặn lúc hoàng hôn. Mặt trời đỏ rực như trái cầu lửa trên mặt biển Thái Bình Dương. Đó là lúc biển Laguna đẹp nhất. Và đó cũng là những giây phút hạnh phúc nhất trong đời của chàng. Buồn thay, những giây phút đó thật là ngắn ngủi. Chỉ trong năm phút là cảnh đẹp huy hoàng đó biến mất theo sự chìm sâu của mặt trời xuống dưới mặt biển. Nghĩa là xuống bên kia trái đất.

Tiếc thay, Lãng chẳng thể làm như cậu Hoàng tử Bé trong truyện của St-Exupéry, di chuyển chiếc ghế đẩu để xem thêm cảnh mặt trời lặn. Và ngay sau đó là màn đêm ụp xuống vô cùng mau lẹ. Lãng hay ngồi thừ người tiếc nuối cảnh mặt trời lặn trên biển Laguna. Và khi ra xe... thì phố đã lên đèn. Thành phố Laguna về đêm, chìm trong đêm với ánh đèn hắt ra từ những căn nhà xinh đẹp, càng làm cho Lãng cô đơn và sầu muộn. Dĩ nhiên bên Ngọc, nàng làm cho Lãng quên đi nỗi buồn. Nhưng đâu có được bao nhiêu ngày ở bên Ngọc? Rồi là lúc tiễn đưa em ngoài phi trường

John Wayne. Để trên đường về nhà gần quận Cam, Lãng buồn queo, buồn héo. Thơ thẩn ra vào không biết là bao nhiêu ngày tháng... Lãng đôi khi buồn quá lẩn thẩn nhẩm thầm hai câu thơ đọc đâu đó...

Mây bay - có chặng rạc rời
Yêu đâu có nghĩa buộc đời vào nhau.

Buộc-cởi (cho em...) thơ Tử Tâm

Vậy mà Lãng vẫn cứ thấy đời Lãng bị buộc vào cái sầu lãng đãng của cơn đau "*chưa yêu đã buồn..., chưa gặp em đã sầu ly biệt*..."

Chiếc xe hơi đã vào trong bãi đậu xe... Lãng uể oải bước vào sở. Trễ nửa tiếng rồi. Hy vọng mọi chuyện bình yên với khách hàng.

Phần II - Niềm đau sỏi đá

Đi họp xong bước ra ngoài thì đã 1 giờ trưa. Cơn nhức đầu tràn lan trong trí não. Lãng mệt mỏi bước nhanh vào phòng tắm rửa mặt. Nhìn trong gương, Lãng thấy mình thật là xa lạ. Khuôn mặt chàng trông buồn bã. Cách đây ba hôm, Lãng đã ngồi trước gương nhìn trân trân những sợi tóc bạc trên đầu: bạc chưa? chưa

bạc... hay là bạc chút đỉnh. Chàng hất mái tóc đen phủ lên bên ngoài những sợi tóc bạc ấy... Ba hôm trước là ngày sinh nhật thứ bốn mươi của chàng. Dòng đời đâu có tha cho ai. Những sợi tóc thì cứ bạc dần một cách thật là vô tư lự. Nhưng chàng đâu có được vô tư lự như vậy. Ngọc đã vô tình quên không nhắc đến sinh nhật của chàng. Nói là vô tình vì Ngọc có gửi cho Lãng một hộp quà từ Paris, nàng chỉ quên không chúc Lãng vào ngày sinh nhật, hôm đó nàng điện thoại qua trò chuyện rất là vui vẻ. Sau đó hai người tạm biệt trên điện thoại cho đến ngày hôm nay. Còn hộp quà vẫn đang ở trên con đường rùa bò của bưu điện. Ngày hôm nay cũng vẫn chưa đến. Rửa mặt xong, Lãng quay trở vào văn phòng của mình. Định bụng là sẽ xem qua một chút thư từ và điện thư trước khi đi ra ngoài kiếm gì ăn. Vừa mở hộp điện thư ra chưa xem được gì hết thì chuông điện thoại reo vang. Ngọc ở bên kia đầu dây...

Ngọc: Em gọi điện thoại cho anh quá mà không có anh trên sở, anh gọi cho ai thế mà đường dây bận hoài.

Lãng: Đâu có gọi gì cho ai đâu, công việc bận rộn thôi.

Ngọc: Nghi anh có bồ quá, anh điện thoại cho cô nào mà ngày nào cũng gọi thế, lại đúng giờ trưa nữa!!!

Lãng:...

Ngọc: Thôi, không muốn nói chuyện thì thôi!

Lãng: Anh sắp đi công tác nên việc ngập lên đầu em ạ.

Ngọc: Vậy anh làm việc đi, em không quấy anh đâu.

Lãng: Ok em.

Lãng thấy lòng buồn buồn, vậy là giữa hai người đã có một đám mây che phủ. Hai ngày nữa Lãng phải đi công tác xa nhà. Cuộc sống dồn dập mà dường như trong tâm tư, quá trình tạo dựng những áo giáp che chở phiền não cho mình, cho Ngọc chưa thành hình chắc chắn. Mà cũng chẳng phải một mình Lãng có thể tạo được áo giáp nhẫn nhục và thương yêu để bảo vệ cho cuộc tình thật đẹp của hai người. Phải có sự giúp đỡ và thông cảm của Ngọc. Nhưng đời sống cách chia, mà lại quá bận rộn, cả hai đều bị cuốn hút trong những cơn lốc xoáy của những toan tính và kiếm cơm... Lãng nhớ đến những câu trong bài hát *Yêu dấu tan theo* của Trịnh Công Sơn:

“Em theo đời cơm áo. Mai ra cùng phố xôn xao. Bao nhiêu ngày yêu dấu tan theo...”

Lời nhạc làm cho Lãng đau đớn muốn khóc. Mai đây sẽ ra sao? Lãng thấy như là một lời trách móc. Nỗi đau rất dịu dàng nhưng rất hiện thực và quặn thắt trái tim. Từ bao lâu nay, tình yêu như là một vết thương. Cho dù yêu nhau tha thiết, nhưng cuộc đời với những miệt mài cơm áo tại những xứ tân tiến quả thật đã làm cho cho hai người yêu nhau lắm nỗi khổ đau, những giằn vặt lẫn nhau qua những câu nói đau đớn, cho dù những ngày yêu dấu bên nhau thật là đẹp và Lãng đã chẳng bao giờ có thể quên được...

Lãng thì thầm với chính mình:

“Ngọc ơi, anh yêu em, cho dù mai này, đời sống có làm tan vỡ tình mình, thì hãy vẫn mang lại cho nhau những niềm vui ngọt ngào, những lời nói yêu thương, và hãy giữ đời cho nhau để những ngày tháng yêu thương vẫn là những kỷ niệm trân quý nhất...”

Ngoài hành lang, mấy bạn đồng nghiệp đã kêu réo chàng, Lãng kín đáo chùi những giọt nước mắt và uể oải đi theo những người bạn cùng sở ra ngoài ăn trưa...

Phần III - Tình yêu vô nhiễm

Tối nay là thứ sáu, Lãng đi làm xong là nhanh nhanh chạy về nhà, kiếm chút đồ ăn nhẹ lót bụng trước khi lên chùa. Dù cố gắng tối đa, khi lến đến chùa thì các bạn đạo cũng đã tề tựu đầy đủ. Chương trình của chùa mỗi tối thứ sáu là ngồi thiền tĩnh tọa. Đã từ nhiều năm nay, Lãng ưa thích lên chùa tối thứ sáu để thư giãn trong các buổi thiền tọa rất có lợi cho công việc mà chàng đang làm trên sở. Chính là nhờ các công phu thiền tọa này mà Lãng cảm thấy mình như được sạc đầy đủ bình điện trở lại để có năng lực làm việc trong suốt tuần lễ. Nếu không có những lúc tọa thiền thế này và tạm ngưng những lo âu về đời sống cũng như về công việc thì chắc Lãng đã phát điên từ lâu.

Trong buổi thiền tọa lần này, Lãng quán chiếu nhiều về những nhân duyên và liên hệ chằng chịt trùng trùng duyên khởi... Chàng bắt đầu bằng từng hơi thở, chú tâm lắng nghe dòng hơi thở đều đặn trong lồng ngực... Thở ra... thở vào... tâm tĩnh lặng và an nghỉ. Mười lăm phút trôi qua, chàng bắt đầu đi vào thế giới kỳ diệu của nội tâm... Như con chim đại bàng... bay bổng trên vòm trời cao của hư không... Chàng nhìn xuống tâm của mình... Mặt trời chiếu sáng và tỏa rạng

trên vùng hư không... Chàng từ từ thiếp nhập vào trong tiềm thức tĩnh lặng và tỏa sáng... Thế giới bên ngoài mờ nhạt dần... chỉ còn nghe những hoạt động và các âm thanh bên ngoài qua vùng tiềm thức... yên bình. Thêm mười lăm phút trôi qua... Đột nhiên, chàng thấy ánh mặt trời của tâm thức sáng rạng... Các nguyên tử muôn màu thị hiện trong vòm trời tánh không...

Là nhân duyên hòa hợp mà thành. Mọi sự vật lớn nhỏ đều nương vào nhau, nhân làm duyên, duyên lại làm nhân, cái này có là nhờ cái kia, cái kia có là nhờ cái này, tương quan, tương duyên, lớp lớp chằng chịt vô cùng. Mọi sự vật đều dính chùm với nhau, nên cái này chuyển động là tất cả đều chuyển động, tất cả đều liên quan mật thiết với nhau, tương tức, tương nhập.

Lãng ngồi thiền và thấy tất cả nhân duyên chằng chịt, từ những sự truyền khổ đau qua các nghiệp chiêu cảm lẫn cho nhau và cả những niềm hạnh phúc phù du...

Chàng ngồi thiền trong niềm soi sáng vô biên của tiềm thức...

Buổi ngồi thiền trôi qua trong biết bao nhiêu là quán chiếu và an bình. Hơn một tiếng trôi qua

nhanh chóng, chàng từ từ xả thiền nhẹ nhàng khi nghe tiếng chuông gia trì dẫn dắt tâm thức trở về thực tại...

Trong giây phút xả thiền và xoa bóp tay chân đó, Lãng tự nhiên khởi nhớ lại lần điện đàm mới nhất với Ngọc:

Ngọc: Sao em nghi anh có bồ quá! Anh điện thoại cho cô nào mà ngày nào cũng gọi thế, lại đúng giờ Ngọc thường gọi anh nữa!

Lãng: ...

Ngọc: Thôi, không muốn nói chuyện thì thôi!

Lãng: Anh xong rồi em, có đường dây của điện thoại cầm tay. Vì anh sắp phải đi công tác xa nên công việc ngập lên đầu em ạ.

Ngọc: Vậy anh làm việc đi, em không quấy anh đâu.

Lãng: Bye em!

Đêm hôm đó trở về nhà, Lãng bật máy điện tính lên và viết một lá điện thư gửi Ngọc.

Em yêu thương,

Giờ này, chắc em đã yên giấc ngủ trong căn hộ nhỏ, xinh xắn trong trung tâm Paris quận 13, nơi mà anh đã từng ghé thăm em, và chúng ta đi dạo chơi trong bầu trời Paris thật

là đẹp. Căn phòng nhỏ đó, nơi chúng ta vẫn thường ngồi ăn sáng, nhìn ra ngoài thành phố Paris thơ mộng, lần ấy, em có nhớ không, bầu trời Paris xanh mát và thật tươi đẹp.

Anh còn nhớ những đối thoại của chúng mình:

Ngọc: Paris chiều đãi anh quá, cả tuần anh qua thăm em, Paris sửa soạn sắc đẹp tuyệt vời để đón anh, và để gieo duyên trong lòng anh những kỷ niệm êm ấm trong lòng anh, để anh sẽ không bao giờ có thể quên...

Lãng: Anh phải công nhận là kỳ này, kỷ niệm Paris không phải là không có ấn tượng mạnh mẽ trong tâm anh...

Ngọc: Vậy thế Paris cho anh ấn tượng gì?

Lãng: Ấn tượng là một kỷ niệm ghi nhớ đời.

Ngọc: Tại Paris đẹp hả?

Lãng: Không phải chỉ có vậy đâu em, mà là tất cả, trời Paris đẹp xanh trong văn vắt, Paris mưa phùn lấm tấm, mưa không ướt mặt, Paris và cả bầu trời yêu thương, Paris và những chiếc áo dài lộng lẫy và tha thướt khi cùng em đi dạo... Paris... Paris...

Ngọc: Paris và bữa ăn salade mình cùng trộn chung?

Lãng: Ha ha, tất cả những kỷ niệm, tất cả những niềm hạnh phúc quyện vào nhau, một sự giao hòa giữa kỷ niệm và hạnh phúc...

Ngọc: Vậy thì em vui lắm.

Lãng: Kỷ niệm thật là nhẹ nhàng, nhưng bình tâm suy xét thì mới thấy là thấm thía.

Ngọc: (Nhìn chàng mơ màng). Anh nói thêm đi...

Lãng: (Cũng mơ màng). Em nhớ không, so với Cali, thì Paris không như vậy... Cali thì sôi nổi, còn Paris trầm lặng hơn... Cái trầm lặng chết người, bởi vì ấn tượng sâu đậm quá. Cali đẹp rực rỡ, nó làm mình tôn thờ những kỷ niệm rực rỡ như ánh mặt trời. Còn Paris thì rất là chìm sâu, cái chìm sâu nhẹ nhàng ấy làm rung động lòng người, nhưng lại rất là ấn tượng.

Ngọc: (Cười phá lên). Anh giống như đang so sánh hai người đàn bà... hai người yêu...

Lãng: Phải đó em, cả hai đều đáng được hưởng sự tuyệt vời, cả hai đều đáng sống qua những cảm giác tuyệt vời.

Ngọc: (Sung sướng ngắt lời chàng) Mà mình đã làm được những điều ấy. Cái sự sống đó.

Lãng: Mỗi một kỷ niệm đều lạ lùng, đều mới mẻ, và là một kinh nghiệm sống thật là kỳ

diệu... Anh nhớ đến câu nói của một vị thiền sư : "Mỗi lần cầm đến lại thành mới tinh..."

Ngọc: Có lẽ mai mốt anh sẽ nghĩ lại và sẽ thấy rõ hơn những gì Paris để lại trong lòng anh chăng, bây giờ còn mới lắm. Và cũng có thể đó là sự trưởng thành của tình mình chăng?

Lãng: Đúng vậy em ạ, hôm nay mình tâm sự thật là đẹp với nhau.

Ngọc: Em nghĩ nếu mình không nói ra ngay, cảm giác sẽ mờ nhạt đi, và một ngày nào đó, với thời gian, với sự bận bịu, mình sẽ không còn nhớ nữa, còn bây giờ cảm giác quá sống động, quá mới, và cả trong thân em, còn cảm được những yêu thương của anh nữa đấy.

Lãng: Anh hiểu em lắm, với tất cả những sự sống động của tình yêu.

Bây giờ anh ngồi lại và hồi tưởng niềm hạnh phúc đã qua. Những kỷ niệm êm ấm trong lòng, và cũng nhớ lại cả những lần khó khăn mình đã trải qua trong những kỳ điện đàm.

Em biết không, ngày hôm qua là tối thứ sáu, và như thường lệ, anh đã ghé qua Trung Tâm Phật Học của Thầy, anh đã ngồi thiền định như bao lần. Nhưng lần này thì anh đã thấy ra những hạnh phúc và những khổ đau chẳng

chịt. Một mạng lưới chi chít những nguyên tử giao động với nhau, cái này rung động truyền cảm nhận sang cái kia, và truyền mãi, trùng trùng duyên khởi.

Nhân duyên không bao giờ ngừng... Lúc đầu anh chỉ thấy màn không gian ba chiều đó, nhưng lần lần anh quán chiếu cả cái mạng nhân duyên đó không còn nằm dưới dạng không gian ba chiều mà là trong cái hư không vô lượng chiều của tâm thức, rung động, khi thì mãnh liệt, khi thì nhẹ nhàng. Và mạng lưới ấy rung động không ngừng, ép buộc những nguyên tử khởi động, dù muốn hay không trong những chuyển động không ngừng...

Khổ đau và hạnh phúc, anh đã trực diện với nó, sống động giao hòa trước những quán tưởng trong tâm thức của anh...

Do đó mà anh viết những hàng này gửi em, chia sẻ những kinh nghiệm và những cảm nhận vô bờ. Trong sự quán chiếu sâu đậm đó, anh nhận diện ra, đã từ lâu, anh có khuynh hướng như thế về tình yêu, nhưng anh vẫn chỉ ngờ ngợ và chưa thấy. Tối qua anh thấy rõ ràng trong sự quán chiếu nhân duyên chằng chịt.

Cái khuynh hướng của tình yêu này, anh bắt buộc phải viết ngay cho em. Bởi vì trong lần

đối thoại Paris, em cũng có nhận xét, nếu không nói ra, e rằng với cuộc đời cơm áo, với những bận bịu trầm kha trong cuộc sống, mình sẽ lãng quên và không còn định hướng...

Khuynh hướng tình yêu này, anh tạm gọi là ***Tình Yêu Vô Nhiễm,*** có thể tóm gọn lại trong ba điểm nhận xét sau:

1. ***Không nắm giữ*** *(ý anh muốn nói là không thủ hữu[7]). Do đó mà em hoàn toàn có sự tự do bay bổng trên phương trời của em, như loài đại bàng tung xoải cánh không giới hạn, khi nào mỏi cánh chúng mình sẽ nương bên nhau nghỉ ngơi và mang lại những phút giây tuyệt vời bên nhau. Khi tình yêu không còn ý thức Thủ Hữu thì đó mới là tình yêu không điều kiện và vô bờ bến. Tình yêu không còn vướng mắc của dòng tâm thức chấp ngã.*
2. ***Chỉ nguyện mang lại Niềm Vui và Hạnh Phúc*** *cho người. Nghĩa là sẽ từ chối, không nói những lời, không làm những điều gây đau khổ với người yêu. Không bao giờ - dù cho bất cứ lý do gì - mà tình*

[7] Trong Thập nhị nhân duyên thì *vô minh* là vòng xích sắt đứng đầu đã gây ra sau này vòng khoen *thủ* và *hữu*, do đó mà gây nghiệp.

yêu vô nhiễm lại đem đến sự khổ đau. Cho dù phải hy sinh thân mình hay những gì mình có. Giả dụ như một ngày nào, em nói với anh, vì (bất cứ) lý do nào đó (như gia đình ép buộc, hay ngay cả khi em có người yêu khác), anh vẫn yêu em và chúc phúc cho niềm hạnh phúc mới của em. Lòng anh sẽ không có một sự buồn rầu nào khởi lên, và anh sẽ khởi nguyện: cầu cho em đạt hạnh phúc tuyệt vời, anh sẽ làm tất cả để em đạt hạnh phúc, cho dù với ai hay là ở hoàn cảnh nào. Và anh vui sướng trong niềm hạnh phúc đó của em...

(Anh xin mở ngoặc: ghen tuy cũng là yêu, nhưng là tình yêu thủ hữu nắm chặt, và làm khổ đau cho nhau. Do đó, không phải là một tình yêu vô nhiễm).

3. ***Và trong tình yêu vô nhiễm** đó, mình sẽ nương nhau và dìu dắt nhau, để cùng tiến trên con đường đạo. Bởi vì sau này, còn có những kiếp khác, chúng ta sẽ chuyển hóa tình mình thành tình đạo để cùng nhau đạt đến cõi Cực lạc, như là khi nắm tay nhau dẫn nhau đi vào cung trời Đâu Suất Thiên Nội Viện.*[8]

[8] Kinh điển có ghi chép là trong một pháp hội, đức Phật Thích-ca đã thụ ký cho đức Di-lặc Bồ Tát là Phật tương lai của cõi thế gian này. Hiện nay

Em đừng cười là anh lý tưởng quá nhé, không có đâu, thực tình, khuynh hướng này anh đã có từ lâu, mà anh chưa hề nhận thức ra nó, chỉ thấy lờ mờ là nhân duyên chằng chịt và nhất là anh đã nguyện từ lâu chỉ xin mang lại niềm vui cho người... dứt các nghiệp duyên khổ đau...

Cho đến tối qua, nhờ năng lực thiền định quán chiếu mà anh nhìn rõ ra tất cả. Và anh chân thành viết lá thư này gửi em tất cả những lời tâm sự sâu thẳm nhất tận đáy lòng anh.

Ngay từ lúc xả thiền trong lần qua, anh đã về nhà và trầm lặng suy tư về em, về tình của chúng mình, anh xem xét lại, tình yêu có thực sự hội đủ được ba điểm anh quán chiếu vừa qua không. Tình yêu vô nhiễm thực sự bắt nguồn từ tâm Bồ Tát, đó là điều chúng mình thường nguyện. Tâm Bồ Tát này chỉ muốn mang lại tình yêu thương vô bờ cho mọi người, chỉ muốn cho hết lòng, không có giữ lại cái gì của riêng tư cho mình mà cũng

Phật Di-lặc đang thị hiện tại cung trời Đâu Suất Thiên. Cung trời này phân làm hai, ngoại viện (chỉ có chư thiên mà không có Phật pháp, do đó không nên tái sinh vào nơi này) và nội viện. Đức Di-lặc Bồ Tát hiện đang ở cõi Tịnh độ trang nghiêm thanh tịnh "Đâu Suất Thiên nội viện" này, vì vô lượng chúng sanh mà thuyết pháp.

chẳng nghĩ đến nhận lại một điều gì. Cho không giới hạn, ít nhất là với tình yêu anh dành cho em, đó là một tình yêu rất trong sạch anh hướng về bên em...

Mãi mãi bên em...

Lãng gửi bức thư đi xong, trong lòng thanh thản. Đêm hôm đó, chàng vào trong một giấc ngủ êm đềm, giấc ngủ đầy hoa mộng và thương yêu êm ái, trong đó tình yêu của chàng và Ngọc đã thăng hoa và bay trên một vòm trời cao vô tận...

Phần IV - Tình yêu hiến dâng

Anh yêu thương,

Lá thư của anh gửi đề ngày... tháng... năm, em đã nhận được. Lá thư làm em nhớ lại nhiều những kỷ niệm giữa hai đứa mình. Những kỷ niệm mà em thật là thương yêu và trân quý... Nhưng anh ơi, tình yêu của em dành cho anh vẫn còn là một tình yêu thuần túy của một trái tim đầy dẫy yêu thương và trân quý... Em vẫn muốn anh là của riêng em, em không muốn chia sẻ anh với bất cứ ai, với bất cứ người đàn bà nào khác... Nhìn anh nói chuyện và chia sẻ với người khác những kỷ niệm và những sự sống, lòng em thấy thật là đau đớn... và những lúc ấy, em cảm thấy muốn buông xuôi..., muốn bỏ đi thật

xa một nơi nào khuất vắng tất cả... để em ngồi yên xuôi với nỗi đau của tâm hồn... Những lúc ấy em muốn được xa lìa anh mãi mãi và trốn tránh trong vỏ ốc của riêng mình em... Nhưng anh ơi, rồi em cũng không chịu nổi niềm thương nhớ anh mà lại cầm chiếc điện thoại mà gọi đến anh, tim em lúc ấy... đập dồn dập... trong sự lo âu... không biết là anh có coi thường em khi em phải gọi đến anh vì không chịu nổi niềm nhớ anh...

Đôi khi em tự nghĩ: ***người yêu, anh có phải ra đi tìm sự sống của riêng anh và anh đến bên em có phải như là một lữ khách đi tìm quán trọ... tâm hồn anh cô đơn và tìm đến bên em hay là còn đi tìm một nơi trọ vui vẻ nơi nào khác...*** Lữ khách tình yêu... đã đến giờ anh phải đi chăng anh? Tiếng gọi xa thẳm nào đó đã lôi nghiến tâm hồn anh ra khỏi nơi bên em chăng? Em... chẳng thể buộc chân anh lại bằng tình yêu cầu khẩn... Cửa vẫn rộng mở toang và anh... người lữ khách sắp đến giờ ra đi về nơi hành trình vô định của con tim...

Anh ơi, em đã thấy cuộc đời, đã nhìn qua nhiều cảnh đời, trong đó phần lớn là những con người luôn luôn phải ra đi để tìm về một tình yêu nào đó, đuổi theo một tình yêu nào đó để rồi lại tiếp tục chạy đuổi theo một tình yêu nào đó khác.

Với những con người đó, họ mãi mãi chạy theo những cuộc tình không chấm dứt, qua những lần đùa cợt che giấu bên trong những lời tán tỉnh ve vuốt nhau, những tâm thức chấp chặt vào cái đi tìm xoa vuốt bản ngã của chính mình bằng những lời tán tỉnh bản ngã cho người khác và lẫn cho nhau... ***Nhưng anh, anh của em dường như có cái gì khác hơn, dường như anh không thích mắc vào những cái tầm thường đó.*** Anh ơi, nhưng dường như cũng chính vì vậy mà anh đi tìm những gì siêu việt khác ở trên cõi đời này. Anh như là luôn mãi đi trên cuộc hành trình tìm về đạo. Và như thể là trái tim em đã không thể nào giữ nổi anh.

Cánh cửa tim của em vẫn rộng mở, còn anh... có phải là anh cũng đã sắp sẵn yên cương chờ đợi? Cho dù em có muốn ngăn anh đừng đi, thì tim em cũng chỉ còn bài ca chia tay... Níu áo anh cũng chỉ là ánh mắt nhìn yêu thương mà thôi. Anh, em chẳng có còn gì để giữ anh lại, trừ... hai giọt lệ giấu giếm trên đôi má hồng...

Em biết, con người anh đầy dẫy ngọn lửa đi tìm sự sống. Và sự sống trong anh hừng hực sáng chiếu trên con đường tìm về đạo. Lá thư của anh đã làm em thấy rõ. Trong máu anh chảy

sôi sục cơn say về đạo. Cơn say đạo triền miên chảy trong dòng máu nóng của anh, cũng như tình anh dành cho em. Nhưng niềm thôi thúc đạo không ngừng trong tâm huyết, tiếng gọi tối thượng nào đã thu hút hết tất cả tâm nguyện của anh và câu chú thần lực nào đã hớp hồn của anh với một lời mật truyền thăm thẳm khơi mở cho anh tâm thức của phương trời lồng lộng...

Và từ đó anh đã viết về Tình yêu vô nhiễm... Tình yêu ấy dẫu thật là lý tưởng và thật là trân quý, em vẫn chưa sẵn sàng để đi theo. Em chỉ có một ***tình yêu hiến dâng***, và đã trao toàn bộ cho anh. Những lần sống bên anh, em thường nhìn anh hành trì trong thiền định, em nghĩ, anh như là loài chim đại bàng tung xoải cánh bay trên trời cao, và để khi nào mỏi cánh anh... sẽ hạ xuống bên em và chúng ta yêu nhau. Nhưng có lẽ sức mạnh thiền định ấy đã chưa bao giờ hay không bao giờ làm anh mỏi cánh. Anh tung bay mãi mãi không mệt mỏi, và khi nào hạ cánh bên em, thì dường như không phải để anh nghỉ ngơi mà là để anh mang lại cho nhau, ban cho nhau niềm hạnh phúc vô biên của Tình yêu vô nhiễm bên em. Mình đã mang lại cho nhau tất cả niềm hạnh phúc kỳ diệu, lần nào cũng vậy, cho dù ở Cali hay cho dù ở Paris, cũng đều là những thời

gian thần diệu mình đã ban cho nhau.

Mà cũng chính vì vậy là em chấp chặt vào anh, em chấp chặt vào sự hiện diện của tâm hồn anh bên em. Và em muốn chỉ riêng em được giữ tâm hồn vô nhiễm đó của riêng em. Em chưa thể vô nhiễm, vì hiện giờ tim em là cả một đóa hoa nở rộ với tâm thức của một *một tâm tình hiến dâng* cho riêng anh...

Xa nhau, niềm thương nhớ đôi khi đến khổ đau và giằn vặt làm cho những đối thoại trở thành vô nghĩa khó hiểu và cằn cỗi không mang lại cảm thông. Nhưng tình yêu vẫn mạnh hơn hết tất cả và cuối cùng mang em lại bên anh, **và mãi mãi bên anh...**

•••



NGƯỜI BẠN TRẺ VÀ PHẬT PHÁP

***Lời đầu truyện**:*

Trong một chuyến đi tham dự pháp hội và pháp thoại gần đây của một vùng tây Hoa Kỳ, tác giả đã gặp lại một vị bạn trẻ, một người sư đệ trong đạo và kể lại cho nhau nghe những tâm tình riêng, nhưng lại phản ánh những tâm tình chung của thế hệ trẻ Phật giáo hải ngoại.

*Nhân vì Tập san Hoằng Pháp sắp ra với chủ đề **Tuổi trẻ và niềm tin**, tác giả xin ghi lại những*

ngày tâm sự với vị bạn đạo trẻ, thế hệ trẻ đó, và nhận thấy niềm tin và sức sống Phật pháp vẫn cháy bừng bừng trên thế hệ trẻ hải ngoại.

———————————————

***T**rời đã chớm lạnh vào thu...*

Vào mùa này, buổi sáng sớm, khi bắt đầu thức giấc lúc trời tờ mờ sáng, căn phòng ngủ còn chìm trong bóng tối, tôi nằm thao thức trong cái không gian se lạnh, cái lạnh của mùa thu len lén trở về trong không khí. Và trong bầu không gian se lạnh ấy, tâm hồn tôi cũng cảm thấy một nỗi buồn se sắt, một niềm bi ai dâng tràn trên mi mắt.

Từ vào thu đến nay
Sương thu bạch
Trăng thu lạnh
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
Sông thu đưa tiễn bao ngành biệt ly...

Tản Đà

Nhìn lá vàng héo úa tàn tạ dần dần trên các cành cây, để rồi sẽ từ từ, từng cái rơi rụng, cuốn theo chiều gió bay lác đác. Mùa thu mang lại sự tàn tạ của cuộc sống, héo úa, sầu thảm. Và tôi cũng

không thể nào không nhìn lại mình. Mùa thu cũng đã lác đác rơi trên khuôn mặt. Nét buồn đọng trên từng khóe mắt. Đôi mắt xa xăm, như mong chờ một điều gì xảy đến. Nhưng hoài vọng vẫn chỉ là lòng hoài vọng... Hai mươi năm, ba mươi năm...

Ta đã làm gì cho đời ta?

Những quẩn quanh và... quanh quẩn. Nhìn lại những thành, bại. Những phiền não rút từ những hoạt động tâm linh hay từ cuộc đời, những quẩn quanh tranh giành của thế gian đến từ các hoạt động trong chùa hay từ cuộc sống. Nhìn lại những tâm hồn chung quanh mình. Những cái được cho là điều hay, tốt, mà tôi thường cố bám lấy, với niềm hãnh diện ngấm ngầm, khi đạt được những quy ước ấy. Hoặc những điều xấu mà mình sợ hãi lánh xa. Để cũng ngấm ngầm cho rằng mình còn khá hơn những người đang trầm luân trong đắm nhiễm khác. Rồi bất chợt cũng nhận chân ra những đắm nhiễm của riêng mình, khởi sinh phút giây sám hối tội lỗi mà mình đã phạm phải, trong lòng sợ hãi và cắn rứt.

Phải rồi, tôi cũng nhận thấy sự tiến triển nơi tâm thức của mình, mỗi ngày một tốt hơn ở trong cái quá trình suy tư và nghiệm lý của đời sống. Nhiều khi, tôi cảm thấy như thực sự hạnh phúc trong ánh sáng của sự tiến bộ tâm linh của mình.

Nhưng sao cái cuộc sống ấy, với một cái con người của tôi nghiêm trang và đứng đắn trong sự hướng thượng thanh cao ấy, dù được nhiều sự thương mến quý trọng, dường như có những lúc, tôi cảm thấy có một điều gì khúc mắc, không ổn thỏa trong tâm. Những lúc ấy, tôi thường thở dài và câu hỏi quay quắt trong tâm trở lại ám ảnh:

Ta đã làm gì cho đời ta?

Một câu hỏi thật là đáng sợ hãi. Không ngăn được cảm giác là hình như mình đã lãng phí cả cuộc đời. Tại sao lại như thế? Tại sao lại lãng phí? Câu hỏi ám ảnh và không có câu đáp ấy lẩn quẩn mãi trong đầu.

Điều lạ là câu hỏi ám ảnh này đặc biệt luôn trở về vào một buổi sáng tinh sương như sáng hôm nay, tôi thức giấc trong cảm giác se lạnh của một mùa thu đã len lén, nhẹ nhàng, trở về, không gây một sự khua động trong tâm thức. Niềm bất chợt của cơn se lạnh ập vào tâm thức, bất ngờ, đổ ập vào lúc thức giấc buổi sáng tinh mơ, trời còn tối mờ, trong căn phòng hoàn toàn im vắng. Tôi nằm yên trong cái lạnh se sắt, tê tái, như tâm hồn tôi đang tê tái. Mặc dù chăn đệm rất là ấm áp, nhưng cái lạnh vẫn tê tái toàn thân. ***À, mùa thu thực sự hiện diện.*** Mình đã không còn nhớ

thời gian trôi qua như thế nào. Trong những lăn lộn của cuộc sống thì ít mà trong những lăn lộn của niềm chiến đấu hướng thượng thì rất nhiều. Bởi vì thực sự, tôi có một cuộc sống thu hẹp, rút lui ra khỏi những hệ lụy tầm thường của con người với những buổi tiệc thâu đêm. Với những bạn bè khoe nhau niềm hãnh diện của một gia đình hạnh phúc, yêu thương, con cái thành đạt v.v... và v.v... Tôi không còn bị thu hút lôi cuốn bởi những thứ ấy mà cảm thấy hạnh phúc hơn trong những giây phút trầm tư riêng lẻ.

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu...[9]

Thế nên tôi thấy rất sợ hãi những giây phút bất chợt vào thu của thời gian bốn mùa. Mang lại cho tôi đồng thời tâm thức lạnh lẽo cô đơn của tâm hồn. Nhưng hỡi ôi, năm nào cũng thế, cho dù tôi có tìm đủ mọi cách nhận diện mùa thu, thế nào, rồi cũng có một hôm, tôi bị mùa thu len lén chui vào trong tâm tư, mang theo câu hỏi ám ảnh của đời tôi: *Ta đã làm gì cho đời ta?...*

Và trong những lần bị mùa thu bất chợt, lén chui vào tim ấy, có đôi lần tôi thoáng nghĩ đến câu Yên Chi Tỉnh:

---

[9] Thế sự thăng trầm anh đừng hỏi. Ngoài khơi khói sóng chiếc thuyền nan.

Ôi ! Mây trắng nước xanh xa nhau vời vợi...
Kiếp nhân sinh, cho dù sống đến ngàn tuổi
mà không gặp được người tri kỷ thì cuộc
sống quạnh hiu kia cũng bằng thừa...

Sáng hôm nay, tôi cũng rơi vào trong cảm giác ấy, dù tôi không chờ đợi.

Điều khác biệt của sáng nay với cảm giác mang niềm tâm sự tràn đầy nỗi se lạnh của mùa thu đó là có một người bạn rất trẻ, một người sư đệ trong đạo mà tôi rất thương mến, và có thể nói cũng là một bạn đạo tri kỷ, đến mời tôi đi cùng với em về thăm khu vườn Nhật Bản của thành phố.

Trong những ngày ghé qua đây tham dự chương trình pháp thoại của Thiền viện, chúng tôi đã hàn huyên và trao đổi nhiều tâm sự trong cuộc đời đi tìm về đạo của đấng Thiên Nhân Sư. Và tôi nghĩ rằng em sẽ rất vui khi tôi chia sẻ cảm giác vào thu này với em.

Chúng tôi đi thăm vườn Nhật Bản trước. Vườn Nhật Bản với hồ cá đầy những con cá chép kiểng Nhật Bản10 tung tăng bơi lội tranh nhau nhảy lên quẫy nước đớp những hạt đồ ăn của khách thập phương ghé thăm mua và ném xuống làm xao động mặt hồ... Và bên em, tôi nhận thức

[10] Cá chép kiểng Nhật Bản tên gọi là cá Koi. Ngồi bình thản ngắm cá Koi là một sự hành trì đầy thiền vị.

được niềm an vui khi em thấy đoàn cá nhảy lên đớp mồi như là “Lý Ngư Vượt Vũ Môn Hóa Long” rồi nghe em hoan hỷ thốt lên...

“Trời ơi, trời ơi ! coi kìa coi kìa...”

Niềm vui của em ngự tràn trên tâm thức se lạnh của mùa thu trong tôi... ban cho tôi một niềm vui vô biên khi thấy người bạn trẻ sung sướng an bình bên hồ cá kiểng...

Nhìn em, người sư đệ trong đạo, tôi nhớ lại đã từ mấy ngày nay, trong chuyến đi thăm thiền viện này, chúng tôi đã thức trắng đêm để bàn thảo tâm sự biết bao câu chuyện về đạo về đời...

Sau khi thăm vườn Nhật bản, em chở tôi trên chuyến xe về nhà. Tôi lại miên man rơi vào nỗi buồn se lạnh. Em cũng trầm ngâm trên xe. Chúng tôi xoay chuyển câu chuyện về những khổ đau của cuộc đời và đạo Phật. Những khổ đau mà đức Phật đã giảng giải qua giáo lý Tứ diệu đế và tóm gọn trong Bát khổ.[11] Trong đó điều khổ đau hiển nhiên nhất là Ái biệt ly và Oán tắng hội.

---

[11] Bát khổ bao gồm: 1. Sinh khổ 2. Lão khổ 3. Bệnh khổ 4. Tử khổ 5. Ái biệt ly khổ (Nỗi khổ phải xa lìa người thương) 6. Oán tắng hội khổ (nỗi khổ phải gặp gỡ kẻ mình không ưa thích) 7. Cầu bất đắc khổ (khi mong cầu một điều gì đó mà không toại ý) và 8. Ngũ ấm xí thạnh khổ (sắc, thọ, tưởng, hành, thức không hòa hợp trong thân tâm, làm ta phải chịu các loại phiền não và khổ đau).

Tôi tả lại cho em nghe những cảm giác của tôi vào những lúc chớm thu se lạnh như sáng nay cùng với câu hỏi quay quắt trong tâm thức *"Ta đã làm gì cho đời ta?"*

Người bạn trẻ mỉm cười nói với tôi:

"Anh biết không, có một thời gian em đã sống vô cùng thất chí và đã chọn mật mã để khoá các hồ sơ điện tử của em là "life sucks»[12]...

Câu nói của em làm tôi càng chìm đắm trong nỗi buồn se sắt[13]...

Chúng tôi im lặng một lúc lâu, không ai nói với nhau một lời nào.



... ...

[12] Tạm dịch *life sucks* là: đời khổ đau, đáng chán. Ở đây, tác giả xin giải thích thêm là thế hệ trẻ và Phật giáo tại hải ngoại thường bị ảnh hưởng văn hóa của Mỹ châu. Từ ngữ gốc Mỹ *sucks* bao gồm ý nghĩa là tệ hại, không tốt, giống như một đứa trẻ không bỏ được tật bú ngón tay cái, hoặc khi thổi kèn saxo mà tệ quá thì người Mỹ cũng nói là anh ta không biết thổi kèn mà chỉ ngậm kèn.

[13] Tôi âm thầm nhớ lại câu nói sau của ai đó: "*Life sucks and happiness eludes us, and what few moments of pleasure we get only show us how empty and meaningless the rest of our existance truly is*." Tạm dịch: "*Đời sống thật là chán ngán đầy khổ đau và niềm hạnh phúc thì luôn luôn vuột khỏi tầm tay. Cho dù chúng ta có được vài giây phút hạnh phúc phù du thì rút cục cũng chỉ chứng tỏ là sự hiện hữu tồn tại còn lại của chúng ta thực là trống rỗng và vô nghĩa lý.*" Đây là điểm khởi đầu của nhận thức về bản chất thực sự của cuộc đời, và sẽ giúp chúng ta hăng hái bắt đầu cuộc hành trình tìm về đạo.

Tôi thì miên man trong niềm thương cảm người bạn trẻ, đời sống ở Mỹ châu này không phải là dễ dàng gì. Và em, cũng như tôi, đã phải lăn lộn trong cuộc đời, mang trên mình đầy những thương tích của đời sống. Em rất trẻ hơn tôi nhiều mà cũng đã phải chịu những hoàn cảnh khó khăn, để chua xót nhận ra là *"life sucks"*.

Nhờ vậy mà đều cùng tìm kiếm về an trú trong niềm vui bình thản của đạo.

Sau khi lên thiền viện tham dự pháp thoại, chúng tôi lại ngồi gần nhau trong bữa cơm chiều.

Sau bữa cơm trong im lặng, em hỏi tôi trong sự tế nhị dè dặt:

"Em có nói gì làm cho anh buồn không?"

Tôi mỉm cười với em và trả lời:

"Đâu có, mà tại sao em hỏi thế?"

"Bởi vì thấy anh trầm ngâm suốt buổi"

"Là vì em nói chuyện xưa của em làm anh nghĩ lại cuộc đời ngày hôm nay. Hai chữ life sucks mà em nói ra sáng nay làm anh nghĩ thêm đến chữ **bite the dust**[14], để làm thành bài thơ con cóc nhỏ:

Life sucks
Bite the dust"

---

[14] *Bite the dust* nghĩa đen là nếm bụi đường. Ý nghĩa là thất bại, ngã gục.

Em nghe xong cũng phải mỉm cười...

Rồi tôi nói thêm với em về những cảm giác se lạnh của tâm hồn, của mùa thu len lén, của câu hỏi *"ta đã làm gì cho đời mình"* và sự liên hệ đến câu *life sucks, bite the dust...*

> "Có ai trong chúng ta mà không một lần trong đời không cảm nhận được những thất bại và đời khổ đau chán ngán? Ngay cả những người "thành công nhất trong đời" và cả "trong đạo hay trong chùa, được chư vị tôn sư yêu quý", đến một lúc nào đó cũng sẽ phải một mình đối diện cô đơn với tâm thức để nhận diện sự thất bại và chán ngán... Để rồi tự hỏi mình: "Tất cả những điều thế gian đó dẫn dắt mình đi về đâu?"

Bài học Khổ đế căn bản nhất của đấng Thế Tôn vẫn chưa nuốt trôi và tiêu hóa đâu nhỉ? Và có lẽ vì vậy mà đấng Thế tôn đã phải giảng thêm giáo lý về *Bát thế phong.*[15]

Em giải thích thêm là chuyện của em dùng mật mã "life sucks" để khóa các hồ sơ đã xảy ra từ lâu rồi và em đã ra khỏi giai đoạn của thời điểm đó. Bây

[15] Bát thế phong là tám ngọn gió thế gian thổi chúng sinh ngả nghiêng trên con đường đạo, bao gồm: 1. Lợi (lợi lộc), 2. Suy (hao tổn), 3. Hủy (bị chê bai chỉ trích), 4. Dự (được khen ngợi), 5. Xưng (được ca tụng), 6. Cơ (bị nói xấu), 7. Khổ (bị chướng duyên nghịch cảnh, khổ não), 8. Lạc (gặp được duyên tốt, thuận cảnh, vui vẻ).

giờ không còn thấy đời buồn mà em đã cảm nhận được niềm vui của đời sống. Kể từ khi em quay về nương tựa nơi Phật pháp và hành trì thiền định, em đã tìm được sự cân bằng nơi tâm hồn.

Tôi cũng kể lại cho em nghe, có một lần trong khi thiền định, tâm tôi thật an bình và khởi lên lời kinh thật mầu nhiệm của Lăng Già Tâm Ấn:

Thế gian lìa sanh diệt
Như hoa đốm hư không,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn
Xa lìa nơi tâm thức,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.
Xa lìa chấp đoạn thường
Thế gian hằng như mộng,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.

Ngồi an bình như thế... tâm khởi lên cảnh giới vô biên lìa xa mọi ý thức. Sau một lúc mà tôi cũng không biết là bao lâu thì tự nhiên thấy xúc động rất nhiều với hai dòng nước mắt chảy trên má. Từ lần đó tôi cảm nhận được sự bình an của tâm hồn, mọi thứ chung quanh và thế giới không còn tầm quan trọng nhiều đối với tôi. Tôi

thấy ra ý nghĩa của vô vi và tại sao đức Phật giảng vô nguyện, vô tác, cũng như mọi pháp, tự bản chất của chính nó, đều đã hoàn hảo. Và từ đó tôi có một đời sống thật là bình thản an vui trong sự mầu nhiệm của lý vô thường.

Câu chuyện *life sucks* của em làm chúng tôi bàn luận và suy nghĩ thêm rất nhiều về ý nghĩa của đời sống. Tất cả đều theo thời gian để đi về một sự hủy diệt cuối cùng, một hệ quả sau cùng tất nhiên phải đến. Tất cả mọi niềm vui thế gian đều dẫn về sự chia ly như chuyến đi thăm thiền viện hôm nay rồi cũng dẫn đến ngày ly biệt. Tất cả đều sẽ phải đưa về sự chấm dứt, mọi niềm vui rồi sẽ phải phai tàn.

"Đúng vậy, đâu có gì tồn tại mãi mãi với thời gian đâu. Nhưng em vẫn cảm thấy được là trong cái life sucks đó mình vẫn còn hưởng được những giây phút hạnh phúc, sung sướng của cuộc đời, thì mình cứ tạm vui với niềm vui nho nhỏ đó đi..."

"Để anh trả lời cho em bằng cách kể em nghe một câu chuyện ngụ ngôn Phật giáo mà có lẽ là em đã biết, nhưng cứ kể ra cho vui nhé..."

"Có một người đi trong rừng và bị một con cọp tấn công, rượt bắt tính vồ ăn thịt.

Ông ta chạy trối chết để thoát thân, đến bìa rừng thì gặp một vực thẳm và vấp vào tảng đá ngã xuống vực, nhưng nhanh tay chụp được vào một sợi dây rễ cây rừng, đánh đu treo tòng teng lơ lửng bên bờ vực thẳm.

Trên bờ ở bìa rừng thì con cọp đang nhe nanh múa vuốt đứng rình chỉ chực vồ ăn thịt.

Ông ta lơ lửng đánh đu, treo trên sợi dây rễ cây leo cạnh vách đá, mạng sống nguy hiểm không biết khi nào tiêu tan. Trên đầu dây thì có hai con chuột một đen một trắng đang gậm nhấm, ăn sợi dây rễ cây leo mà ông ta đánh đu, sợi dây bị gặm mòn chỉ còn mỏng manh có một nửa.

Trong cùng lúc đó ông nhìn lên phía trên đầu mình và thấy một tổ ong, từ đó nhỏ xuống những giọt mật ong rơi lên trên đầu. Ông ta bèn lè lưỡi ra hứng những giọt mật ong và suýt xoa khen ngon ngọt... quên hẳn những nguy hiểm đang rình chực trên sinh mạng của mình.”

Em cười phá lên và vui vẻ nói mạng sống của ông ta như chỉ mành treo chuông.

“Đúng vậy, con cọp thí dụ cho tử thần chỉ rình chờ để cướp đi mạng sống. Hai con chuột đen trắng thí dụ cho ngày và đêm, đang gậm

nhấm thời gian trên mạng sống của ông ta, mỗi lúc lại đến gần hơn với sự chết. Nhưng niềm hạnh phúc phù du của giọt mật, tượng trưng cho khoái lạc của đời sống thì ông ta vẫn không thể nào bỏ qua và khoan khoái hưởng thụ quên cả hiểm nguy đang rình chờ, hít hà khen ngon."

Em mỉm cười, em có một nụ cười thật là tươi đẹp, có lẽ tâm hồn em bây giờ cũng an bình tươi đẹp như nụ cười của em. Cuộc đời và khổ đau đã làm cho em trưởng thành ngay trong một xã hội có đầy dẫy những vấn đề an sinh và tội phạm.

Rồi em chép miệng than một cách rất bâng quơ:

"Vậy thì bây giờ mình tính sao đây, khi mà đời sống đã mãi là khổ đau chán ngán (nghĩa là *life always sucks*)."

Tôi cười phá lên và nói:

"Thì còn biết làm sao, nỗi buồn thì như là không bao giờ dứt, trong khi niềm vui thì thật phù du ngắn ngủi và mau tàn... Như là lần về tham dự pháp hội này đã qua đi thật nhanh chóng, ngày mai là anh sẽ phải sửa soạn ra phi trường để đi về."

Em lại cười và nói:

"Nhưng anh có thấy những ngày vừa qua chúng ta đã sống thật là đẹp, sống trong tình thương

yêu của Pháp hội và pháp thoại thuấm nhuần trong tinh thần từ bi hỷ xả. ***An bình khởi ra ngay từ trong đời sống thế gian khi mà mình phát nguyện được tình thương vô nguyện, vô cầu, không chút tính toán giữa những con người và con người***..."

"Phải rồi em, tất cả những ngày pháp hội trôi qua thật là đẹp, một kỷ niệm đẹp sẽ không phai nhạt trong lòng, cũng như là kỷ niệm của ngày hôm qua đi thăm vườn Nhật Bản thật là đầy thiền vị..."

*"**Thời gian, ôi, thời gian luôn trôi đi không bao giờ ngừng lại và mang theo đi tất cả những kỷ niệm cho dù đẹp nhất.**"*

Hôm sau, em chở tôi ra phi trường để tôi bay về nhà. Chúng tôi từ giã nhau, chia tay trong niềm bịn rịn của tình đạo hữu và ánh sáng đạo của những ngày nghe pháp thoại. Trước khi ra về tôi chép tay tặng em bài thơ *Vô Thường* mà tôi đã làm trong một lần lãng đãng khởi hứng nào đó trong quá khứ.



Vô thường

Này em ơi
Trong đời sống,

Có khi nào mà lại không buồn...
Có khi nào mà lại không vui...

Này em...
Từng ngày qua,
Thời gian và dĩ vãng,

Những kỷ niệm, cho dù đẹp nhất
Rồi cũng mất mát, phai tàn...

(Mà dòng đời vẫn bình thản trôi đi.)

Bèo giạt...
Bến sông
Sầu lãng đãng

Tịch dương...
Hoang vắng
Nắng chiều hôm.

Liêu lang[16]
Hành dị[17]
Sầu tiễn biệt

---

[16] Phiêu lãng (Gan Lan Shu)
[17] Tri nan hành dị (thuyết của Tôn Trung Sơn)

Bồ đào
Hồng tửu
Túy mộng nhân.

Bụi trần
Phất qua
Ngày rất lạ.

Chợt hát
Nhân gian
Thoáng vô thường.

●●●



NHƯ CÁNH CHIM DI

Phần I – Vân Hạc[18]

Qua một đêm mưa rả rích, buổi sáng thức dậy nhìn ra biển qua khung cửa kính từ ban công khách sạn vẫn thấy một màu ảm đạm dù mưa đã tạnh hẳn. Không thể bỏ ý định đi dạo trên bãi biển vì chiều nay tôi sẽ phải trở về thành phố mặt trời của mình, sa mạc và núi non**...** Là một người thích biển, tôi thích biển lắm vì ngày xưa tôi yêu Phượng và Phượng sống ở vùng biển. Những gì thuộc về Phượng về biển hầu như đều

[18] Viết bởi nhà thơ Vân Hạc.

ăn sâu bám chặt vào từng góc cạnh ký ức của tôi. Có biển là có Phượng, biển luôn mang hình ảnh Phượng của ngày xưa trở về cùng tôi, trong sáng hòa lẫn chút gì đó rất dịu dàng, tế nhị. Ý tưởng bắt đầu lan man, tôi nén tiếng thở dài xua đuổi dòng nghĩ ngợi. Như cố tình câu giờ mong thời gian đi chậm lại để còn chờ ông mặt trời xuất hiện, tôi pha ly café và ngồi xuống chiếc ghế ở góc phòng nhâm nhi nhưng rồi vẫn cảm thấy sốt ruột, đồng hồ trên chiếc máy điện thoại đã đổi sang con số tám, vậy là tôi quyết định xuống biển...

Bãi biển vắng vẻ, gió lành lạnh, từng con sóng vỗ vào bờ và bầy hải âu vẫn bay lên sà xuống đậu đầy trên bãi cát. Bầu trời âm u, dày sương mù nên tôi chỉ thấy một màu xám từ xa, tôi chậm rãi hướng về phía cây cầu nơi mà mọi người thường lên đó để câu cá. Một cô gái với mái tóc được trùm kín trong chiếc khăn màu tím nhạt quay lưng về phía tôi, hình như cô đang dùng vỏ ốc để vẽ trên cát. Tôi dừng lại và ngạc nhiên... những dòng chữ bằng tiếng mẹ đẻ của tôi đang hiện trước mắt. Bước chân của tôi làm bầy hải âu vỗ cánh tạo nên tiếng động. Cô gái ngoảnh mặt lại kèm theo cái nhíu mày và rồi trố mắt khi nhận ra tôi là một người Á Đông.

"Cô là người Việt... tôi chắc vậy!"

"Thì ra ông đã đọc lén những dòng chữ của tôi."

Cô bẽn lẽn trả lời rồi đứng dậy đưa hai bàn chân mình dẫm lên những con chữ hầu muốn giấu đi những gì cô viết.

"Oh... xin lỗi cô... tôi không cố ý tò mò... sự có mặt của cô trên bãi biển vắng một buổi sáng như thế này đã tác động đến tầm nhìn của tôi..."

Vừa nói tôi vừa cười xã giao, mong sao cô gái đừng nổi cơn thịnh nộ.

Cô gái im lặng nhìn xa vắng ra biển rồi ném tung cái vỏ ốc trong tay xuống nước. Tôi cảm thấy mình trở nên thừa thải vô duyên nên dợm chân bước đi.

"Này ông... ông định đi đâu đấy?"

"Cô gọi tôi?"

"Vâng... nếu ông còn thích đọc tiếp những gì tôi viết." Cô gái dí dỏm cầu hòa.

"Nếu cô cho phép, nhưng cô phải viết nhanh nhanh lên không thôi tôi bị trễ chuyến bay!" Tôi pha trò.

"Ông không ở đây?"

"Không... tôi đến đây để thăm người bạn, một vị ân nhân thì có lẽ đúng hơn!"

Cô gái tròn xoe đôi mắt:

"Một vị ân nhân?"

Tôi gật gù lặp lại:

"Đúng là một vị ân nhân!

....

John là ông xếp cũ của tôi. Khi tôi bắt đầu cuộc sống mới trên đất Mỹ gặp nhiều khó khăn thì ông là người chịu nhận tôi vào làm tạm thời ở công ty, lúc đó ông đã là giám đốc coi về nhân sự. Ban ngày đi học ban đêm đi làm, sau 4 năm miệt mài chăm chỉ tôi ra trường với bằng kỹ sư và chính thức trở thành nhân viên của công ty. Ông John tỏ ra quý mến tôi, luôn miệng khen ngợi người Việt Nam chịu khó. Càng ngày tôi càng được công ty tín nhiệm vì khả năng làm việc và ông không những trở thành một người bạn mà còn là một người thân tình, xem tôi như một thành viên trong gia đình ông. Bây giờ ông đã về hưu còn tôi thì đổi sang công ty khác nhưng chúng tôi vẫn liên lạc thường xuyên và vẫn đến thăm nhau mỗi khi có dịp. Tôi nhận được email của John sau ngày lễ Tạ Ơn cho biết ông và vợ sẽ trải

qua những ngày nghỉ đông mùa Giáng Sinh cùng con trai ở Jacksonville. Và cũng nhân dịp này con trai lớn của ông có buổi trình diễn nhạc nên ông bà sẽ ở chơi đến giữa tháng giêng mới trở lại Salt Lake city... Tôi bỗng có ý định đem đến một ngạc nhiên cho John và gia đình ông. Tôi không hồi đáp email và sửa soạn cho một chuyến viếng thăm Jacksonville của mình."

....

"Vậy là ông đã có những ngày vui ở thành phố biển này..." Cô gái tiếp lời.

"Cô ở đây lâu chưa?"

"Vừa được 6 tháng..." Giọng cô gái như mang một nỗi niềm.

Lúc này tôi mới nhìn rõ được cô ta. Chiếc khăn màu tím buộc quanh đầu làm lộ ra khuôn mặt tròn và sáng, đuôi mắt hơi xếch lên, đôi môi tái nhạt nhưng trông xinh xinh. Chợt nhớ mấy câu thơ tôi đọc trên bãi cát, không lẽ là thơ của nàng?

"Cô viết tiếp cho tôi đọc đi chứ!"

"Đùa với ông cho vui thôi chứ tôi chẳng còn chữ để viết... 6 tháng nay tôi viết mỗi ngày và

biển đã mang đi hết... tất cả đã nằm yên vào lòng biển."

"Tại sao cô lại làm như thế?" Tôi buột miệng và cảm thấy mình lỡ lời.

"Tôi muốn sống thật với chính mình nhưng không được nên bắt buộc phải đành vậy, ít ra cũng giải tỏa được phần nào cho đời sống nội tâm của tôi." Cô gái cười buồn.

"Không lẽ cô sống không thật?"

"Đối với tôi, khi lẽ sống không còn thì mọi thứ trên cuộc đời đều trở thành vô nghĩa."

"Cô bi quan à?"

"Không. Có lẽ tôi tự mình đánh mất niềm tin." Vừa nói cô vừa kéo chiếc khăn trên đầu xuống. Tôi ngẩn người khi nhìn thấy cô không còn tóc, tôi chợt hiểu ra...

....

"Chúng tôi quen nhau trong trường hợp rất ngẫu nhiên, vào dịp có cùng «conference» ở Washington-DC, André đến làm quen với tôi vì vợ trước của anh là người Miến Điện nên anh bảo rằng cảm thấy gần gũi hơn với người

Á Châu. Mae đã qua đời do một tai nạn giao thông ở Bangkok trong chuyến công tác bên đó, để lại cho anh một đứa con gái vừa được 3 tuổi. Sau một thời gian tìm hiểu, năm ngoái André đã ngỏ lời hỏi cưới tôi, anh vui sướng khi đeo chiếc nhẫn đính hôn vào ngón tay áp út của tôi. Bé Zana, con của anh sà vào lòng và gọi tiếng "mẹ" đầu tiên dành cho tôi, tôi ôm hôn bé cảm động, mãn nguyện với niềm hạnh phúc mà ơn trên đã ban phát cho mình. Tưởng rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp, vậy mà chỉ vài tháng sau tôi phát hiện ra những vết máu bầm trên cơ thể mình và cảm thấy mệt mỏi, thường xuyên chóng mặt choáng váng. Tôi đến gặp bác sĩ gia đình để xem tình hình sức khỏe và sau hai lần thử nghiệm máu, bác sĩ đã cho biết thật sự về căn bệnh. Lúc đầu tôi tự tin lắm, lạc quan nữa vì tôi nghĩ rằng mình sẽ qua khỏi. Tôi niệm Bạch Y Thần Chú mỗi ngày để vững lòng tin. Nhưng rồi bây giờ tôi chuyển về thành phố này và trốn tránh André... tôi không muốn anh ấy nhìn thấy tôi như lúc này..."

Phần II – Chiêu Hoàng[19]

"Tôi thực là một kẻ chạy trốn. Chạy trốn chính mình trong căn bệnh ngặt nghèo. Hốt nhiên, tôi có cảm giác mình như bị hụt hẫng, như người mất điểm tựa, hoàn toàn mất hẳn niềm tin, tâm hồn hoang mang khi thì trống rỗng, khi lại sợ hãi, đôi khi lại có cảm giác như một người đang rơi xuống một hố thẳm sâu không đáy... Điểm tựa mong manh cuối cùng là câu chú của Ngài Quán Thế Âm, tôi cố gắng niệm, nhưng tâm dao động quá, niệm một chút thì vọng niệm lại nổi lên, xôn xao như sóng vỡ bờ...

Ngày tôi rời thành phố trong đó có André và bé Zana. Tim tôi muốn vỡ ra từng mảnh. Tôi hiểu André sẽ đau khổ và bé Zana rất hoang mang vì cả hai sẽ thêm một lần thất vọng. Nhưng tôi làm được gì bây giờ nếu tôi ở lại? Tôi thực không muốn mình là một gánh nặng cho André, thứ nữa, tôi không thể chịu đựng được ánh mắt đau khổ của anh ấy."

Sáng hôm sau, chàng ra biển sớm. Hy vọng mong manh sẽ gặp lại được cô bé đang viết những tâm niệm gửi ra biển khơi. Chàng đi lang thang, phóng tầm mắt tới cuối tầm nhìn. Biển rất

[19] Viết bởi nhà văn Chiêu Hoàng.

vắng, chỉ có tiếng sóng ầm ầm đập vào ghềnh đá. Chàng đứng xoay mặt ra biển. Mặt biển rộng mênh mang, sóng nhấp nhô chẳng bao giờ ngưng nghỉ, nhưng nếu phóng tầm mắt xa hơn nữa sẽ thấy mặt biển thật yên bình, xanh ngắt...

Chàng thong thả ngồi xuống điều hoà hơi thở và bắt đầu khởi lên trong tâm chủng tử *Hri* thẳng đứng nằm trên một đĩa trăng. Trên đỉnh đầu, chàng mời thỉnh ngài Quán Âm về ngự trị, rồi qua thất chi nguyện, sau đó chàng đi sâu vào thiền định với câu chú của Ngài...

Câu chú tạo thành một chuỗi âm thanh trên môi chàng mấp máy, rất nhỏ, nhưng lại tỏa rộng cùng khắp trên mặt biển. Âm thanh như chắp cánh đi sâu vào không gian thênh thang, toả rộng khắp đất trời... Đồng thời, ánh sáng từ tim Ngài Quán Thế Âm dìu dịu lan dần khắp châu thân, ánh sáng lóng lánh như trộn lẫn với những giọt nước cam lồ rửa sạnh những nỗi khổ đau của chính chàng, của Phượng, của những người thân, xa hơn nữa, chàng nghĩ đến cô bé quàng khăn tím với giải lụa bay bay trong gió biển, đến André, Zana và những người chàng chưa từng bao giờ quen biết...

Chẳng biết chàng ngồi như thế trong bao lâu thì bỗng có giọng một người con gái gọi chàng trở

về. Giọng nói khe khẽ, reo lên, như một người tình cờ vừa nhặt được một niềm vui nhỏ:

"A! Hóa ra ông vẫn còn ở đây!"

Rất tự nhiên, cô ngồi xuống bên cạnh, tò mò nhìn chàng:

"Ông cũng có tâm sự muốn gửi cho biển hả?"

Chàng từ từ xả thiền. Đó chính là cô bé hôm qua chàng đã gặp. Hôm nay, khuôn mặt cô có vẻ tươi tỉnh hơn một chút, ánh lên sự lung linh.

Cô tâm sự:

"Hôm nay, em không muốn gửi những bài thơ cho biển giữ nữa..."

Chàng nhìn cô với một tâm thức còn rất thanh tịnh của một hành giả mới vừa trở ra trong cơn thiền định và đôi mắt đầy từ mẫn:

"Thế em ra biển làm gì?"

Cô chẳng trả lời. Nghiêng mặt, ngẫm nghĩ rồi hỏi lại:

"Nhưng tại sao ông vẫn còn ở đây? Chẳng phải ông đã ra phi trường cho kịp chuyến bay hôm qua sao?"

"Không. Đến phút chót còn một chuyện để làm nên tôi quyết định ở lại"

Cô ngước nhìn chàng với đôi mắt ngây thơ, hỏi lại:

"Chuyện gì mà có vẻ quan trọng thế?"

Chàng trả lời một cách mập mờ:

"Ờ. Chuyện thiên hạ ấy mà. Nhưng chuyện thiên hạ cũng là chuyện... của tôi..."

Với giọng trầm trầm, chàng tâm sự:

"Tôi rất thích biển. Ở biển mang một điều gì vừa huyền diệu, vừa kỳ bí. Trong những trang kinh của chư Phật, biển được ví như Tâm. Cái tâm mênh mang không bờ bến, có thể biến hóa ra những mê đồ ảo phố, cũng có thể tĩnh lặng như một mặt hồ nước trong. Em nhìn kìa. Phía xa tít cuối chân mây, mặt biển thật yên tĩnh, không có những gợn sóng xôn xao nào cả, trái hẳn với phần biển gần bờ đầy những sóng. Sóng. Tôi ví chúng như những vọng niệm rất thô kệch nổi trên bề mặt của Tâm. Còn ngoài kia, xa tít. Tuy có vẻ bình yên nhưng cũng vẫn có những đợt sóng ngầm tựa như những phiền não vi tế. Khi một hành giả dứt được hết những vọng tưởng vi tế thì biển tâm ấy trở thành một biển quang minh chói lòa, tĩnh lặng với niềm đại hỷ lạc trong ánh tịnh quang, lúc đó không còn bệnh tật và bóng dáng khổ đau nào nữa. (quay qua, mỉm

cười...) Nhưng đó chỉ là những ý niệm khởi lên trong lúc thiền quán thôi. Chắc em không cười thầm tôi đấy chứ?"

Cô bé ngước lên nhìn chàng, trả lời nghiêm trang. Giọng nhẹ như hơi thở:

"Không ông ạ. Những gì ông nói làm em cảm thấy rất hay và thật xúc động, mặc dù chẳng biết hay ở điểm nào, chỉ mơ hồ cảm thấy thế thôi, và cũng chẳng hiểu tại sao lại bị xúc động đến thế. (Mỉm cười một cách hóm hỉnh) Em còn trộm nghĩ rằng, có lẽ, những gì ông vừa nói lại còn hay hơn... nỗi buồn của em đang giấu kín nữa đấy!"

Phải mất nhiều ngày qua những câu chuyện ngắn chàng mới có thể chắp nối và hiểu được lờ mờ về cô bé. Dĩ nhiên, chàng cũng không tò mò muốn hỏi, vì sự tôn trọng, cũng vì sợ động đến vết thương còn quá mới trong tim cô. Hơn thế nữa, chàng còn biết cô đang điều trị về một cơn bệnh ngặt nghèo, khó chữa.

"Ngày mai em phải vào nhà thương chạy điện. Những lần chạy điện xong thường có những phản ứng phụ. Em sẽ rất mệt nên không ra biển được đâu."

Chàng xót xa nhìn cô bé, ân cần như nói với người bạn nhỏ:

"Tôi có thể làm giúp gì được cho em không?"

"Không cần đâu. Em vẫn thường cầu nguyện Ngài Quán Thế Âm vào mỗi tối. Nếu được, xin ông hãy cầu nguyện và hồi hướng cho em..."

Đó cũng chính là lý do làm chàng ở lại, thiền định, quán tưởng, khởi tâm từ cầu xin ngài Quán Thế Âm chữa lành bệnh cho cô.

Cả hai yên lặng cùng nhìn ra biển. Một lúc. Chàng nghe tiếng cô bé hát khẽ. Đó là một khúc hát mà chàng rất ưa thích. Bài hát chấm dứt, cô lại chuyển qua một bài khác, lần này là một khúc nhạc ngoại quốc, cũng là bài mà chàng có rất nhiều kỷ niệm với Phượng năm nào. Chàng nghiêng mặt nhìn cô, những lời thơ phổ nhạc làm sự cảm động dâng từ từ lên khoé mắt long lanh như sẵn sàng rơi xuống một giọt lệ...

Chẳng ai nói thêm lời nào. Dường như cả hai cùng một tâm trạng, cùng mang những nỗi cô đơn lạc loài như những chú chim di...

Phần III – Không Quán[20]

Nhưng đột nhiên cô bé cất tiếng trong trẻo lên, nghiêng nhìn giọt lệ trên má chàng và hỏi: "Tại sao ông lại khóc? Em có nói điều gì làm ông buồn không? (ngập ngừng) Hay là... chuyện của em làm ông không vui?"

Trước sự hồn nhiên ngây thơ của cô bé, khuôn mặt nghiêng nhìn như một giọt sương mai đọng long lanh trên đóa hoa hồng mới nở trong đêm qua, chàng yên lặng không trả lời và lại đắm vào trong chú nguyện. Tâm chàng quay trở về những hành trì quen thuộc và mạnh mẽ hơn bao giờ, như chưa bao giờ chàng có thể hành trì được như vậy, từ nơi tâm thức thanh tịnh ấy khởi lên tất cả tình thương hướng về đối tượng duy nhất đang ngồi bên cạnh. Rồi chàng quán tưởng ngay nơi tim của mình từ từ khởi lên một đóa hoa sen ngàn cánh, muôn màu sắc sáng ngời. Các tia sáng tỏa tràn đầy mọi phương, nơi trung tâm đóa sen lại khởi nên chủng tự ***Hri*** cũng tỏa ánh sáng chói ngời tràn đầy mọi phương. Bao quanh chủng tự ***Hri*** đó là câu chú lục tự ***Om Mani Padme Hum***[21] mà chàng vẫn thường quen trì

[20] Viết bởi Không Quán.

[21] Chú lục tự Quán Âm: "Án Ma Ni Bát Mê Hồng".

tụng. Từ câu chú phát ánh sáng muôn màu thật đẹp, quay theo chiều kim đồng hồ. Và chàng khởi lên trong tâm lòng từ bi vô hạn, hướng tất cả những tình thương đó về cô bé, với toàn bộ sức chú tâm mà trong bao nhiêu lần hành trì trước, chàng chưa bao giờ có thể làm được.

Kỳ diệu thay, đột nhiên chàng thấy những ánh sáng muôn màu đó tụ lại nơi tim cô bé, và rồi cũng chính từ tim cô bé, bây giờ ánh sáng muôn màu lại tỏa ra sáng ngời... Và ô kìa... trên đảnh đầu cô bé hiện ra Ngài Quán Thế Âm, xiêm y toàn trắng bay phất phới trong gió biển, Ngài đứng mỉm cười, nụ cười rất từ bi nhìn chàng, tay cầm bình tịnh thủy với nhành dương liễu và rót xuống đảnh đầu cô một dòng nước cực kỳ tinh khiết, nhưng lại không phải giống như nước suối thường uống. Dòng nước cực kỳ tinh khiết ấy giống như ánh sáng mặt trời, cấu tạo bởi những nguyên tử ánh sáng, những vi trần, làm thành dòng tịnh thủy chảy qua đảnh đầu tràn ngập vào thân cô.

Chàng kinh ngạc và ngồi lặng nhìn cảnh tượng kỳ diệu đó, các ánh sáng muôn màu vẫn tiếp tục tỏa rạng, và dòng nước tịnh thuỷ lung linh, rực rỡ cấu tạo từ những vi trần, những nguyên tử đầy màu sắc, tiếp tục tuôn chảy rót đầy thân cô...

Cảnh tượng ấy thu hút toàn bộ tâm thức kinh ngạc của chàng, điều lạ lùng kỳ diệu chưa bao giờ xảy ra... Chàng không còn chú tâm vào chủng tử ***Hri*** trong tim mình... Và hình ảnh đức Quán Thế Âm vẫn mỉm cười từ bi nhìn chàng, nhưng từ từ nhạt dần và tan vào trong hư không trên đầu cô bé...

Sự xúc động của lòng bi mẫn dâng tràn lên đôi mắt, chảy thành những giọt nước mắt tuôn rơi trên đôi má của chàng... long lanh long lanh...

Một lúc sau khi chàng hoàn toàn trở về thực tại, thì... Ô hay! trên khuôn mặt xinh xinh như đóa hoa hồng cũng có những giọt lệ long lanh như sương sớm...

Chàng mỉm cười - nụ cười đầy bi mẫn giống hệt như nụ cười của ngài Quán Âm - nhìn cô yên lặng, không gian chung quanh như vẫn còn rơi rớt lại những ánh sáng lung linh...

Giọng đầy xúc động, nàng nói với chàng, với giọt lệ rơi đầy trên má:

> "Ông ơi, sao kỳ lạ quá, hơn một giờ trải qua với ông, ngồi yên chẳng nói gì, mà em thấy lòng phơi phới, tâm mình an tịnh một cách kỳ diệu. Dường như mọi ưu phiền đều được rửa sạnh bởi một sức mạnh thần diệu nào đó rót vào trái

tim của em… Mà lạ lắm cơ, có lúc em thấy ông như là Phật Bà Quán Thế Âm nhìn em...”

Chàng nhìn cô, với đôi mắt của một tâm thức thuần khiết, thong thả hỏi:

“Vậy... sao em cũng khóc kìa?”

Cô bé bẽn lẽn trả lời:

“Chẳng hiểu tại sao khi nhận luồng sức mạnh ấm áp chảy vào trong tim, thì em chợt thấy tất cả những đau khổ của mình trở thành vô nghĩa, nhỏ nhoi, trước những đau khổ của không biết bao nhiêu người trên thế giới... cho nên em cũng khóc...”

Chàng mỉm cười nhìn cô bé thật sâu vào trong đôi mắt diễm lệ, càng đẹp hơn bội phần với những giọt long lanh chảy trên đôi má hồng hồng, đôi chút rám nắng của gió biển và ánh mặt trời, đã gần trưa rồi...

Cô nhìn chàng sung sướng... và hỏi chàng:

“Sao tự nhiên em thấy dường như mình vừa được hồi sinh và thèm ăn cái gì quá. Ông có đói không? Em mời ông đi ăn trưa nhé?”

Chàng yên lặng gật đầu nhè nhẹ. Tâm thức chàng vẫn còn bồng bềnh trong vùng ánh tịnh

quang mà chàng vừa thực chứng. Chính chàng cũng cảm thấy mình như một con tằm vừa thoát ra được cái kén xấu xí của mình để biến thành một loài bướm quý, đang giang hai cánh bay lượn trong bầu không gian thênh thang trước mặt. Một niềm đại hỷ lạc mà ngôn ngữ không thể tỏ bày...

Hai người đi tản bộ sang phía bên kia đường, nơi có hàng cây râm mát tỏa rạng bên lề đường. Hai người từ từ chậm bước trên vỉa hè của con đường. Mùi thơm của bao nhiêu là các loài hoa nở rộ, tỏa đầy ven theo các nhà ở hai bên đường... Hình như tâm thức của họ vẫn còn vương vấn và hòa chung trong ánh sáng kỳ diệu ấy... Họ vẫn còn trong âm hưởng của niềm ngất ngây an lạc trong lúc ngồi bên nhau và sự kỳ diệu của luồng ánh sáng thuần tịnh, nên mọi động tác của họ đều nhẹ nhàng như tơ trời, những phiền não đều dứt bặt...

Mười phút tản bộ qua nhanh vô cùng dù hai người đi rất là khoan thai... Bên kia đường, có một quán ăn. Nàng nhìn chàng và cả hai bước vào quán ăn. Thì ra đó là một quán ăn Tàu nhỏ và xinh xắn. Bước vào trong chàng mới thấy quán ăn có một phong cách trần thiết thật nhã

nhặn bằng những vỏ sò, ốc xoắn, muôn màu sắc thật đẹp. Cả hai chọn một góc nhỏ, ngồi bên cửa sổ. Có lẽ chủ quán đã bỏ công đi sưu tầm trên mặt biển, hoặc mua lại của những người đi nhặt vỏ sò trên mặt biển. Nhìn màu sắc vòng xoắn của các vỏ sò, chàng liên tưởng ngay đến những hình ảnh Mạn-đà-la bằng cát màu rực rỡ, mang nhiều hình vòng tròn đồng tâm mà chư tăng thường hay kiến tạo và triển lãm nơi khu chàng đang tạm trú. *«Om m m m...»*, chàng lại nhớ đến những lần chư tăng cùng hòa giọng trầm trầm, ngân nga chủng tự Om, khi làm lễ khai mạc Mạn-đà-la, vang vọng trong tâm thức của chàng những âm sắc giao hưởng mạnh mẽ.

Tiếng nàng nhỏ nhẹ, kéo chàng trở về thực tại:

> "Ông ơi mình gọi hai món ăn chay nhé, không biết tại sao mà cái bụng đói của em lại thích mấy món rau áp chảo. Hình như tiệm này chuyên làm áp chảo bằng chảo lòng sâu gọi là *wok*, rất thơm và ngon."

Chàng gật đầu mỉm cười, hình ảnh đức Quán Thế Âm vẫn còn tác động mạnh mẽ trên tâm thức của cả hai người, và cả hai đều tâm ý tương thông. Kinh nghiệm của sáng nay đều làm cho hai người muốn ăn chay. Bàn ăn bên cửa sổ, nơi

đây có thể phóng tầm mắt hướng về mặt biển thật là đẹp. Bên ngoài ánh sáng mặt trời rực rỡ chiếu lên trên các ghềnh đá, trên bờ cát trắng mịn và phản chiếu ánh nắng trên mặt biển, tựa như những giải lụa vàng phất phơ nhảy múa thành một điệu ca kỳ diệu...

Sau bữa ăn trưa thật ngon của món áp chảo, họ đi ngược lại phía bờ biển trở về nơi đậu xe. Trên đường đi nàng ngập ngừng nói:

> “Thật kỳ diệu ông ạ! Em cảm thấy rõ ràng sau bữa ăn, tất cả những sức lực của em tăng lên phơi phới, dường như ông đã mang lại cho em một niềm vui cực kỳ mạnh mẽ, nhất là khi em quán thấy những nỗi khổ của muôn vạn con người đầy dẫy trên cõi đời, em thấy mình không còn khổ, mà lại phát lòng thương đến những con người còn khổ hơn em vô cùng... Rồi em nguyện: đàng nào em cũng bệnh nặng và khổ quá rồi, có khổ hơn cũng không sao, và em hít một hơi dài sâu thẳm vào lòng, xin lãnh nhận tất cả những khổ đau của các chúng sinh đó vào trong thân mình. Ngay lúc đó, em thấy ông biến thành đức Quán Thế Âm, điều này em có nói hồi sáng cho ông nghe rồi.”

Chàng nhìn cô bé rất sâu trong đôi mắt xinh đẹp và trả lời:

> "Xin thú thực với cô, tôi cũng nhìn thấy đức Quán Thế Âm thị hiện trên đảnh đầu của cô rót xuống một dòng nước cấu tạo bằng những nguyên tử của các ánh sáng muôn màu, nhưng nói ra sợ cô bảo tôi khùng cho nên vẫn im lặng."

Cô bé há to miệng ngạc nhiên đến sững người nhìn chàng... Hóa ra là cả hai đều cùng thấy...

Cô bé lắp bắp:

> "Vậy hóa ra là ông đã thỉnh đức Quán Thế Âm thị hiện..."

Chàng giơ tay ngăn lại và cất giọng trầm ấm nói tiếp:

> "Nhưng cô ơi, đừng nghĩ là tôi đã làm được chuyện đó... Thật ra, tôi có một vị Thầy giáo hóa tôi rất nhiều. Và Ngài đã giảng cho tôi một pháp môn hành trì rất cao, có công năng chuyển hóa tâm và chữa bệnh... gọi là *Cho và Nhận.*[22] Tôi vốn kém cỏi tu mãi mà không

[22] Tonglen là pháp môn chuyển hóa tâm Cho và Nhận của Mật tông Tây Tạng. Đó là phép hoán chuyển giữa ta và người. Sự hoán chuyển này không có nghĩa là mình trở thành người kia hay ngược lại, mà là hoán

xong, nhưng ngày hôm nay vì chuyện của cô mà đưa đẩy tôi vào hành trì pháp môn đó ngay trong lúc quán đức Quán Thế Âm, và nhớ lại chuyện của cô kể hôm nào, bị bệnh ngặt nghèo. Khi thiền quán tôi đã thấy đức Quán Thế Âm thị hiện trên đảnh đầu của cô mỉm cười nhìn tôi từ bi và ngay lúc đó tôi khởi tâm xin lãnh nhận tất cả mọi khổ đau bệnh tật của cô, rồi từ đó phát tâm xin nhận lãnh khổ đau của toàn thế gian... Ngay khi đó, Ngài tưới trên đảnh đầu cô dòng nước ánh sáng các vi trần, nguyên tử muôn màu..."

Cô bé càng ngạc nhiên cùng cực... đôi môi xinh xắn hé mở không thốt nên lời nào...

Chàng nói tiếp:

"Tôi mới là người phải cám ơn cô, vì cô đã dạy cho tôi thực hành thành công lần đầu tiên pháp môn *Cho và Nhận*. Cô chính là vị thầy sống động nhất mà trong đời tôi gặp. Trong từ ngữ của đạo, cô chính là vị thiện tri thức, nghĩa là vị thầy giỏi nhất của tôi đó..."

---

chuyển khi thở vào thì quán tưởng nhận vào mình mọi khổ đau của chúng sinh và khi thở ra thì quán tưởng chuyển sang mọi chúng sinh những hạnh phúc của mình.

Chàng tỏ vẻ buồn buồn nói tiếp:

"Nhưng chúng ta sẽ phải chia tay nhau ở đây. Tôi bắt buộc phải trở về, máy bay sẽ cất cánh chiều nay..."

Cô bé kêu lên:

"Nhưng mình còn chưa biết tên của nhau nữa!"

Chàng lại xua tay ngăn lại:

"Xin cô cứ gọi tôi là *ông khùng* được rồi, còn tôi thì sẽ vẫn gọi cô là cô bé... Đây là địa chỉ của tôi, nếu rảnh cô cứ viết cho tôi vài lời... Nếu duyên của chúng ta còn, thì chúng ta sẽ gặp lại nhau thôi."

Hai người chia tay nhau...

Trời đã về chiều, mặt trời đã bắt đầu lặn và cảnh hoàng hôn trên biển đẹp vô cùng...

Bẵng đi cho đến cả bốn tháng sau, nàng gửi đi bức thư cho chàng, về địa chỉ *ông khùng*, vui mừng báo cho chàng biết là nàng đã khỏi bệnh một cách thần diệu. André và con nàng thật mừng rỡ, gia đình lại đầy ắp tiếng cười nói vui vẻ sinh động trở lại, đầy yêu thương hạnh phúc... *Cánh chim di đã tìm lại tổ ấm của mình*... Và nàng viết lá thư để báo tin mừng cho chàng biết, cũng để cám ơn chàng đã giúp nàng khỏi bệnh một cách thần diệu. Và kể từ khi trở về, nàng vẫn thực hành pháp môn *"Cho và Nhận"*, không ngớt cầu nguyện xin thọ lãnh tất cả mọi khổ đau của thế gian này...

Lá thư gửi đi, nàng thấp thỏm chờ đợi thư hồi âm... mà không có.

Khoảng một tháng sau đó, nhân một ngày đẹp trời, gió thổi mát hiu hiu, nàng dừng chân bên hộp thư ở ngoài nhà để kiểm xem, thì có một lá thư với tuồng chữ rất lạ lẫm. Mở thư ra, nàng đọc:

> *"Tôi xin lỗi đường đột gửi bà (hay cô) lá thư này kèm theo thư của bà đã gửi cho* ông khùng...
>
> *Bà không biết tôi là ai đâu vì thực ra tôi chỉ là người ở cạnh căn nhà của* ông khùng... *và có quen biết với ông...*

Thưa bà, cách đây khoảng bốn tháng, ông khùng *trở về sau một chuyến đi xa... khi trở về, tâm hồn ông ta càng giống như lạc vào một cõi kỳ bí nào đó... Trước kia, ông ta vốn đã là một người khá lạ lùng với chúng tôi. Một lần, nhiều người trong khu chúng cư của chúng tôi đã gặp ông đứng như trời trồng trước cửa vào khu thương xá lớn gần nhà, đứng yên bất động, dưới chân để một bình bát nhận tiền bố thí, trên đó ghi là xin quyên tiền để mở một viện mồ côi cho trẻ em Tây Tạng bị đuổi ra khỏi nước. Chúng tôi là người Việt, còn mải lo giúp quê nhà, nên ông cũng chẳng thu được bao nhiêu, mặc dù ông đứng nguyên ngày như trời trồng bất động tại cửa thương xá..., miệng ông lẩm bẩm câu gì mà nghe rất khó hiểu. Có người tò mò ghé sát tai vào nghe, thấy như là* Namo ratna trayaya...[23] *những âm kỳ cục khó hiểu quá chẳng ai hiểu gì, chỉ nghe được chữ Nam mô thì đoán là đạo Phật...*

Kể từ đó chúng tôi gọi ông là ông khùng, *và ông ta vẫn vui vẻ nhận mình là* ông khùng...

Nhưng trở lại bốn tháng trước, khi ông khùng *trở về thì chúng tôi nhận thấy ông ta càng ngày càng lạ lùng kỳ bí... Một buổi sáng đẹp*

[23] Chú Đại Bi bằng Phạn ngữ.

trời, chúng tôi thấy nhà ông ta mở tung cửa... đồ đạc gần như còn nguyên, nhưng cũng chẳng có gì nhiều nhặn, ngoài bộ giường tủ và bàn bếp. Các đồ trong tủ lạnh còn y nguyên, mà ông ta thì không còn trong nhà. Chúng tôi phải kêu gác dan lên khóa cửa cho ông ta lại. Một tuần sau cũng không thấy ông ta về nhà, và sau đó, ông gác dan đến dọn dẹp, vừa cho vừa vứt các đồ đạc của ông khùng *đi, để cho người khác dọn vào. Kể từ đó chúng tôi có người hàng xóm mới.*

Chỉ có điều, từ khi ông khùng *mất tích, chúng tôi cảm thấy niềm buồn bã càng ngày càng lớn hơn nhiều trong chúng cư, cho đến nỗi chúng tôi không còn cười với nhau mỗi khi gặp nhau chào hỏi trong hành lang.*

Vậy lá thư này chỉ muốn báo cho bà rõ là không thể chuyển lá thư của bà cho ông khùng*.*

À quên, kính thưa bà, ông khùng *mất tích rồi thì chỉ họa trên cánh cửa bài thơ bốn câu, tôi chép xuống lại được như sau (chắc là để gửi lại cho bà):*

Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy

Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.[24]

Xin trân trọng chào bà và chúc bà mọi sự an lành."

Nàng rớt hết từ ngạc nhiên này, xuống đến ngạc nhiên khác và ngồi phịch xuống bên vệ đường... thừ người một lúc...

Lá thư đã rớt xuống đất tự hồi nào...
bay theo ngọn gió hiu hiu...



Thư pháp chữ Phật của Trần Bá Linh

[24] Của Hương Hải Thiền sư. Xin tạm dịch: Nhạn bay ngang trời không. Bóng chìm đáy nước lạnh. Nhạn chẳng có ý để dấu. Nước chẳng có tâm lưu ảnh.



LÁ THƯ TÂM SỰ
GỬI NGƯỜI BẠN XUẤT GIA

Bạn Sa Di thân mến,

Chúng ta như vậy đã có duyên may quen biết với nhau qua những quá trình hoạt động về đạo Phật. Bạn đã xuất gia từ nhiều năm nay và rời xa thế tục, đi hẳn vào trong chùa để nương náu trong cánh cửa từ bi và thực hiện lý tưởng cứu khổ độ thế. Không Quán vẫn hằng tán thán công đức của bạn và tán thán nhân duyên

thù thắng của bạn, tích lũy từ nhiều đời, để kiếp này có được thuận duyên xuất gia.

Chúng ta cùng là bạn đạo, có thể nói là gần như đồng cảnh ngộ và tuổi tác thế hệ. Bạn ra đi du học cùng một năm với Không Quán, chỉ cách nhau mấy tháng. Tuy chúng ta đi du học khác nhau về nơi chốn, phần bạn thì đi sang Âu châu, còn Không Quán lưu lạc sang vùng nói tiếng Pháp của Bắc Mỹ. Hoàn cảnh nhân duyên của hai chúng ta có khác nhau, nhưng tựu chung thì chúng ta đồng thế hệ cho nên sự giao cảm quả thật dễ dàng. Và đặc biệt, tâm đạo của chúng ta thì gần như đồng nhất, khát khao mưu cầu hạnh phúc rốt ráo cho mình và cho các chúng sinh hữu tình. Như thế, trong nhân duyên của bạn, bạn đã xuất gia và có những hoàn cảnh và khuôn khổ của người tu sĩ khép mình trong giới hạnh, hành trì. Còn Không Quán, tuy nhân duyên chưa thuận để trở thành tu sĩ, nhưng ý nguyện tìm về cửa đạo thôi thúc để trở thành một dịch giả và sống để viết văn thơ về đạo.

Nhân chuyến thông dịch hai lần qua cho Đức Đạt Lai Lạt Ma, thuận duyên đã đưa chúng ta hội ngộ đến đến gần nhau để cùng đi trên con đường tìm học về đạo, chung nhau dưới sự giảng dạy của vị đạo sư lớn nhất đương thời. Chúng ta đã

có dịp cùng học hỏi và trao đổi những hiểu biết và thắc mắc trên con đường hành trì của riêng mỗi chúng ta, nhưng có lẽ cũng là những câu hỏi và thắc mắc tiêu biểu của chung tất cả những vô lượng vô số bạn đạo đang hiện hữu trên thế gian, cùng đi tìm về ánh sáng soi đường giác ngộ của đấng Thiên Nhân Sư.

Bạn Sa Di thân mến, bạn hỏi Không Quán những câu hỏi, nhưng Không Quán vẫn hằng nghĩ rằng bạn hỏi với tâm nguyện từ bi giống như hạnh nguyện của chư vị Bồ Tát. Tâm thức của bạn đã nhuần nhuyễn trong ý đạo, Không Quán nghĩ bạn hỏi chẳng phải vì bạn không biết và hỏi riêng cho cá nhân bạn, mà có lẽ bạn mang tâm trạng tương tợ như của Ngài Xá-lợi-phất, tâm trạng mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã tán thán qua các bài kinh từ kim khẩu của Ngài:

> "Lành thay! Xá-lợi-phất! Thầy có nhiều lòng lân mẫn vì lợi ích đến chúng sinh hữu tình mà đặt câu hỏi để lợi lạc chúng sinh..."

Khi viết như thế, ý của Không Quán chỉ muốn nói đến tâm nguyện cao thượng của bạn chứ chẳng có ý gì khác. Bản thân Không Quán chỉ cũng là một người đi tìm về đạo, như bao nhiêu người khác, và câu hỏi đặt ra thì chúng ta cùng nhau bàn thảo và học hỏi để có thể đả thông những

thắc mắc. Cổ nhân đã có câu: "Học thầy không tày học bạn" mà, phải không!

Và như thế, trong tinh thần cùng nương nhau mà học hỏi Phật pháp và thảo luận, bạn viết cho Không Quán lá thư thân tình...

Trích thư:

A Di Đà Phật
Gửi anh Sonam Nyima.

Anh Sonam Nyima,
Sa Di vừa vừa mới hoàn tất một chuyến đi về Việt Nam thăm các chùa chiền và các bạn đạo, nghĩa là vừa mới từ Sài gòn về lại Paris. Chuyến đi này, Sa Di đã chuẩn bị từ lâu để làm một số công chuyện, mà vì xuất gia bận rộn trong công việc tu hành Sa Di đã tạm gác lại. Lần này, Sa Di về rất là tốt và vui vẻ, thân nhân bạn bè hài lòng và chuyến đi rất thành công. Nhưng có một điều thú vị phải kể cho anh nghe là hôm trước khi ra phi trường trở về Paris, Sa Di đi qua một tiệm sách ở đường Lê Lợi, thấy bày bán cuốn sách mang tên anh viết, nên Sa Di có mua được quyển sách ấy, mang tựa đề là "Nhật ký Dharamsala".

Mấy ngày nay, Sa Di bỏ công ra để đọc xong quyển sách "Nhật ký Dharamsala", và nhận thấy là anh viết về chuyến đi hành hương học đạo tại nơi đức đương kim Đạt Lai Lạt Ma trú ngụ rất hay. Ngày mai, Sa Di sẽ đưa quyển sách cho một người bạn đạo đọc. Tiếc là không còn ở Sài gòn, nếu không Sa Di sẽ mua nhiều quyển khác mang đi biếu người quen để làm món quà tinh thần nhỏ từ Việt Nam.

Trong sách anh có nhắc đến bài anh đã viết và đăng tải trên các diễn đàn mang tựa đề "Khổ đau và hạnh phúc", nên Sa Di đã vào trong trang nhà của anh và đọc bài anh viết. Câu chuyện của anh viết về liên hệ tình cảm giữa đôi bạn, một người ở Paris, một người ở Orange County của thành phố Sài gòn nhỏ (Little Sài Gòn) tại Los Angeles. Dù sao, câu chuyện với đề tài nói đến những hệ lụy giữa đôi bạn và với bối cảnh là thành phố Paris, nơi của Sa Di trú ngụ cho nên Sa Di thấy câu chuyện có một hình thức khá lãng mạn, bởi dù sao thì đó cũng là một câu chuyện tình.

Đọc xong, Sa Di có một câu hỏi nhỏ này, không biết anh có từng suy tư về nó, hoặc có ý kiến, chứng nghiệm riêng cá nhân của mình

để chia sẻ với Sa Di, hoặc là đã từng hỏi các Lạt-ma Tây Tạng chưa? Nếu có thì Sa Di muốn biết các ngài nghĩ sao về câu hỏi nhỏ sau đây của Sa Di.

Câu hỏi như sau:

Người đã chọn đường tu, cho dù là tu cư sĩ tại gia cũng là tu, vậy tâm hồn lãng mạn có đi ngược gì với sự tu hành? Và nhất là cản trở tâm giải thoát? Chỉ là một câu hỏi nhỏ thôi nhé, hỏi để tìm hiểu với nhau và không có ý phê phán hoặc hậu ý gì khác hơn đâu.

Lý do Sa Di hỏi câu này là bởi vì hôm trước, Sa Di có thảo luân với một người nhiều tình cảm, nên Sa Di không biết làm sao phân tích cho họ khác biệt của lòng từ bi và tình cảm thế gian. Nhờ anh giúp ý kiến.

À, cũng xin nói với anh thêm, Sa Di nhận thấy trang nhà của anh có nhiều bài mà cá nhân Sa Di thấy hay và thích.

P.S: Có lẽ mình cùng thế hệ và niên tuế cho nên dễ dàng thông cảm và bàn luận chung với nhau trong tinh thần rộng rãi cởi mở. Theo Sa Di nhớ là anh đi du học Canada cuối năm

1970, còn Sa Di thì đi du học Âu châu đầu năm 1970.

A Di Đà Phật,
Sa Di cẩn bút.

Ngưng trích.

Câu hỏi của Sa Di là một câu hỏi khá phổ thông của những con tim muốn đi tìm về đạo, nhưng có thể vẫn còn những gút thắt: cái gì là đạo, cái gì là đời, ranh giới giữa hai bên dường như rất là khó phân biệt. Đồng thời, mang tâm trạng nửa ngại ngùng, nửa sợ hãi: đi tu rồi thì có còn được phép lãng mạn một chút hay không, có phải khép mình trong kỷ luật của giới luật, và diệt tiệt những tình cảm trong lòng?

Bạn ơi, Không Quán hiểu và thông cảm những thắc mắc đó. Và nhất là Không Quán hiểu tầm quan trọng và đứng đắn của câu hỏi. Cho nên Không Quán xin trân trọng trình bày qua lá thư trả lời ngắn gọn, gửi đến bạn Sa Di với tất cả những tâm sự chân thành nhất trong cuộc đời tìm về đạo của Không Quán. Mời bạn pha một ly trà thơm, và cầm trong tay thong thả đọc lá thư trả lời này... với tất cả tấm lòng thương mến của người đạo hữu cư sĩ tại gia xin gửi đến người bạn xa xôi...

Kính bạn Sa Di,

Trước hết với tư cách là một người viết văn và làm thơ ở một vị trí phải nói rất là khiêm nhường trong văn đàn, Không Quán xin trân trọng cám ơn lòng ưu ái của Sa Di đối với những tác phẩm mà Không Quán đã viết...

Thứ hai, nếu bạn Sa Di đọc hết truyện"Khổ đau và Hạnh phúc" thì chắc hẳn bạn cũng đã đọc phần kết của bài, trong đó có những lời tha thiết khuyến tu đạo và buông xả chấp thủ (nếu bạn Sa Di ở Âu châu và thành thạo Pháp ngữ thì chấp thủ trong tình yêu nghĩa là: *l'amour possessif).*

Nói một cách khác, với một tính cách khẳng định thế nào là tình yêu tinh thuần, thì Không Quán viết như sau:

> *Tình yêu thực sự tinh thuần lìa xa mọi sự chấp thủ... Như thế nghĩa là tình yêu thực sự tinh thuần không có cái ngã của ta ở trong đó.*

Chúng ta sẽ trở lại đào sâu về khía cạnh này ở phần sau.

Bây giờ mình bàn thảo với nhau về câu Sa Di hỏi:

> *Người đã chọn đường tu, cho dù là tu cư sĩ tại gia cũng là tu, vậy tâm hồn lãng mạn có đi*

ngược gì với với sự tu hành? Và nhất là cản trở tâm giải thoát?

Theo thiển nghĩ của Không Quán, câu này có thể giải đáp qua hai phương diện:

1. Trên phương diện Mật tông (và cả Hiển giáo):

Quá trình tu tập đặt nặng trên hành trì phát tâm Bồ-đề. Nhưng muốn phát tâm Bồ-đề, theo Không Quán trước hết, phải hiểu tâm Bồ-đề là cái gì và nó dựa vào đâu để mà có thể khởi lên?

Bồ-đề (Phạn ngữ Bodhi) nguyên nghĩa là Giác (ngộ như chư Phật), do đó người tu hạnh Bồ-đề gọi là Bồ Tát, nguyên chữ là Bodhisattva. Chữ này là một từ kép bao gồm Bodhi và Sattva. Bodhi là Giác, sattva là chúng sinh hữu tình.

Vậy Bodhisattva hay Bồ tát dịch là Hữu Tình Giác (có chỗ gọi là Giác Hữu Tình), nghĩa chính xác là một chúng sinh hữu tình đã giác ngộ hoặc đang hành Bồ Tát đạo.

Nhưng ở đây, thế nào là hữu tình và tại sao phải có chữ hữu tình này?

Hữu tình là có tình cảm. Là con người thì cũng là một chúng sinh hữu tình. Tình cảm thì có nhiều

loại. Thấp nhất là loại tình cảm si mê đắm chìm trong ái dục, luyến ái và thủ hữu... Chính từ cái loại tình cảm thấp kém chấp ngã đó mà mọi vấn đề của thế giới khởi sinh: Từ trong gia đình, vợ chồng ghen tuông nhau, hành hạ nhau khổ sở, chí đến ngoài xã hội, tranh chấp giành giựt nhau, rồi rộng lớn hơn là chiến tranh từ quốc gia này đến quốc gia khác... Tất cả mọi vấn đề đều không đi ra ngoài tâm chấp ngã, nắm chặt "cái tôi và cái của tôi". Bất cứ người nào đụng đến cái tôi và cái của tôi (thuật ngữ Phật giáo gọi là "ngã và ngã sở", Anh ngữ gọi là "I and mine"), thì tôi nhất quyết phải đánh nhau, sống chết với người đó, và giành giựt, bảo vệ cho cái tôi và những cái của tôi.

Đó là định nghĩa của tâm vô minh, nhuốm nặng màu sắc nô lệ cho cái ngã, tức là chấp ngã trầm trọng, căn bệnh chấp ngã thâm căn cố đế, đóng lớp dày đặc từ bao nhiêu kiếp đời, vô lượng vô số...

Biết như thế, và sau khi được học về đạo thì chúng ta cố gắng tu. Mà tu chính là sửa đổi, sửa đổi là chuyển hóa, chuyển hóa thứ tình cảm thấp kém, nhuốm đầy ái dục khổ đau, chấp thủ giữ chặt người mình chấp ái... từ đó gây ra phiền

não... Nhận ra nguồn gốc chính của nó là tâm vô minh chấp ngã...

Xin mở ngoặc:

Có câu chuyện Phật giáo như sau.

Có một ông vua, ông này có một bà ái phi mà ông ta cực kỳ sủng ái yêu thương.

Một hôm, bên bà phi đó, ông vua hỏi:

"Ái khanh có yêu trẫm không?"

Bà phi này, vốn là một Phật tử tu tập hành trì thiền định, hiểu rõ bản chất của ái dục là lòng ích kỷ chấp ngã, và muốn giúp nhà vua tỉnh ngộ, thoát ra khỏi chấp ái, bà hỏi lại nhà vua:

"Bệ Hạ muốn thiếp trả lời thành thực và đúng với chân lý hay Bệ Hạ muốn thiếp trả lời cho Bệ Hạ vui lòng?"

Vua nói:

"Ta muốn biết sự thực? Ái khanh hãy nói thật lòng, có yêu ta không?"

Bà phi nói:

"Thưa Bệ Hạ, nếu Bệ Hạ muốn câu trả lời cho Bệ Hạ vui lòng, thì thần thiếp sẽ nói là: Dạ, thần thiếp yêu Bệ Hạ lắm. Nhưng nếu Bệ Hạ muốn câu trả lời đúng với sự thực thì thần thiếp xin trả lời: Thần thiếp không yêu Bệ Hạ!"

Nhà vua cảm thấy choáng váng hỏi:

"Vậy thì ái khanh yêu người nào, nói mau".

Bà phi trả lời:

"Khoan, xin Bệ Hạ đừng nóng, hãy suy nghĩ những lời chân thật sau đây...:

Thần thiếp chỉ yêu thương cái ngã của thần thiếp nhất. Vì sao? Vì thần thiếp muốn được Bệ Hạ yêu thương thần thiếp nhất... Tỷ như Bệ Hạ, nếu thiếp hỏi: Bệ Hạ yêu ai nhất, thì Bệ Hạ sẽ trả lời: Ta yêu ái khanh nhất. Nhưng thực sự mà xét kỹ thì Bệ Hạ chỉ yêu thương Bệ Hạ nhất khi Bệ Hạ đòi hỏi thiếp phải yêu thương Bệ Hạ nhất, bởi vì giả dụ nếu thiếp yêu một người khác, thì Bệ Hạ sẽ khép thiếp vào tội khi quân, phản vua và mang thiếp ra chém đầu... đúng không? Vậy Bệ Hạ yêu thiếp chỗ nào? Khi Bệ Hạ mang thiếp ra chém đầu, Bệ Hạ chỉ yêu thiếp khi nào thiếp còn trung thành với Bệ Hạ và chỉ yêu thương cái tôi của Bệ Hạ nhất, có phải không?

Bởi vì nếu Bệ Hạ thực lòng yêu thương thiếp, đâu có mang thiếp ra chặt đầu, mà nhất là chặt đầu chỉ bởi vì thiếp đã không yêu Bệ Hạ... Vậy Bệ Hạ chỉ yêu thương cái ngã của mình nhất... Còn thiếp cũng thế thiếp chỉ yêu thương cái ngã của thiếp nhất..."

Nhà vua nghe xong tỉnh ngộ ra và từ đó hành trì Tánh Không, buông xả lòng ái dục, từ đó trả bớt các cung tần về nhà mình và sau cùng thì giác ngộ..., phá chấp ngã...

Câu chuyện này chấm dứt ở đây, nhưng Không Quán xin góp thêm một lời bàn, rút tỉa từ những năm sinh hoạt trong chùa và ghi nhận:

Nhìn chung quanh trong các chùa, biết bao nhiêu người xuất gia đi tu cũng chỉ vì "yêu" thầm vị thầy của mình...? Họ đi tu lúc đầu chẳng phải vì lý tưởng, mà chỉ vì si mê Thầy... muốn được Thầy yêu thương mình nhất!!! Muốn được làm đệ tử thị giả, bám sát lấy Thầy... Rồi từ đó mà nảy sinh các mối hiềm khích với các bạn đồng tu, khi thấy thầy mình san sẻ tình thương cho những bạn đồng tu. Không Quán cũng đồng ý, đôi khi vị thầy dùng phương tiện thiện xảo dẫn dắt đệ tử vào đạo qua tình cảm buổi đầu tiên, nhưng không thể để tình trạng như thế kéo dài lâu bởi cái nguy cơ chính thầy và đệ tử lại rớt vào trong chính cái phương tiện đã dùng để giăng ra khi dẫn đệ tử vào đạo và gây ra một trường chiến tranh trong chính nơi đạo tràng tu tập. Thế có nghĩa là sau khi dẫn đệ tử vào đạo, vị thầy phải nên mau mau tìm cách tiêu trừ cái tâm

"tình cảm ích kỷ ấy của người đệ tử" trước khi cái phương tiện trở thành tai họa trong chốn đạo tràng. Bạn Sa Di có thấy như vậy không!

Chí đến khi diện kiến với đức Đạt Lai Lạt Ma, những loại người "yêu thầm vị thầy của mình" như thế, khi thấy Ngài, thường "a thần phù", nhào đến, hất tất cả những người khác ra để ôm chặt lấy Ngài, hôn hít tay Ngài v.v...

Xin cầu mong cho những người như thế được giải thoát khỏi si mê vô minh... hoặc là được cơ duyên giáo hóa... ra khỏi... bờ mê...

Xin đóng ngoặc...

Trở lại đề tài:

Vậy hữu tình là phải có tình cảm, tình cảm siêu việt (Anh, Pháp ngữ là transcendental, transcendantal) với trí tuệ Tánh Không, chứ không phải tình cảm vô minh, bởi vì nếu vô tình như gỗ đá thì không thể tu thành Phật...

Chỉ khác là tình cảm Giác Ngộ, nguyện tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, hoàn toàn không có loại tình cảm chấp ái...

Tình cảm Giác Ngộ là lòng từ bi, vô chấp thủ. Anh ngữ có một từ ngữ rất hay để tả lòng từ bi,

đó là chữ *"loving-kindness",* thương yêu và xót xa đến chúng sinh hữu tình trầm luân trong vô minh và khổ đau do vô minh tạo ra.

Người mang tâm nguyện từ bi muốn giăng đôi cánh tay bảo bọc các chúng sinh hữu tình và nắm tay họ để cùng nhau tu, cùng dẫn dắt nhau vượt lên khỏi bờ mê, hay ít nhất là cùng nhau tái sinh lên lên cung trời Đâu Suất Thiên Nội Viện, ở nơi đó có chư Bồ Tát và đức Di Lặc đang thuyết pháp... (xem bài "Khổ Đau và Hạnh Phúc", phần cuối).

Về câu hỏi tâm từ bi ấy dựa vào đâu để khởi lên, Không Quán nhớ lại trong lần đi thông dịch vừa qua, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã giảng: Một đứa bé mới sinh ra đời, đã biết tự nhiên đi tìm bầu sữa mẹ để bú, để được mẹ ôm ấp yêu thương, và thầm nhuần trong tình yêu của mẹ. Lòng từ bi phát khởi ra từ tình cảm yêu thương mẹ... Là bài học từ bi đầu tiên trong đời...

Ngài nói: Môn khoa học tự nhiên đã từng làm thí nghiệm chứng minh trên loài khỉ. Lấy hai con khỉ sinh ra đời trong cùng một hoàn cảnh thiên nhiên và xã hội của loài khỉ. Một con thì sinh ra trong vòng tay bảo bọc của khỉ mẹ, ôm ấp yêu thương và cho bú. Còn con kia, không có mẹ từ thủa lọt lòng, nhưng được cho bú sữa bình đầy đủ, không thiếu thốn chi cả. Cả hai đều lớn lên

và học hỏi trong cùng điều kiện, chỉ khác, một con có mẹ ôm ấp, còn con kia được nuôi nấng kỹ lưỡng đầy đủ bằng sữa bình và thiếu vòng tay thương yêu ôm ấp của mẹ. Kết quả là con khỉ được mẹ nuôi lớn lên thì biết sống hòa đồng, biết thương yêu trong xã hội loài khỉ đó, không đánh nhau và bạo động với các đồng loại của nó. Còn con khỉ sống thiếu tình mẹ thì tính tình rất là bạo động, luôn luôn đánh nhau với các con khỉ khác trong cộng đồng của loài khỉ đó.

Ngài giảng: Tất cả chư Phật trong ba đời đều khởi lên từ Bồ-đề Tâm, tức là tâm từ bi. Và tâm từ bi lại khởi ra từ Phật tánh sẵn có trong mọi chúng sinh hữu tình.

Từ đó Mật tông có dạy hai pháp môn để thành tựu Bồ-đề Tâm:

1. Bảy điểm luyện tâm để đạt quả Bồ-đề
2. Chuyển hóa tâm: đổi ta lấy người

Không Quán không thể đi vào chi tiết của hai pháp môn này vì quá dài dòng trong khuôn khổ nhỏ hẹp của lá thư. Điều Không Quán muốn nhấn mạnh ở đây là cả hai phương pháp này đều đặt trên cùng một nền tảng: Nhận biết mọi chúng sinh hữu tình đã từng là mẹ của ta, và đã từng nuôi nấng thương yêu ta trong các đời quá khứ...

Điều nhận biết này có thể rất khó khăn với một số người chỉ có thể nhìn thấy đời này mà không nhìn thấy ta đã từng tái sinh qua vô lượng vô số kiếp, không thể tìm ra khởi thủy. Các chúng sinh khác cũng thế (và khi nói đến chúng sinh hữu tình là bao gồm cả đến các loài khác, kể cả các cầm thú muôn loài). Tất cả đều đã từng tái sinh qua vô lượng vô số kiếp đời. Chính vì thế mà chúng ta đã từng trao đổi vị trí "mẹ-con" lẫn nhau qua vô lượng vô số kiếp tái sinh.

Đức Phật đã từng nói:

> "Sữa mẹ mà chúng ta đã uống qua vô lượng đời quá khứ còn nhiều hơn nước tích tụ trong biển lớn..."

Từ tình cảm yêu thương mẹ mình trong đời này mà phát triển rộng ra thành tâm Từ bi với toàn thể chúng sinh hữu tình, đã từng là mẹ ta, nuôi nấng ta trong vô lượng đời quá khứ...

Từ bi khởi ra chính từ tình cảm yêu thương đối với người thân yêu... chí đến chuyển hóa thành lòng từ bi vô lượng...

Không tình cảm lấy gì để mà tu và đạt Giác Ngộ?

Còn về từ ngữ *lãng mạn*, gốc Hán Việt, *lãng* (浪) nghĩa là sóng, *mạn* (漫) nghĩa là bờ, như là mạn thuyền. *Lãng mạn* nghĩa là như sóng nước tràn bờ...

Vậy lãng mạn chỉ đến tình cảm lai láng tràn đầy... Nếu tu sửa, chuyển hóa hữu tình lãng mạn tầm thường si mê, chấp ngã thành ra từ bi tràn đầy vô lượng, vô ngã..., thì đó chính là đường tu vậy...

2. Trên phương diện văn thi sĩ:

Không Quán viết văn và thơ với chủ đích đi theo lý tưởng: "*Văn dĩ tải đạo, Thi dĩ chuyển đạo*..."

Dùng văn chuyên chở đạo vào lòng người, dùng thơ để cảm hóa, chuyển hóa đời đi vào đạo...

Bản thân Không Quán trì tụng kinh Pháp Hoa và thâm cảm ý của chư Phật, phương tiện hóa độ chúng sinh...

Chúng sinh ham vui, Phật mượn xe dê xe trâu để dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa...

Nếu Không Quán chỉ viết dịch về kinh, hay viết các bài luận về kinh điển, thì cũng có thể đoán ra là sẽ có bao nhiêu người đọc.

Họ sẽ thấy rất là khô khan khó hiểu, và chán ngán, không đọc, thì cũng vô ích.

Do đó, những loại thi sĩ và văn sĩ "văn dĩ tải đạo" là những người nguyện hành Bồ Tát đạo, nương

theo các loại tình cảm của chúng sinh và dẫn dụ họ vào cửa đạo. Sống thực với chúng sinh từng ngày từng giờ, cảm nhận nỗi đau của chúng sinh và viết lên bài văn hay câu thơ. Sự sống tràn đầy trong văn thơ... lôi cuốn họ vào cửa đạo...

Bạn Sa Di có tụng kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thiện Tài Đồng Tử đi tìm 52 vị Thiện Tri Thức, bạn sẽ thấy vô lượng vô số chư vị Bồ Tát khác nhau thị hiện trên đường đi tìm đạo pháp của Thiện Tài Đồng Tử, nhưng tựu chung vẫn chỉ là phương tiện dẫn chúng sinh vào đạo...

Vài lời tâm sự, xin bạn Sa Di miễn thứ cho vì e rằng quá dài dòng làm bạn Sa Di nhàm tai...

•••



THƯ GỬI NGƯỜI BẠN TRẺ TRONG ĐẠO

Đôi lời tâm sự về văn hóa
và Phật giáo Việt nam hải ngoại

Lời tác giả: *Nhân dịp đức Đạt Lai Lạt Ma công du tại Gia Nã Đại và cho hai buổi nói chuyện với công chúng tại Ottawa và Toronto, tác giả đại diện cho một tờ báo Phật giáo tại San José, California, đi đến tham dự và viết bài tường thuật đăng trên một diễn đàn của Nhóm Mật*

tông vùng Đông Hoa Kỳ. Khi một người bạn đạo trẻ đọc bài tường thuật này, nói về những tranh đấu của đức Đạt Lai Lạt Ma cho nhân quyền thế giới, anh bạn trẻ viết lá điện thư hỏi tác giả về từ ngữ tranh đấu và bất bạo động có gì trái ngược không.

Vì thấy tầm vóc của câu hỏi có liên quan nhiều đến vấn đề văn hóa và dịch thuật, nhất là dịch thuật Phật pháp, cũng như trước những phong trào bài bác các từ ngữ Hán Việt cũng như bài bác các thuật ngữ chư Tổ đã đề xướng ra trong truyền thống Phật giáo Việt nam đã có từ hàng ngàn năm nay, biện luận là các thuật ngữ Phật giáo gốc Hán Việt đó quá khó hiểu, tác giả bài viết này chỉ muốn thảo lá thư tâm sự, trình bày cái vốn văn hóa vô cùng quý báu đã có từ hơn 4000 năm của dân tộc Việt, kết hợp với văn hóa Phật giáo và làm thành một kho tàng văn hóa vô giá của dân tộc Việt nam.

***Với hoài vọng thật đơn sơ:** Mong cho các thế hệ trẻ hơn mình biết rõ nguồn gốc văn hóa của dân tộc và yêu thương bảo tồn nền văn hóa vô giá đó.*

Chú H. thân mến,

Kể từ khi chúng ta gặp nhau lần trước khoảng tháng 10 năm ngoái, cho đến nay chúng ta vẫn chưa có dịp gặp nhau và hàn huyên cho thỏa chí như chuyến đi lần trước qua thăm các anh chị em bạn đạo trong nhóm và tham dự dịch thuật cho buổi nói chuyện với công chúng của thầy J.

Chú vẫn khoẻ chứ? Trong lòng của tôi vẫn luôn nhớ tới các bạn cũng như là nhớ nhiều đến chú, một người bạn đạo trẻ đầy sinh lực, năng động và đầy tấm lòng hoạt động cho cộng đồng. Tôi vẫn nhớ như in buổi tối hôm đó, trên đường chú lái xe chở tôi về nhà để ăn cơm và đàm đạo cùng với một số các bạn đạo, để trao đổi những kinh nghiệm tu tập. Con đường đi vòng quanh chân núi, ngang qua khu rừng thật đẹp. Cho dù màn đêm có che phủ phần nào vẻ thiên nhiên hùng vĩ, tôi vẫn cảm nhận sâu sắc và phải thốt lên là cảnh rừng thật là đẹp. Điều này đã làm cho chú ngạc nhiên, và hỏi tôi rằng có phải tâm hồn thi sĩ trong tôi đã làm cho tôi cảm thấy cảnh đẹp cho dù trong màn đêm khó thấy? Tôi nhớ là có hứa sẽ gửi cho chú cuốn thơ tôi đã xuất bản... mười năm về trước... Để rồi công việc lu bu, tôi đã quên đi và cho đến giờ vẫn chưa gửi cho chú cuốn thơ...

Như là lời tạ lỗi, tôi viết bài này gửi đến chú, chia sẻ niềm khắc khoải trong đạo. Ăn cơm có canh... tu hành có bạn phải không chú... Vậy, không chia sẻ cho chú được thì còn chia sẻ cho ai được, phải không? Cho chú cũng chính là cho tất cả các bạn mà thôi. Vì các khắc khoải, đâu phải chỉ riêng mình chúng ta có, phải không chú. Mình và người cũng như một mạch tim huyết mà thôi chú ạ...

Mãi đến gần đây, khi tôi tham dự buổi nói chuyện trước công chúng của vị đại đạo sư đương thời mà các phật tử Trung Hoa vẫn xưng tụng là vị *"Hoạt Phật"*[25], hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm đến từ cung điện Phổ Đà Lạc Giạ của xứ tuyết... Ngài đã nói lên những lời tâm huyết cho thế giới, vận động giải thể quân đội và chấm dứt chiến tranh... Ngài đã lên tiếng kêu gọi và tranh đấu cho hòa bình thế giới... Và Ngài đã nhấn mạnh "*Muốn Giải Thể Quân Đội và Chấm dứt chiến tranh trên thế giới thì chúng ta phải Giải Thể Lòng Sân Hận trong Nội Tâm của mỗi một chúng ta".* Tâm từ phải được gieo trồng mọc rễ sâu trong mỗi người thì Giải Thể Quân Đội mới thành công. Tôi thầm nghĩ, chắc hẳn chúng ta, ai cũng biết đến Ngài, vị Đạt Lai Lạt Ma tôn kính của chúng ta.

[25] Đức Đạt-lai Lạt-ma vẫn được người Trung Hoa xưng tụng là vị Hoạt Phật nghĩa là vị Phật sống (Living Buddha).

Nhưng mà điều tôi muốn viết chia sẻ cho chú thực ra lại là một khắc khoải khá riêng tư với chúng ta, với cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Chú nhớ không, vì trong bài viết tường trình cho các đạo hữu, tôi đã dùng một từ ngữ tương đối cũ xưa, khi trong bài tường thuật, tôi đã viết là ”*Ngài tranh đấu và vận động cho hòa bình và cho lý tưởng bất bạo động, tranh đấu cho nhân quyền không bị chà đạp...*”

Dĩ nhiên khi tôi viết, tôi không thể tránh khỏi những thói quen và từ ngữ tôi thường dùng trong khoảng thời gian mà tôi còn được theo học trong trường lúc còn ở Việt Nam, thời gian khá xa xưa của nền đệ nhất và đệ nhị cộng hòa trước khi tôi rời khỏi Việt Nam đi du học. Còn chú dĩ nhiên là chú trưởng thành sau thời gian đó và qua ngoại quốc lúc còn rất trẻ sau 1975, cho nên mặc dù chú rất tinh thông tiếng Việt, nhưng không ít nhiều gi chú vẫn cảm thấy bỡ ngỡ trước những từ ngữ cũ xưa đó...

Chú viết thư sau hỏi thăm tôi khi đọc bài tường thuật của tôi trên mạng:

“Hello anh L.,
Tại vì H. qua Mỹ sau 75 nên thấy chữ “tranh đấu” dùng để nói đến Ngài hơi ngộ nghĩnh.

Nhân đây hỏi anh L. là trong tinh thần Phật Giáo về đề tài non-violence, thì "tranh đấu" như thế nào mới đạt được non-violence.[26] *Theo H. nghĩ, thầy Thích Quảng Đức tự thiêu*[27] *vì đạo pháp, cũng là tranh đấu, nhưng cái violence này xảy ra chính trên bản thân Ngài. Những người có đạo khác cho rằng đây là tội phản đạo vì tự tử. Như vậy có phải mọi sự "tranh đấu" đều mang một màu sắc violence*[28] *không, ít hoặc nhiều."*

Chú còn viết thêm:

"À quên, sau 1975, hầu như trong mọi literature[29] *của thế hệ mới, lúc nào mình cũng thấy dùng những từ "tranh đấu" và "cách mạng", cho nên H. đã bị PT disorder"*[30]

Đọc thư chú, tôi không khỏi mỉm cười. Đây là một điểm khá "tiêu biểu" về cách hành văn của chú. Đó là chú hay thêm những từ ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh vào câu để diễn tả cho chính xác

[26] Bất bạo động.

[27] Ngày 11 tháng 6 năm 1963, Thượng tọa Thích Quảng Đức đã tự thiêu giữa đường phố Sài Gòn trước sự chứng kiến của quần chúng và Phật tử để phản đối sự đàn áp Phật giáo của chính quyền.

[28] Nghĩa là bạo động, sát sinh, ngược lại với bất bạo động hay là bất sát.

[29] Văn học, văn chương.

[30] Post-traumatic disorder: rối loạn hậu chấn thương.

một vấn đề gì khi mà chú không rõ từ ngữ Việt phải dùng ra sao. Tôi để ý sau này, những bạn văn trẻ của chúng ta cũng hay đăng những bài viết chêm thêm Anh ngữ, làm thành một phong trào mới, một sắc thái mới trong nền văn hóa hải ngoại. Tôi phải công nhận là đọc những bài đó cũng thấy ngộ nghĩnh, có chút duyên ngầm, tựa như một cô gái lai hai dòng máu. Thế nhưng bản thân tôi vẫn không quen viết như vậy. Có khi tôi bắt buộc phải chú thêm tiếng Anh trong các bài viết của tôi. Phải nói là tôi *chú thêm* chứ không *chêm vào*. Sự khác biệt là tôi luôn luôn viết đầy đủ từ ngữ Việt rồi mở ngoặc để chú thêm bằng Anh ngữ cho dễ hiểu, vì tôi cũng biết là các từ ngữ của tôi dùng hơi cổ xưa cho nên phải làm như thế.

Nhân vì câu hỏi của chú là một câu hỏi có tính cách rộng lớn và tiêu biểu, liên quan đến những vấn đề khá tế nhị của các thế hệ già, trẻ của chúng ta tại hải ngoại. Xa hơn nữa, liên quan đến những vấn đề Phật pháp và kinh điển cũng như là vấn đề dịch thuật của nền Phật giáo hải ngoại. Tôi cũng biết là ở hải ngoại, chúng ta có đầy đủ những điều kiện thuận tiện và dễ dàng cho bất cứ sự học hỏi nào, ngay cả học hỏi về Phật pháp. Vì ở đây, mọi tài liệu và máy móc tân tiến giúp chúng ta khi thích thì có thể học hỏi,

đào sâu và phát huy nền học hỏi của mình đến mức tối đa.

Nói theo Phật pháp, tại hải ngoại, chúng ta có nhiều thuận duyên, có Thầy, có chùa, có sách vở và mạng lưới tin học cực kỳ nhanh chóng và dễ dàng cho trí tò mò học hỏi phát triển. Cho nên hiện giờ ít nhất là tại Bắc Mỹ (nếu không nói là cả Âu Châu và thế giới nữa), cộng đồng người Việt của chúng ta có một hiện tượng chưa từng thấy: Đó là hiện tượng tạm gọi là "lạm phát về văn hóa", tôi muốn nói đến số lượng báo chí, sách vở, văn thơ, dịch thuật, trong đó có cả các sách dịch về Phật giáo được in ra mỗi năm.

Chúng ta thấy là các tác giả về sách thơ Việt, cũng như là kinh sách sáng tác hay dịch thuật của Phật giáo phát huy thật vô số kể. Còn báo phát không tại chợ thì quá nhiều, đếm không kể xiết. Đây là một điều đáng mừng, vì tự do phát triển văn hóa thì sẽ phát huy nhiều tài năng mới. Nhưng phải nói thêm là đôi khi cũng thấy đáng lo. Lo là vì khi tôi nhặt một tờ báo lên và đọc hàng chữ lớn của một tựa nào đó viết để than phiền một cái gì... rồi kèm theo câu... *hết thuốc chữa*... Vị tác giả nào đó đã muốn than rằng: *Hết thuốc chữa* mà thành ra *hết thuốc (ngừa)*

đẻ... hay hết thuốc (làm) cho đẻ!!! Rồi lớp thiếu nhi lớn lên và ảnh hưởng đến lối hành văn đầy sai lạc trong những tờ báo đó... Tôi không lo sao được hả chú...

Có thể những chuyện đó chỉ làm cho anh em mình cười vui vì dùng những từ sai lệch một cách hóm hỉnh ấy. Nhưng có những chuyện nghiêm chỉnh hơn. Như là khi bài viết lẫn lộn, không phân biệt được từ ngữ "*tình dục*" và "*tính dục*" khác nhau thế nào. Rồi họ viết lung tung... khi thì xâm phạm "*tính dục*" khi thì họ viết "*đồng tình luyến ái*".[31] Than ôi, cái thiên chức thiêng liêng của nhà báo là nâng cao, phát triển dân trí chẳng còn thấy đâu.

Nhưng đó cũng vẫn còn là chuyện nhỏ chú ạ. Có những điều to lớn hơn. Vì tuy việc phát triển dịch thuật và trước tác rộng rãi kinh sách Phật là điều đáng mừng cho Cộng Đồng Phật giáo Việt Nam hải ngoại. Nhưng cũng có điều làm cho mình phải suy nghĩ lắm. Vì quá nhiều sách được in, và do đó, những người sơ cơ đứng ngoài không biết đâu mà tìm đọc, không biết đâu là gốc, đâu là ngọn... như đi lạc vào một rừng cây... không tìm thấy lối ra... chưa kể đến các bản dịch và

[31] Tính dục nghĩa là phái tính (nam hay nữ). Còn tình dục mới là chuyện liên hệ trai gái. Do đó viết đúng phải là đồng tính luyến ái.

các sách... vàng thau lẫn lộn, và dịch giả thời mới bây giờ thường không chịu bỏ công tìm đọc những tác phẩm và kinh sách của chư tổ, chư tôn đức đi trước mình để học hỏi và rút tỉa kinh nghiệm dịch thuật. Mạnh ai nấy tự ý dịch theo các cách hành văn của mình, tự ý phát minh ra những từ ngữ lạ hoắc lạ hươ, đôi khi lại rất tối nghĩa vì nó không nói lên được ý nghĩa thực sự của bản kinh qua những từ quá sức mới mẻ ấy, hơn thế nữa, khi đọc lên không còn thấy được gốc gác Phật giáo Việt Nam của mình ở đâu, và nhất là không liên hệ gì được đến nền Phật giáo Việt Nam đã có truyền thống từ hàng ngàn năm nay, truyền thống do chư Tổ Sư đã dày công ghi chép lại thành những hệ kinh điển của Việt Nam.

Đúng ra trước khi làm công tác dịch thuật, chúng ta nên bỏ vài ba năm (có lẽ là còn chưa đủ) để trì tụng những bộ kinh có tầm vóc, ít nhất là những kinh ngắn như là Bát Nhã tâm kinh hay lớn hơn như là kinh Pháp Hoa. Như thế để mình thấm nhuần cách hành văn, cách đặt câu cú trong kinh điển cũng như là cách chuyển thành lối thi kệ bốn chữ hay năm chữ thường sử dụng trong hệ kinh điển Việt Nam và nhất là thanh tịnh hóa thân tâm mình và được linh cảm hộ trì từ dòng chư Tổ sư. Và cũng vì lối hành văn và đặt thi kệ (gọi là chuyển cú) đặc biệt của Phật giáo dân tộc

mình rất là dễ thấm vào lòng hành giả trì tụng. Vài ba năm trì tụng còn chưa biết đủ thiếu ra sao, thế mà có một số vị lại viết và giải nghĩa những loại pháp môn chuyên biệt (như của Mật Tông) mà có lẽ chính mình chưa hề tu tập hành trì pháp môn ấy.

Một số dịch giả sau này còn cổ võ một phong trào bài trừ tiếng Hán Việt khi dịch thuật, thay thế bằng những từ ngữ mới mà không theo quy luật văn phạm cú ngữ Việt Nam. Thí dụ như là chế ra một từ kép mới gồm hai âm, một âm thuần Việt, còn âm kia thì lại là gốc Hán Việt, và thành ra một từ kép pha tạp lai căng, vì không hiểu rõ luật về cú ngữ là các từ kép không cho phép dùng trộn lộn một âm Hán và một âm Việt.

Tôi thí dụ cho dễ hiểu nhé, như dùng chữ Bụt để tả đức Phật thì được, nhưng không thể dùng chữ Bụt pháp để chỉ đến giáo lý thay cho chữ Phật pháp. Còn những vị khác thì cổ vũ dùng thuần chữ Việt cho dễ hiểu, từ đó cố ép và sản xuất ra những từ ngữ kỳ quái như là *ban lành* để chỉ đến việc Phật tử xin ban chú nguyện hộ trì hay là xin cầu an. Ngay cả từ ngữ ban phép lành (blessings) cũng có màu sắc đặc biệt của công giáo vì người Âu Mỹ chỉ dịch theo sự hiểu

biết công giáo của họ, từ ngữ *ban phép lành* chỉ mang ý nghĩa ơn trên ban xuống cho người xin mà thôi, chứ không như sự chú nguyện hộ trì mang ý nghĩa *cảm ứng đạo giao nan tư nghì*[32] của Phật giáo. (Thôi chết tôi lại dùng từ Hán Việt gây rắc rối cho chú nữa rồi). Không biết chú có thấy lo không, chứ tôi mỗi lần nhìn thấy những chuyện như vậy, trong tâm lại có cái gì buồn buồn.

Dài dòng lan man quá chú nhỉ, hay là chú lại cười tôi là lo... con bò trắng răng rồi. Thôi để tôi quay về với cụm từ “tranh đấu” nhé.

Xét về mặt ngôn ngữ học, chúng ta cũng biết là dân tộc Việt Nam có một nền văn hóa đúc kết từ tinh hoa của 4000 năm. Cái hay của dân tộc Việt là ngoài những đặc điểm riêng của dân tộc mình, chúng ta còn biết thâu nhận cái hay của người làm của mình, *biết thâu nhận những từ ngữ rất là tinh hoa của Trung Quốc để chuyển hóa nó, tiêu hóa các từ ngữ đó trở thành một nguồn từ ngữ rất là độc đáo và hấp thụ tinh hoa của người làm trở thành tinh hoa của dân tộc*. Do đó kho tàng ngôn ngữ Việt bao gồm những

[32] Cảm ứng đạo giao nan tư nghì (trích từ bài kệ tụng Quán tưởng khi lễ lạy) dịch nghĩa là sự linh cảm với đạo không thể nghĩ bàn.

từ ngữ vô cùng phong phú và đa dạng, trong đó phải kể đến tinh hoa phong phú và đa dạng nhất là nguồn từ ngữ Hán Việt.

Do đó cụm từ "tranh đấu" có một nguồn gốc Hán Việt. Tại sao phải nói dài dòng như thế: Đó là vì khi chúng ta tìm hiểu một sự kiện gì, chúng ta phải *tra cứu về gốc* (chứ không phải chỉ xét về ngọn). Vì gốc từ "tranh đấu" bắt nguồn từ Hán Việt, chúng ta phải tra lại xem ý nghĩa của nó như thế nào. Khi tra từ điển chữ Hán thì chữ *tranh* (爭) nghĩa là dùng lời nói để luận đúng sai. Còn chữ *đấu* (鬭) nghĩa là dùng sức để định hơn thua.

Như thế về mặt ngôn ngữ thì cụm từ "tranh đấu" bao gồm nghĩa đen là luận hơn thua qua các lời nói phân giải, luận bày hoặc sức yếu mạnh. Nghĩa rộng thì cụm từ "tranh đấu" có ý nghĩa là cố gắng phát huy sức lực (tâm lý hay vật lý) để truyền bá một điều gì mình muốn cổ võ.

Vì thế, chúng ta nói:

- Tranh đấu cho tù nhân chính trị, nghĩa là vận động (campaign) để mang lại tự do cho tù nhân chính trị.
- Tranh đấu cho hòa bình. Tranh đấu cho lý tưởng của nhân loại bao gồm tự do, công bình và bác ái (Liberté, Egalité, Fraternité:

ba điều đề xướng ra bởi Maximilien de Robespierre trong thời kỳ phát triển nền Cộng Hòa Pháp quốc).

- Tranh đấu chống kỳ thị... hoặc là tranh đấu bất bạo động của thánh Gandhi v.v...

Thế thì tranh đấu nghĩa rộng rãi là vận động cho một lý tưởng gì đó (working for a noble cause). Cụm từ "tranh đấu" không có ý nghĩa là phải bạo động, nếu là tranh đấu có bạo động thì chúng ta nói: *Cuộc tranh đấu trở thành bạo động...* hoặc, ngay từ đầu đã là *tranh đấu bạo động đánh đuổi thực dân Pháp dành quyền tự do cho dân tộc Việt Nam* v.v...

Có khi chúng ta nói là phải "phấn đấu tu tập" có nghĩa là tranh đấu với chính bản thân mình để tu tập, vượt lên cao hơn, như là trường hợp của thiền Nhật bản – Zen – mà Anh ngữ dịch là "transcendental meditation".

Trở lại về cái điểm hay độc đáo của kho tàng từ ngữ Hán Việt là các từ ngữ đó rất súc tích, cô đọng (concise). Khi đọc cụm từ "tranh đấu", người Việt Nam chúng ta liên tưởng ngay đến sự cực khổ, hết lòng hết sức làm một cuộc vận động cho lý tưởng nào đó. Chúng ta không nói: *tranh*

đấu cho sự ngu dân, hoặc tranh đấu cho thực dân Pháp. Vì chữ tranh đấu rất là cao cả, bao hàm ý nghĩa cao thượng và lý tưởng.

Xét về mặt văn học, chắc chú cũng biết là như khi chúng ta đọc một bài thơ: chỉ cần có một từ ngữ súc tích cô đọng và bao hàm một điều gì thật đẹp, hay là một phong cảnh thật hữu tình, là lòng mình lại khởi lên tất cả những cảm xúc dâng trào. Thí dụ như câu thơ nổi tiếng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du mà ai đọc cũng đều cảm động:

Rừng phong thu đã nhuốm **màu quan san.**[33]

Nguyên cả câu này, khi ta đọc năm chữ đầu *Rừng phong thu đã nhuốm* (che ba chữ *màu quan san* đi), thì ta chưa có cảm xúc gì cả, nhưng khi đọc thêm ba chữ cuối thì mới thấy mở ra cả một trời thu xuất hiện. Từ ngữ "*quan san*" làm ta thấy ngay lập tức cả bầu trời thu đó, rồi lại thấy theo bầu trời thu nguyên cả sự sầu muộn của nơi chốn địa đầu núi non "quan san" xa xôi cách trở, ly biệt, buồn bã, se sắt, hiu quạnh..., thấy nguyên cả màu sắc của rừng thu rực rỡ màu lá đỏ, lá vàng thắm... Và câu thơ nổi bật ở chỗ *màu quan san*. Cái hay, cái đẹp của từ Hán Việt là sự

[33] Quan (關) = cửa ải; san, sơn (山) = núi.

súc tích, cô đọng, lôi cuốn theo cả một trời tình cảm đi theo sau. Và người đọc suýt xoa khen câu thơ trên là câu thơ tuyệt tác.

Làm sao mà chúng ta có thể diễn tả cảm xúc của màu quan san mà không dùng từ Hán Việt? Nếu chúng ta bỏ qua kho tàng văn hóa từ ngữ này mà viết theo kiểu thuần Việt thì chẳng lẽ chúng ta làm câu thơ thành ra:

> *Rừng phong thu đã nhuốm màu ly biệt của miền núi non xa xôi cách trở và màu của sự buồn bã chia ly mùa thu...*

Câu thơ sẽ chẳng còn ra sao và mất cả vần điệu. Người đọc cũng thấy gượng ép, nhạt nhẽo, chẳng còn thấy hứng thú gì khi tác giả phải nói toạc ra mọi ý nghĩ cùa mình...

Chính là nhờ lòng cảm xúc khi đọc những từ ngữ truyền cảm đó mà chúng ta thưởng thức thơ văn, thấy hay và đẹp... Để cho niềm cảm xúc dâng trào...

Cũng thế, khi ta đọc bài kinh, bài kệ, nhờ những từ ngữ súc tích của Phật giáo Hán Việt mà bài kinh mang lại cho chúng ta bao nhiêu niềm cảm xúc dâng trào, *cảm ứng đạo giao* với chư Tổ trong dòng truyền thừa đã dày công tâm huyết viết ra những bài đó. Chúng ta không quên công ơn của chư vị.

Lấy thí dụ, khi nói đến bài học đầu tiên của đức Phật Thích Ca giảng cho năm anh em nhà Kiều Trần Như về Tứ Diệu Đế. Nếu chúng ta mắc kẹt và từ chối không dùng tiếng Hán Việt thì làm sao mà chúng ta có thể nghe giảng và hiểu nghĩa ngắn gọn của bài học? Chỉ nói đến tựa của bài giáo lý này, nếu muốn viết sang thuần Việt sẽ phải viết dài dòng: Bốn chân lý cao siêu mầu nhiệm, mà dù vậy vẫn phải dùng từ Hán Việt như chân lý v.v... Mà khi đọc thì ý nghĩa không thể thấm bằng ba từ ngữ thật hay và cô đọng: Tứ Diệu Đế, đọc lên là tất cả đều thấy rõ ràng.

Cho nên mình cũng thấy là chẳng thể nào viết tiếng Việt mà không dùng từ Hán Việt, vì nếu cố làm như thế thì chẳng những mình bỏ quên nguồn gốc văn hóa của mình mà các câu văn sẽ rất tối nghĩa khó hiểu và què quặt khôi hài.

Đó là cái hay của kho tàng từ ngữ Hán Việt. Kho tàng này chính là văn hóa Việt Nam, chính là văn hóa Phật giáo Việt Nam. Qua các kho tàng kinh điển Phật giáo, chúng ta muốn hiểu được, cảm nhận được, phát huy cảm ứng đạo giao thì chúng ta phải phát tâm cố gắng tìm hiểu học hỏi không ngừng kho tàng văn hóa Việt Nam và cũng là kho tàng Phật giáo Việt nam. Chúng ta không nên tìm đến sự dễ dãi quá, đơn giản quá vì không muốn học hỏi khó khăn, và đòi hỏi tất cả phải viết ra dài dòng thành thuần Việt. Vả lại

sự học hỏi càng dễ dãi thì càng mau quên và không sâu.

Về điều này, đức Phật và chư Tổ cũng thường sử dụng, chư vị đôi khi không nói thẳng tuột điểm tâm huyết của giáo lý ra mà dùng các ẩn dụ muốn chúng ta phải tự mình bỏ công tìm tòi học hỏi ra. Vì có như vậy, sự học hỏi mới sâu sắc và thấm thía.

Sự cảm xúc khi xảy ra trên bình diện tu tập hành trì đạo thì chúng ta gọi là *cảm ứng đạo giao*. Cảm ứng đạo giao rất là quan trọng và cần thiết trên con đường tu vì nó ban cho chúng ta sức mạnh hành trì tinh tấn. Chú có nhớ những bài tụng rất là cảm động mà khi chúng ta đốt ngọn hương trầm lên, ngước lên chiêm ngưỡng dung nhan Phật và quán tưởng đến 32 tướng tốt, đức Từ phụ nhìn xuống từ bi... Lòng chúng ta rộn rã niềm vui sướng và xướng câu kệ *Quán tưởng*:

> *Năng lễ sở lễ tánh không tịch,*
> *Cảm ứng đạo giao nan tư nghì...*

Khi cảm ứng mạnh quá và liên tục, thì một ngày nào đó, chúng ta sẽ chứng quả Bất thối chuyển.[34] Khi ấy, lòng chúng ta an vui biết là bao...

[34] Quả Bất thối chuyển là quả vị Bồ tát an vui tinh tấn trên con đường đạo và không lùi bước.

Chú H. thân mến, chú thấy không? Cái cảm xúc từ một từ ngữ súc tích đó có thể nâng cao, hướng thượng và chuyển hóa thành cảm ứng đạo giao. *Cho nên mình đừng ngại tiếng Hán Việt.* Một âm súc tích, cô đọng, chính xác và chuẩn đích sẽ khơi cho chúng ta nguồn cảm xúc, xa hơn nữa, nguồn đạo cảm ứng không thể nghĩ bàn...

Vậy mình đừng ngại các từ ngữ đó, nó là phương tiện giúp chúng ta tu đạo. Và nếu có khó khăn chút đỉnh, chúng ta hãy nghĩ đến công ơn chư Tổ trong truyền thừa Việt Nam mình mà bỏ chút công học hỏi. Không khó đâu, chỉ cần chút thời gian, tiếng Việt mình đã quá quen thuộc với các từ Hán Việt rồi. Nhất là thế hệ trẻ Việt Nam bây giờ vô cùng lanh lẹ và thông minh, học thành tài bao nhiêu thứ khó khăn huống hồ học những từ ngữ Hán Việt quá quen thuộc trong tiếng mẹ đẻ phải không chú. Bây giờ chú thử tưởng tượng, nếu hoàn toàn không dùng từ Hán Việt, mình có thể nói và viết tiếng Việt được không? Chẳng hạn như câu mình rất thường nói là:

> *Mùa đông năm nay lạnh quá, nhiệt độ thường xuống thấp dưới mười độ âm...*

Xét trong một câu ấy, chúng ta đã tìm ra khoảng 5 từ Hán Việt (đông, nhiệt độ, thường, âm v.v...). Nếu chúng ta bài bác từ Hán Việt, không dùng

các chữ đó, thì chú thấy sẽ khó khăn đến thế nào để diễn tả câu đơn giản ấy.

Huống chi, Phật pháp vốn dĩ cao siêu, mầu nhiệm, ngôn từ đầy đủ cũng còn chưa diễn tả nổi. Nếu chúng ta cứ ngại học thêm những từ ấy mà tránh né thì chẳng biết chúng ta sẽ đi về đâu?

Cảm xúc văn hóa, hay cảm ứng đạo giao không cách xa nhau lắm đâu. Chỉ cần nhắm mắt lại, vỗ tay đốp một cái như khi chư tăng Mật tông Tây tạng vẫn làm khi tụng bài Tâm Kinh, thì cảm ứng tánh không hiện tiền... Như khi một hành giả trì câu chú (bắt đầu với chủng tự Om) liên tu, lâu ngày, chày tháng, câu chú nhập tâm, ăn ngủ đều âm thầm tụng câu chú. Rồi trình độ trì chú đã cao và thuần thục, khi đó hành giả chỉ cần khởi trong tâm chủng tự ***Om..m..m..m*** âm vang trong tâm thức là toàn bộ câu chú hiện tiền, chiếm trọn tâm thức chẳng còn mảy may vọng tưởng. Sự súc tích cô đọng đã đến trình độ cao tột. Và tương đương với trình độ đó là sự cảm ứng đạo giao...

Nhưng tôi cũng đồng ý với chú là dĩ nhiên, mình đừng lạm dụng quá đáng các từ ngữ Hán Việt làm cho những bài viết trở thành nặng nề. Chúng ta nên khéo léo phối hợp các cách dùng từ ngữ của

chư Tổ Việt Nam để bài viết của chúng ta tương đối dễ hiểu và súc tích. Nhưng dù vậy, sự kiện đó cũng đòi hỏi người đọc có một trình độ tối thiểu và nhất là lòng hăng say tìm học để mang lại những chiều sâu về sự hiểu biết.

Xét về mặt giáo lý thì tâm của chúng ta thường hay mắc vào các sự chấp trước. Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng là tất cả những gì của thế gian đều thuộc về tục đế. Tục đế là những quy ước (frame, convention) của thế gian đặt ra để giúp chúng ta hiểu một điều gì cho dễ dàng. Nhưng bù lại, chúng ta không nên chấp chặt vào đó để làm cho những quy ước ấy trở thành ông chủ của chúng ta, hay nói cách khác, chúng ta trở thành nô lệ của những quy ước ấy mà không phân biệt được những trường hợp cá biệt đặc thù.

Tóm lại, chúng ta không nên chấp chặt vào thế gian đế hay là tục đế. Mà ngôn ngữ thì thuộc về thế gian, tức tục đế, ngôn ngữ có tính cách giới hạn và tương đối. Do đó đức Phật luôn từ bi khuyên bảo chúng ta đứng chấp vào ngôn từ, hình danh, sắc tướng. Ngôn từ chỉ là phương tiện. Như ngón tay chỉ mặt trăng. *Cần nương ngón tay để thấy mặt trăng chứ nếu chỉ chăm chăm nhìn vào ngón tay thì mặt trăng sẽ không bao giờ hiển hiện được.*

Ngày xưa có câu *"ý tại ngôn ngoại"* nói rằng ý nghĩa nằm ngoài ngôn từ cũng không khác cái nghĩa đó. Để giúp chúng ta đừng chấp, đức Phật đã tuyên bố hùng hồn trong kinh Kim Cang:

"Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai"

Nghĩa là: *Nếu do sắc thấy ta, do âm thanh mà tìm ta, kẻ đó hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai...*

Đức Phật đã đả phá tất cả những gì thuộc về tâm chấp trước, kẹt vào hình danh sắc tướng, vì những thứ đó chẳng phải là rốt ráo. Ngay cả đức Phật cũng phải bát Niết-bàn và từ bỏ thân bao gồm 32 tướng quý của mình khi duyên đã hết. Do đó chấp vào hình danh sắc tướng thì chẳng phải là đường tu hành chân chính.

Chấp hình sắc hay chấp vào ngôn tự cũng như nhau. Khi ta chấp vào ngôn tự thì cái ý thật nghĩa ở đằng sau chẳng thể nào hiển hiện.

Do đó khi đọc cụm từ "tranh đấu" viết về đức Đạt Lai Lạt Ma, chẳng nên dính vào cái nghĩa đen đằng sau, mà chúng ta chỉ nên thấy được một vị đại đạo sư đã từ bi đi khắp muôn phương hành hóa phát triển những lợi lạc cho nhân quyền thế giới. Thế cho nên người người đều đến nghe đức

Đạt Lai Lạt Ma dạy dỗ khuyên bảo, chẳng phân biệt gốc gác từ đạo nào, chẳng phân biệt màu da chủng tộc. Tất cả đều hoan hỷ đón nhận những lời khuyên bảo chân tình của Ngài trong những buổi nói chuyện với công chúng.

Ngay cả trên đường tu đạo, chúng ta cũng chẳng nên kẹt trong ngôn từ huống hồ là ngoài đời khi đọc một bài viết hay một từ ngữ như tranh đấu. Thế nào là chấp trong ngôn từ.

Chúng ta hãy nhớ lại lời chư Tổ dạy:

"Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan,
Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết"

Nghĩa là, nếu chấp chặt nơi văn tự mà giải nghĩa, thì oan cho ba đời chư Phật, mà rời bỏ kinh điển thì lại lạc vào những tà thuyết của ma.

Vì lời nói của chư Phật chỉ là phương tiện tạm thời, tất cả đều tùy theo trường hợp, nghĩa là tùy bệnh cho thuốc. Thuốc trị bệnh của Phật là thuốc phá chấp, nếu chiếu theo văn tự để giải nghĩa, khi Phật nói Có thì mình chấp cái Có đó là thật, khi Phật nói Không thì lại chấp cái Không đó là thật, ấy là oan cho chư Phật. Đó là do cái tâm của mình thấy mọi pháp qua cái lăng kính của kinh nghiệm nội tâm riêng biệt, như từ *tranh đấu* nó vốn tự nó không có nghĩa bạo động mà vì tâm

hành của mình, nhìn sự việc qua kinh nghiệm cá nhân (cũng là nghiệp của mình) và liên kết ý nghĩa của từ tranh đấu với bạo động (*duy thức học gọi là tâm biến kế*).[35]

Còn nếu *“Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết”:* lìa kinh thì chẳng thể giác ngộ được, vì kinh chính là lời Phật dạy để tu hành đạt giác ngộ cho nên không theo kinh điển là tà ma, không thể giải thoát được.

Do đó khi đọc tụng kinh, chúng ta chẳng lìa văn tự cũng chẳng chấp văn tự, nương theo ý kinh mà thấy thật nghĩa y như vậy, cũng như đọc một bài viết, ngắm một bông hoa, chẳng khởi tâm biến kế, chẳng động đến Mạt-na. *Cho dù Mạt-na sinh khởi, mình sẽ mỉm cười và nói: À há!!! Ta đã thấy mặt mũi của ngươi rồi.*

Để khi đọc từ ngữ *tranh đấu*, ta cũng chỉ nhớ đến công ơn của đức Đạt Lai Lạt Ma, một đời làm việc cho hòa bình bất bạo động, cho nhân quyền và cho hạnh phúc nhân lọai. Chúng ta không còn chấp vào cái tâm thức giới hạn của mình, trải rộng cái nhìn lên trên tâm thức, đọc cái nghĩa đằng sau cả câu viết và thấy được hành trạng

[35] Biến kế sở chấp là khi mình chấp vào cái nhìn sai lầm trên sự vật (pháp) và gán trên sự vật cái nhãn sai lầm đó, như đi trong đêm, nhìn cuộn dây mà tưởng là con rắn.

của Ngài qua những cố gắng không ngừng nghỉ để hoàn thành tâm nguyện cao cả của Ngài.

Và sau cùng, xét thêm sâu hơn về mặt duy thức học thì Mạt-na thức (là thức thứ bảy trong Bát thức) chính là nguyên nhân của sự chấp trước này. Như đã nói, khi ta có một kinh nghiệm quá khứ nào về chuyện gì đó, thì chúng ta có khuynh hướng chấp chặt vào cái đó.

Thí dụ như khi chú có kinh nghiệm không tốt các cuộc chiến tranh tàn bạo, và nghe những tuyên truyền về tranh đấu vũ trang thì cũng dễ hiểu là khi nghe lại từ tranh đấu, chú cảm thấy có vẻ sắt máu và không có mấy cảm giác tốt đẹp. Như vậy, chúng ta hay bị cái quá khứ làm chúng ta mất chính niệm và lan man liên tưởng đến tranh đấu là sẽ có bạo động, đến sự tàn ác giết người v.v...

Mà thực sự thì cụm từ tranh đấu chỉ có nghĩa là làm việc khó nhọc cho một lý tưởng cao cả nào đó của mình.

Người tu theo đạo Phật thường cố gắng giữ chính niệm không để cho Mạt-na thức dẫn dắt tâm mình chuyển thành tâm biến kế sở chấp và gán ghép một cái nhãn hiệu gì đó trên sự vật, làm cho méo mó sự vật đó để mình không còn thấy được *bản thể thực của sự vật* (real nature of phenomena). Do đó mới có câu nhìn bông hoa

đẹp mà thấy là bông hoa đẹp (chứ không thấy là hoa đẹp, xong rồi muốn khởi tâm ngắt bông hoa mang về chưng trong nhà mình).

Cũng như khi đọc cụm từ "tranh đấu" không để cho Mạt-na thức của mình khởi lên (vì do các nghiệp quá khứ của mình hiện hành) và cho rằng "tranh đấu" là phải có bạo động (violence). Như thế thì *"tranh đấu" với lòng từ bi như là đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn thường thuyết và làm chính là bất bạo động "non-violence". Và nói thế có nghĩa là mọi tranh đấu phải được đặt trên nền tảng của nguyện từ bi (altruistic motivation) mang lại an lành cho mọi chúng sinh.*

Với những chúng sinh bình thường như chúng ta thì mọi cái nhìn đều nhuốm ảnh hưởng của Mạt-na thức và bản ngã của mình. Có một câu thơ rất hay để diễn tả cái sự bao trùm của chủng tử trong Mạt-na thức hiện hành trên mọi nhận thức của mình, tôi cũng chỉ nhớ mài mại thôi và tạm viết ra đây để chúng ta cùng chiêm nghiệm nhé:

Bởi vì mắt thấy trời xanh
Cho nên mắt cũng long lanh mầu trời
Bởi vì mắt thấy biển khơi
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương...

Trụ Vũ

Còn về chuyện ngài Quảng Đức, tôi nghĩ là câu chú hỏi vậy thôi chứ chắc chú cũng dư hiểu là tự thiêu vì đạo pháp, cũng là tranh đấu, nhưng đúng hơn tranh đấu với lòng đại bi của chư Phật. Cho nên tôi cũng muốn bắt chước như nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp viết trong bài Đi Chùa Hương "*Bài thơ này em nhớ, nên chả chép vào đây...*", chú có thấy tôi mỉm cười không...

Nhưng thôi, tôi cũng chỉ muốn cùng chú nhắc lại truyện của đức Thích Ca về sự tích có một hôm, một con chim bù cắt đuổi bắt con chim sẻ định ăn thịt. Chim sẻ bay đến trốn sau lưng Ngài. Đức Phật bèn giấu chim sẻ sau lưng để cứu mạng nó. Chim bù cắt bay đến nơi và thưa với đức Phật, Ngài che chở cho chim sẻ thì e rằng con phải chết đói, vì sự sống của con trong thiên nhiên là phải săn bắt chim sẻ ăn thôi. Đức Phật liền cắt bắp vế mình ra để ban cho chim bù cắt ăn... thế có phải là bạo động không chú nhỉ...

Hẹn chú ngày gặp lại sớm, anh em mình tha hồ hàn huyên cho thoả...

Không Quán tùy bút ký



Hồi hướng

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sinh,
Đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Bổn Sư
Thích-ca Mâu-ni Phật

